



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh
Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân
ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh
ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,
Q.Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370

Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

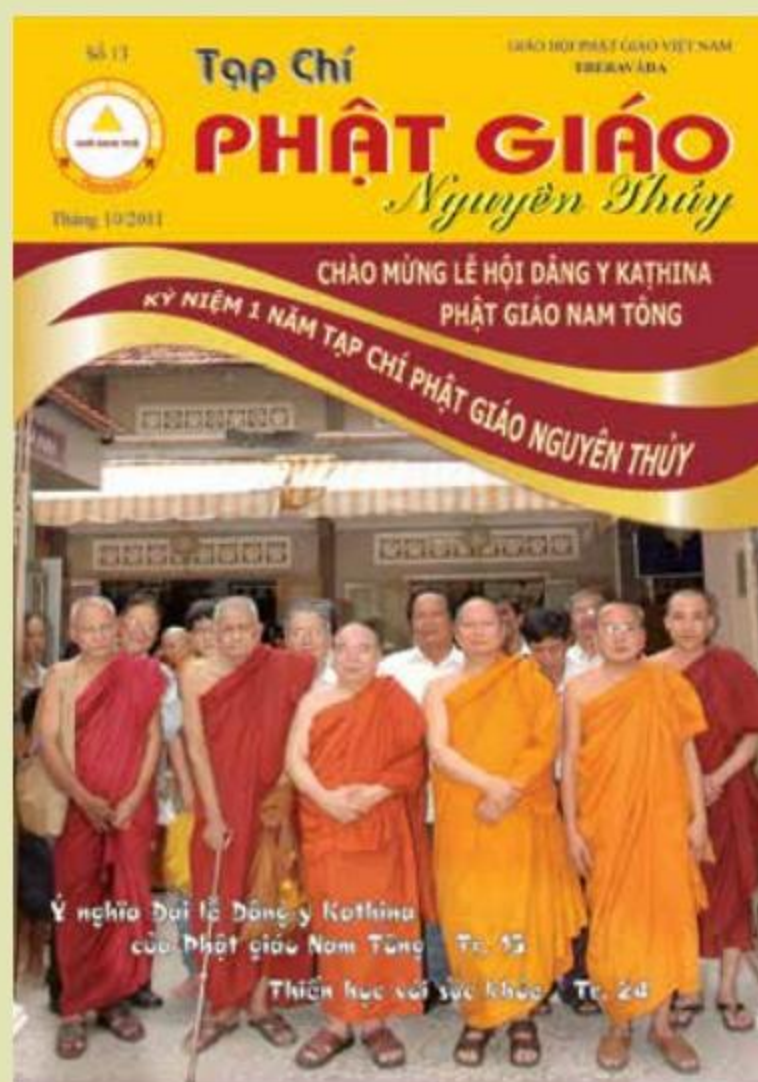
CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Hòa thượng Tăng thống Bangladesh, HTTS Viện trưởng Viện Đại học Hoàng gia Thái Lan và phái đoàn thăm chùa Phổ Minh - Q. Gò Vấp

Trong số này

- Lá thư Tòa soạn	03
1. TIÊU ĐIỂM	
- Thông điệp của đức Pháp chủ	04
- Kinh nghiệm của chư Tăng Nam tông - HT Thiện Tâm	05
- PV Hòa thượng Dhammakosajarn - Khắc Chiếu	07
- TC PGNT Tròn một năm - Quốc An	09
- Ý nghĩa Đại lễ Dâng y Kathina - Phúc Nguyên	15
2. KINH TẠNG	
- Kinh Chánh tri kiến - HT. Thích Minh Châu	18
3. LUẬT TẠNG	
- Giới luật của người xuất gia - Nguyệt Thiên	20
- Nội quy Ban tăng sự TW	22
4. THIỀN HỌC	
- Thiền học với sức khỏe - Lương y Minh Chánh	24
5. LUẬN TẠNG	
- Tìm hiểu Pháp chân đế - Giác Nguyên	27
6. VĂN HÓA	
- Minh vương Nguyễn Phúc Chu - HT Thích Đạt Đạo	29
- Lịch sử và tình hình văn học PG - TT Thích Phước Đạt	32
- Giữ Tâm bình an trong cuộc sống - Chơn Minh	35
7. ĐỐI THOẠI	
- PV Hòa thượng Viên Minh - Hiền Huy Hòa Hiệp	37
8. SUY NGẪM	
- Hãy là chính mình - Duy Thiện	39
9. TRI ÂN	
- Cảm niệm cố HT Siêu Việt - HT Thích Thiện Nhơn	40
- Hòa thượng Hộ Nhẫn	41



10. VĂN THƠ	
- Giáo dục Phật học cho Ni chúng - Liễu Pháp	44
- Dễ và Khó - ĐĐ. Thiện Minh	46
- Đạo sĩ và hư vô - Minh Đức Triều Tâm Ảnh	49
- Tỉnh Ngộ - Hạnh Ngọc	49
- Đạo trưởng siêu thanh - Tk Giác Chánh	50
- Bên bờ Giác Ngộ - Hạnh Ngọc	50
- Khuyên con xuất gia - Minh Tâm	51
11. VĂN HỌC PĀLI	
- Nhớ lại tiền kiếp - BS Hồ Hồng Phước	52
12. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO	
- Khói hương có thể gây hại sức khỏe - Bồ Đề	55
13. PHÁP LUẬT	
- Tìm hiểu luật thừa kế nhà đất - Lâm Thị Mai	56
14. THEO DÒNG	57

Lá Thư Tòa Soạn

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy vừa tròn một tuổi. Một tuổi so với kiếp người thì quá ngắn ngủi, nhưng so với quá trình làm việc đóng góp văn hóa cho Dân tộc và Đạo pháp thì quả thật công đức vô cùng vô tận. Trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay có bốn Tạp chí và một tờ báo Giác Ngộ. Tất cả đều chuyển tải tư tưởng Phật giáo và thông tin đến với đại chúng trong nước và hải ngoại. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy ra đời gần một năm qua, điều đáng mừng là đã gây được cảm tình khá tốt trong lòng độc giả qua thư gửi và điện thoại gọi đến tòa soạn. Sở dĩ được như vậy là nhờ sự quan tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Bộ - Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Tôn giáo Chính phủ, Tác giả, Dịch giả, các nhà Nghiên cứu nhiệt tình gửi bài, Ban Bảo trợ Tạp chí, Nhà in Nguyễn Minh Hoàng v.v...

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy sẽ cố gắng nhiều hơn nữa để tiếp tục phục vụ văn hóa, xã hội cho Dân tộc và Đạo pháp Việt Nam. Cố gắng trung thành tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí: Giới thiệu những nội dung kinh điển và tư tưởng của Phật giáo Nguyên thủy - Góp phần tuyên truyền chánh sách đoàn kết Tôn giáo của Đảng và Nhà nước - Phản ánh những thành tựu đạt được trong cuộc sống tu hành của Tăng Ni trong Phật giáo Nguyên thủy Nam tông nói riêng và Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung theo phương châm Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội.

Phương châm của Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy là luôn luôn đổi mới từ hình thức đến nội dung, làm sao giới thiệu tư tưởng Văn hóa Phật giáo đến với mọi độc giả ở các lứa tuổi. Người tu sẽ thưởng thức lý thuyết và thực hành Tam tạng Kinh điển của đức Phật; người ngoài tôn giáo cũng sẽ thưởng thức văn hóa, tư tưởng, triết học và cách sống trong đạo Phật. Trẻ em sẽ thưởng thức những mẫu chuyện hay có giá trị nội dung giáo dục hướng thượng, nhờ vậy các em sẽ học giỏi và ngoan hơn, bớt đi bạo lực học đường, có hiếu với cha mẹ, kính trọng những người lớn tuổi, sẽ không hoang phí thời gian nhiều cho việc chơi game online. Hy vọng trong tương lai không xa, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy là chỗ dựa tinh thần vững chãi cho mọi lứa tuổi. Phục vụ và phục vụ món ăn tinh thần cho mọi tầng lớp.

Hiện nay, Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy xuất bản mỗi số 3000 bản, số lượng này so với các Tạp chí và Báo khác thì còn quá khiêm tốn. Để số lượng phát hành tăng và Tạp chí vững mạnh trong tương lai, Tạp chí rất mong sự ủng hộ của Chư Tôn đức Tăng Ni và quý độc giả trong và ngoài nước bằng hình thức mua Tạp chí, ủng hộ tặng Tạp chí vùng sâu vùng xa, đăng quảng cáo trong Tạp chí, vừa giới thiệu công ty của mình, vừa ủng hộ cúng dường Tạp chí để tồn tại và phát triển.

Nhân dịp kỷ niệm Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy tròn một năm, Ban Biên tập bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Chư Tôn đức Tăng Ni, quý cơ quan, quý Phật tử gần xa, quý học giả trí thức đã quan tâm giúp đỡ bằng nhiều hình thức cho Tạp chí trong thời gian qua. Nguyên cầu Tam bảo gia hộ cho Quý vị và các bạn thân tâm an lạc, hanh thông mọi việc.

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy



Thông điệp Của Đức Pháp Chủ Nhân Kỷ Niệm 30 Năm Thành Lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam



Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính gửi: Chư tôn túc Hoà thượng, Thượng toạ, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài;

Nhân Đại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, tôi có lời cầu chúc Phật sự viên thành đến các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và lời cầu chúc cát tường an lạc đến Chư tôn túc Hoà thượng, Thượng toạ, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Ngày 07 tháng 11 năm 1981, Hội nghị hợp nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước thành tựu viên mãn, quyết nghị thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam là sự kiện quan trọng đối với Phật giáo nước nhà, là kết quả của quá trình chuẩn bị công phu, là sự kết tinh trí tuệ và là niềm khát vọng của chư Tăng ni, Phật tử thuộc các tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời là chủ thể duy nhất có sứ mệnh truyền trì đạo mạch nối tiếp lịch sử truyền thống 2000 năm Phật giáo Việt Nam đồng hành với dân tộc và mãi mãi là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc và hộ quốc an dân.

30 năm xây dựng và trưởng thành, Giáo hội Phật giáo Việt Nam lãnh đạo Tăng ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài đã làm nên nhiều thành tựu Phật sự quan trọng trên tất cả các lĩnh vực vì Đạo vì Đời, làm cho Đạo pháp xương minh, Giáo hội trang nghiêm và phát triển bền vững trong cộng đồng dân tộc, góp phần to lớn cùng với toàn dân xây dựng đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta ngày một văn minh giàu đẹp.

Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, tôi có lời tán thán công đức đến Chư Tăng ni, Cư sĩ Phật tử đã không ngừng phát huy tinh thần đoàn kết, hoà hợp, nỗ lực hoàn thành mọi Phật sự. Thông qua những thành tựu Phật sự đã đạt được trong 30 năm qua, cho phép chúng ta thêm một lần nữa khẳng định tính tất yếu khách quan của Hội nghị hợp nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo cả nước, cũng như phương châm hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam: "Đạo Pháp – Dân tộc- Chủ nghĩa Xã hội" là đúng đắn và đang được phát huy sâu rộng trong các chương trình hoạt động Phật sự chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Tình hình thế giới và trong nước đã và đang có nhiều biến đổi sâu sắc, tác động sâu rộng đến cộng đồng xã hội, trong đó có những nội dung liên quan đời sống văn hoá tinh thần sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Nhân Đại lễ này, tôi kêu gọi các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Chư Tăng ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài không ngừng phát huy truyền thống 2000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam đồng hành với dân tộc và những thành tựu Phật sự mà Giáo hội đã đạt được trong thời gian qua, để tinh tiến, nỗ lực phấn đấu hoàn thành mọi Phật sự và quyết tâm khắc phục những hạn chế tồn tại chưa làm được để xây dựng và phát triển Giáo hội đáp ứng với yêu cầu chung của xã hội.

Đặc biệt, trong thời gian tới, Giáo hội cần chú trọng quan tâm đúng mức đến công tác truyền thông các Phật sự trên mọi phương diện và coi đó là phương tiện hữu hiệu nhất để truyền tải chính pháp và văn hoá Phật giáo đến với cộng đồng xã hội, là cơ sở để tạo nên sự phát triển bền vững và sự xương minh của đạo mạch trong lòng dân tộc.

Thông qua Đại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thay mặt các cấp Giáo hội và Chư Tăng ni, Cư sĩ Phật tử, Tôi bày tỏ sự chân thành tri ân công đức sâu sắc nhất đến các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức trong nước và nước ngoài, cùng các tầng lớp nhân dân đã và đang quan tâm giúp đỡ, sẻ chia các hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong suốt 30 năm qua.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam mong muốn trong thời gian tới tiếp tục nhận được những tình cảm tốt đẹp nhất và sự sẻ chia sâu sắc nhất của Quý cơ quan và cá nhân Quý vị lãnh đạo. Giáo hội coi đây là tình cảm, là động lực khích lệ to lớn để hoàn thành tốt mọi Phật sự ích đạo lợi đời.

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh!

ĐỨC PHÁP CHỦ

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Trưởng lão Hoà Thượng Thích Phổ Tuệ

(đã ấn ký)



Kinh nghiệm của Chư Tăng Nam Tông Kinh và môi trường gìn giữ giới luật của bậc xuất gia.

HT. Thích Thiện Tâm

1. Vì "Giới luật là nền tảng của Phật giáo" (Vinayo Buddhasāsanamūlam, nên chư Tăng Phật giáo Nam Tông dù ở bất cứ Quốc gia, khu vực địa lý nào trên thế giới, cũng đều có chung một đặc điểm là yêu cầu nghiêm trì giới luật. Chư Tăng Phật giáo Nam Tông Kinh tại Việt Nam, xưa nay cũng đặt nặng yêu cầu đó, ở cùng mức độ, và không chấp nhận một biệt lệ nào trong việc giữ gìn giới luật của Phật chế.

2. Tuy nhiên, việc giữ giới của người chư Tăng Phật giáo Nam Tông Kinh không có hoàn cảnh khách quan thuận lợi như chư Tăng Phật giáo Nam Tông các nước. Vì vậy, việc giữ gìn giới luật trở nên khó khăn hơn nhiều, đòi hỏi chư Tăng Phật giáo Nam Tông Kinh những nỗ lực lớn lao.

Chúng ta đều biết, điều kiện khách quan của môi trường xã hội ảnh hưởng rất nhiều đến việc giữ giới của bậc xuất gia. Nếu được xuất gia vào thời đức Phật còn tại thế thì, trong bối cảnh Tăng đoàn lúc ấy, việc giữ giới trang nghiêm, thanh tịnh dễ dàng hơn bây giờ rất nhiều.

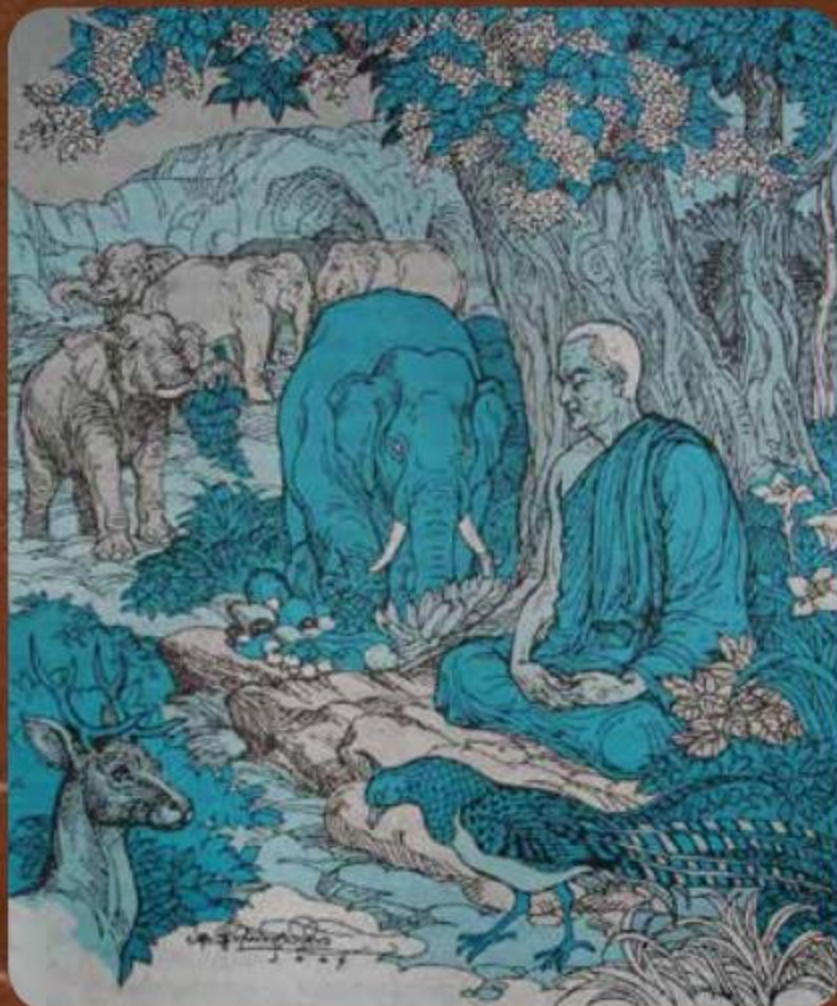
Hiện nay, bối cảnh tu tập của chư Tăng Phật giáo Nam Tông tại các nước như Campuchia, Lào, Thái Lan v.v... có nhiều thuận lợi cho việc giữ giới của chư Tăng. Trong điều kiện tại các nước đó, xã hội đều có sự hiểu biết và ý thức cao về giới luật của bậc xuất gia, hầu hết Phật tử tại gia cùng có những nỗ lực giúp chư Tăng giữ gìn giới luật, cùng nỗ lực hành trì bốn phần và giới luật của người tại gia cư sĩ và cùng có ý thức giám sát việc giữ giới luật của chư Tăng. Chẳng hạn, tại Thái Lan, người Phật tử không bao giờ cúng dường thực phẩm cho chư Tăng vào buổi chiều, và họ cũng không chấp nhận chư Tăng thọ thực riêng vào buổi chiều. Điều đó cho thấy, điều kiện xã hội tốt sẽ giúp cho chư Tăng gìn giữ tốt giới luật đã thọ trì. Tăng ni sống trong điều kiện xã hội thuận lợi, thì việc tu học, nhất là việc giữ gìn giới luật thanh tịnh cũng được thuận lợi hơn.

3. Đối với chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam cũng có được thuận lợi hơn chư Tăng Nam Tông Kinh, vì hầu hết xung quanh các ngôi chùa Khmer Tây Nam Bộ đều có Phật tử dân tộc sinh sống. Chư Tăng thường xuyên được gần

gũi với Phật tử; Phật tử có điều kiện giám sát việc giữ giới của chư Tăng.

4. Chư Tăng Phật giáo Nam Tông người Kinh thì không có được thuận lợi như vậy vì: Phật giáo Nam tông Kinh có số lượng chùa và chư Tăng khiêm tốn, tồn tại trong bối cảnh xã hội có nhiều Tôn giáo, chỉ riêng Phật giáo thì đa số vẫn là Phật giáo Bắc tông. Do đó việc chư Tăng Nam Tông Kinh giữ gìn giới luật theo đúng truyền thống của chư Tăng Phật giáo Nam Tông như ở các nước khác hay chư Tăng Phật giáo Nam Tông Khmer Tây Nam Bộ thì có phần nào khó khăn hơn.

Vì không có được môi trường xã hội thuận lợi trong việc giữ giới như thế nên để giúp cho chư Tăng Nam Tông Kinh gìn giữ giới được trong sạch thanh tịnh đòi hỏi bản thân chư Tăng Nam Tông Kinh phải có sự nỗ lực tinh tấn nhiều, và tập thể chư Tăng và Phật tử hệ phái cũng cần phải ý thức

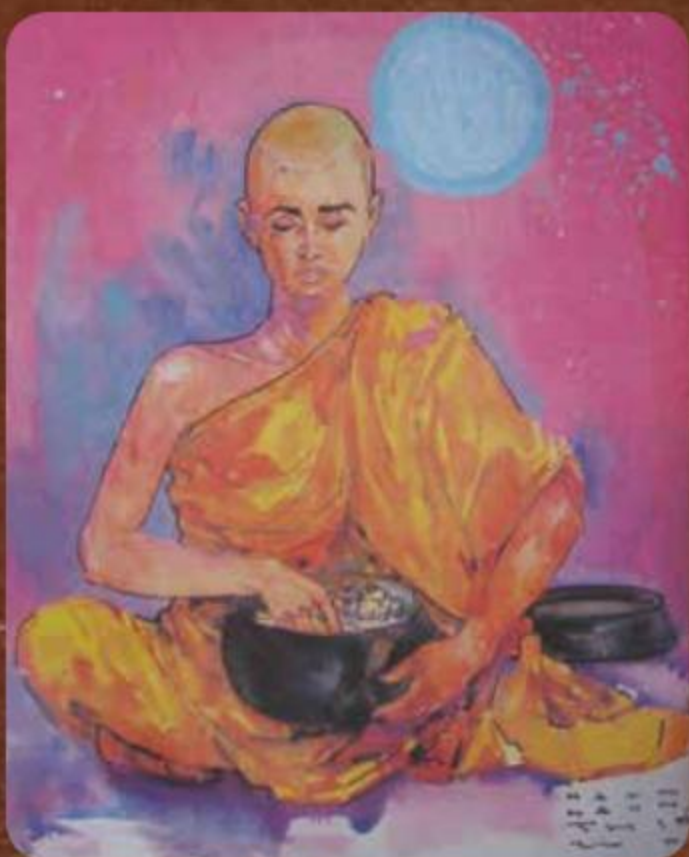


Vào thời đức Phật chư Tăng thường sống dưới gốc cây hay ngôi nhà trống để tham thiền

đặt mình trong sự tồn tại và phát triển chung trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trên cơ sở pháp lý chung của Giáo hội.

5. Trước một bối cảnh như thế, chư Tăng Nam Tông Kinh cần thấy việc nghiêm trì gìn giữ giới luật theo truyền thống hệ phái phải khế hợp cùng chư Tăng ni các hệ phái để từng bước hình thành các thể hệ xuất gia của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trong đó có chư Tăng Nam Tông Kinh, sống hòa hợp và tôn trọng giới luật Phật chế trên cơ sở thực hiện đúng Hiến chương, Nội quy Tăng sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đề ra vì lợi ích và sức mạnh chung của Phật giáo Việt Nam.

Qua kinh nghiệm thực tế lịch sử của Phật giáo Nam Tông Kinh cho thấy, các bậc cao Tăng tiền bối của hệ phái rất sáng suốt trong việc vận dụng tinh thần giữ gìn giới luật khế hợp với bối cảnh xã hội đất nước và Phật giáo không được thuận lợi như hiện nay mà vẫn tồn tại và phát triển tốt đẹp. Điển hình như, trong các thập niên từ 1920 đến 1970..., Phật giáo Nam Tông Kinh chỉ giới hạn trong một ít Tỉnh Thành với số lượng chùa và chư Tăng khiêm tốn, nhưng nhờ thực hiện tinh thần “Tứ chúng đồng tu” “Chia vui chia khổ nhiệt hân cùng Tăng”, có sự gắn bó hài hòa tốt đẹp giữa xuất gia và tại gia; những Phật tử tại gia thường gần gũi với chùa, nhiệt tâm với đạo, thường tới lui chùa cúng dường, thọ bát quan trai, làm công quả, nghe kinh thính pháp, nhiệt tình giúp đỡ cho chư Tăng gìn giữ giới luật; quan hệ tốt đối với các hệ phái Phật giáo khác... nên tạo niềm tin và tình cảm của đông đảo Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam, nhờ vậy, mà uy tín của Phật giáo Nam Tông ngày càng tăng. Đó chính là ngoại duyên hỗ trợ tích cực cho việc giữ gìn được giới luật của chư Tăng tiền bối được thanh tịnh và gặp



Thọ thực trong bát là 1 trong 13 pháp tu đầu đà



Chư Tăng đi bát hội nhân mùa Vu lan tại chùa Quảng Nghiêm - Đồng Nai

nhieu thuận duyên trong công cuộc hoằng dương Phật Pháp cùng tồn tại và phát triển tốt đẹp với các tổ chức Giáo hội hệ phái Phật giáo khác tại miền Nam và đã tạo nên được truyền thống nghiêm trì giới luật khá tốt đẹp trong chư Tăng Phật giáo Nam Tông Kinh qua nhiều thập kỷ tồn tại.

Ngày nay, với thành quả thống nhất Phật giáo cả nước, trong điều kiện Đất nước và Giáo hội đang trên đà xây dựng và phát triển ổn định, truyền thống gìn giữ giới luật của chư Tăng Nam Tông Kinh tin tưởng sẽ có nhiều thuận duyên tiếp tục duy trì và phát huy để cùng chư Tăng các hệ phái Phật giáo nâng cao phẩm chất giới luật của Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam để hoàn thành nhiệm vụ của bậc Phạm hạnh, trưởng tử của đức Như Lai trong sứ mệnh truyền trì mạng mạch Phật Pháp vì hạnh phúc an lạc cho tự thân và cho đời, góp phần trang nghiêm Giáo Hội – phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân, góp phần thực hiện phương châm hoạt động của Giáo hội “Đạo Pháp – Dân Tộc - Chủ nghĩa Xã hội”, thực hiện nếp sống tốt đời đẹp đạo, đoàn kết cùng toàn dân ra sức bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, làm cho Đạo pháp ngày càng được xương minh trong lòng dân tộc. Theo tôi, đó là nhận thức cần thiết của Tăng Ni Việt Nam trong đó có chư Tăng Phật giáo Nam Tông trong thời đại hiện nay.

Được như vậy thì, chư Tăng Phật giáo Nam Tông Kinh không những thực hiện được vai trò và nhiệm vụ duy trì truyền thống nghiêm trì Giới luật của các bậc tiền nhân của hệ phái và xuyên suốt lịch sử phát triển của chư Tăng tại các nước Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka v.v... nỗ lực duy trì gìn giữ vậy. Và đó cũng chính là thực thi yêu cầu bức thiết mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang đặt ra đối với Tăng Ni, nhất là Tăng Ni trẻ trong nhiệm vụ nghiêm trì và nâng cao phẩm chất giới luật trong đời sống của một Tăng Ni Việt Nam trước xu thế thời đại đầy thách thức và cám dỗ trong cuộc sống xã hội thiên nặng vật chất như hiện nay.

Mong sao qua giới đàn Hành Trụ sẽ cung cấp cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam những bậc tông lâm thạch trụ của Tăng già ở tương lai để cho rừng thiền luôn được tỏa sáng. ●

Phỏng vấn Hòa thượng Giáo sư Tiến sĩ DHAMMAKOSAJARN viện Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya – Thái Lan

Vừa qua, Hòa thượng
Giáo sư Tiến sĩ Dhammakosajarn
đã đến thăm Việt Nam theo lời mời của
Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP Hồ Chí
Minh để nhận bằng Tiến sĩ danh dự. Dịp này,
phóng viên Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã
phỏng vấn Hòa thượng về những hoạt động
của viện Đại học Mahachulalongkorn
rajavidyalaya do ngài làm Viện
trưởng

Khắc Chiếu - Tấn Phát thực hiện

Phóng viên (PV): Kính thưa Hòa thượng (HT)
xin HT cho biết mục đích của chuyến viếng thăm Việt
Nam lần này?

Hòa thượng Viện trưởng: Tôi và Hòa thượng
Đại Trưởng lão Dharmapal thuộc Giáo hội Phật giáo
- Bangladesh nhận được lời mời của Viện trưởng Học
viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh sang
Việt Nam để tham dự Lễ Tốt nghiệp Cử nhân Phật
học khóa VII & Tổng Khai giảng khóa VIII, IX, và hai
chúng tôi được vinh dự nhận lãnh bằng Tiến sĩ Danh
dự của Học viện. Sau đó, chúng tôi được hướng dẫn
đi tham quan một số ngôi chùa Nam tông ở Tp. Hồ
Chí Minh và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để tìm hiểu khái
quát tình hình sinh hoạt hệ phái Phật giáo Nam tông
tại Việt Nam.

PV: Thưa HT xin HT cho biết quan điểm nhập thế
của Phật giáo tại Thái Lan?

HT Viện trưởng: Bên cạnh vai trò Viện trưởng
trường, tôi còn là trụ trì tại chùa Prayurawongsawas,
theo tôi nhận thấy quan điểm nhập thế của đạo Phật
thay đổi theo từng Quốc gia. Ở Thái, vì là một nước
Quốc giáo nên Đạo Phật được xem như là một trong
những định chế chính của Quốc gia. Dân Thái thường
quan niệm về 3 trụ cột của nước Thái không thể tách
rời được đó là: Nhà vua, Đạo Phật và quần chúng.
Đạo Phật được dân chúng chấp nhận và coi như là nền
tảng của văn học Thái. Cuộc đời người dân Thái từ
lúc sinh đến lúc chết đều gắn chặt với nhà Sư, ở cung
đình hoàng gia Thái vào các dịp lễ đều do các nhà Sư
đảm nhận thực hiện. Người dân biết áp dụng lời Phật
dạy vào cuộc sống như bố thí thực phẩm, đọc tụng
kinh Phật và hành thiện. Mỗi làng đều có một ngôi
chùa lo cuộc sống tâm linh cho dân làng. Nhiều năm
về trước thì chùa là một Trung tâm Văn hóa và đời
sống của dân làng, giúp đỡ chính quyền địa phương
xây dựng đường sá, dẫn thủy nhập điền, giáo dục



người dân
ý thức sống
đạo và giữ
gìn kỷ luật
xã hội; còn
ở thành thị
thì không
như thế mà
trái lại Tăng
sĩ phải biết
học hỏi
nhiều thông
tin mới theo
nhiều cách
để tiếp cận
và hướng
dẫn tâm
linh cho
dân thành
phố. Mỗi

chùa đều có đường lối sinh hoạt hay tu tập độc lập
dựa theo đường lối của Hội đồng Tăng sĩ tối cao. Hội
đồng Tăng sĩ thì liên kết chặt chẽ với chính phủ để
nắm được chủ trương đường lối chung trong cai quản
đất nước, thể hiện tốt vai trò nhập thế của đạo Phật
trong trị nước và giáo dục dân chúng. Phật pháp được
xem như là một môn học bắt buộc tại các trường Tiểu
học và Trung học do Sư sãi đảm nhận theo chương
trình biên soạn của Bộ Giáo dục Thái. Thanh niên
ở tuổi 18-20 đều phải xuất gia gieo duyên học đạo
trước khi kiếm việc làm hay lập gia đình. Sự nhập
tinh thần đạo Phật vào cuộc sống giúp dân Thái đạt
được nhiều tiến bộ về mặt xã hội do sự tự ý thức cao
của mọi người, điển hình việc giữ vệ sinh cảnh quan
môi trường đến việc an toàn giao thông của thủ đô
Bangkok là một điển hình.

PV: Thưa HT với tư cách là Viện trưởng, xin HT
giới thiệu đôi nét về việc thành lập cùng những cam
kết của Trường Đại học Mahachulalongkornrajavidya-
laya?

HT Viện trưởng: Đại học Mahachulalongkorn
rajavidyalaya là đại học của Tăng đoàn Thái được
vua Thái Chulalongkorn - Rama V- thành lập xem

như đây là Viện Nghiên cứu Tam Tạng Kinh và giáo dục đại học cho Tăng sĩ Phật giáo, người mới xuất gia và các cư sĩ.

Đại học có một cam kết mạnh mẽ là trở thành một Trung tâm học Phật chất lượng hàng đầu và

kèm theo việc giáo dục quần chúng, thực hiện các nghiên cứu học thuật xuất sắc, cùng phát triển và hội nhập kiến thức Phật giáo với các môn học và khoa học khác; Hơn nữa, trường sẽ cung cấp những dịch vụ Phật học, vừa lý thuyết và thực tế, dẫn đến một sự phát triển cân bằng và bền vững của người dân, của xã hội và của môi trường.

PV: *Thưa HT xin HT cho biết thêm về tầm nhìn cũng như những tiêu chí đào tạo Sinh viên của Trường?*

HT Viện trưởng: Về tầm nhìn thì trường chúng tôi có một ý định mạnh mẽ là phải trở thành một Trung tâm Quốc tế về Giáo dục và Nghiên cứu Phật giáo và Triết học nhằm đào tạo ra những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc về Phật học có khả năng áp dụng kiến thức đạo Phật vào các ngành khoa học khác, có phẩm hạnh đáng kính, ham hiểu biết, có khả năng lãnh đạo tinh thần và trí tuệ, biết giải quyết vấn đề, trung thành và có sự cống hiến đối với Phật giáo, biết hy sinh mình vì lợi ích xã hội, vì sự hiểu biết về những thay đổi xã hội và có một tầm nhìn về tiềm năng để tiếp tục phát triển thêm cho chính bản thân. Tựu trung là đào tạo cho sinh viên tốt nghiệp có 9 tính chất mong muốn theo 9 ký tự đầu của tên trường: MAHACHULA

M: Morality - Phẩm hạnh; **A:** Awareness - Tỉnh giác; **H:** Helpfulness - Hữu dụng; **A:** Ability - có Khả năng; **C:** Curiosity - Ham học hỏi; **H:** Hospitality - Hiếu khách; **U:** Universality - có tinh thần đại đồng; **L:** Leadership - có phẩm chất lãnh đạo; **A:** Aspiration - Có chí nguyện.

PV: *Xin HT cho biết về những nhiệm vụ của Trường Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya?*

HT Viện trưởng: Đại học có tất cả 4 nhiệm vụ cụ thể là:

1. Thực hiện nghiên cứu về một lãnh vực kiến thức cùng với quá trình học tập và giảng dạy, trong



HT. Thiện Tâm, HT. Dhammakosajarn, HT. Dharmapal và các vị cùng đi (từ phải sang)

khi cũng nhấn mạnh đến kiến thức về Tam Tạng Kinh thông qua liên ngành là việc áp dụng kiến thức đó để giải quyết các vấn đề đạo đức trong xã hội. Nó cũng rất quan trọng để phát triển những nhà nghiên cứu Phật học.

2. Phát huy Phật giáo và các dịch vụ học tập trong xã hội thông qua việc cải thiện đủ loại hình hoạt động hữu ích khác nhau để phục vụ công việc của Tăng đoàn. Việc phát huy kiến thức và sự hiểu biết sẽ vun trồng một ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm đạo đức ở nhân dân. Bằng việc tổ chức hội thảo, và thực hiện các khóa huấn luyện về ý thức Tôn giáo và phát triển giáo viên dành cho Phật tử và người xuất gia.

3. Phát huy và phát triển sự học vấn nhằm bảo tồn nghệ thuật và văn hóa thích ứng cho việc học.

4. Đề cao sự tỉnh giác và niềm tự hào về truyền thống và văn hóa của Thái làm cơ sở cho sự phát triển cá nhân và xã hội.

PV: *Xin HT cho biết cảm tưởng của mình về Việt Nam trong lần viếng thăm này?*

HT Viện trưởng: Việt Nam là một quốc gia thanh bình, phong cảnh hữu tình, dân chúng rất mộ đạo và hiếu khách. Có rất nhiều thay đổi về hạ tầng cơ sở tại đây cho thấy kinh tế Việt Nam có nhiều thành tựu tốt. Đạo Phật ở Việt Nam phát triển khá tốt, tín đồ thì trang nghiêm, tịch tịnh và ham học hỏi cầu đạo. Tôi đi đến chùa nào cũng có duyên được chia sẻ pháp thoại với Phật tử vùng đó, đều nhận được sự cung kính đón chào của Phật tử với tâm hoan hỷ. Tôi tin rằng trong tương lai Việt Nam sẽ phát triển mạnh và đạo Phật Việt Nam sẽ tiếp tay với chính phủ đặc lực hơn trong việc giáo dục tâm linh cho người dân thấm nhuần lời dạy của đức Phật và áp dụng tốt trong cuộc sống, cùng nhau xây dựng một xã hội an lạc.

PV: *Xin cảm ơn những chia sẻ của HT, kính chúc HT có những giây phút an lạc và hoan hỷ khi viếng thăm đất nước Việt Nam. ●*

Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy

TRÒN MỘT NĂM

Quốc An - Quang Duyên thực hiện

Để đánh dấu sự kiện trọng đại, Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy vừa tròn một năm. Nhân dịp này, phóng viên Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy phỏng vấn chư Tăng Tôn túc GHPGVN, quý nhà báo, quý Phật tử, bạn đọc về những cảm tưởng đóng góp ý kiến cho 12 số Tạp chí vừa qua. Qua những ý kiến đóng góp của chư Tăng và quý vị, Ban Biên tập hy vọng Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy trong tương lai sẽ tốt đẹp nhiều hơn nữa. Sau đây là nội dung chi tiết phỏng vấn:

Hoà thượng Thích Giác Toàn – Phó Chủ tịch HĐTS kiêm Trưởng ban Tài chánh GHPGVN, Phó Tổng Biên tập báo Giác Ngộ



Mới đọc hai số đầu Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy tôi thấy lo, nhưng đọc tiếp những số sau thì tôi thấy mừng. Mừng vì Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã xác định được hướng đi lâu dài của tờ báo. Đó là một định hình tốt để chúng ta có thể chuyển tải triết lý Phật giáo Nguyên Thủy đến với người đọc, giúp cho họ có chánh kiến trên con đường tìm hiểu đạo Phật. Về phương diện thông tin, giới thiệu giáo lý đạo Phật trên Tạp chí cũng nên có những bài viết cụ thể hoá những lời dạy của Đức Phật để áp dụng trong đời sống, như thế mới có sức hấp dẫn người đọc. Ban Biên tập cần chọn thêm những bài viết rộng, sâu những ý tưởng lời dạy của Đức Phật, ngoài những bài kinh căn bản của Phật giáo Nguyên thủy, điều đó sẽ giúp cho bạn đọc cảm nhận cuộc sống phong phú hơn.



**TT. Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban
Hoằng pháp TW-GHPGVN; Đại biểu Quốc hội khóa XIII**

Tạp chí PGNT về nội dung đã không những chuyển tải được những tin tức và những giáo pháp đặc thù của Hệ phái mà còn thể hiện được vai trò là tiếng nói chung của GHPGVN bằng những bản tin về hoạt động Phật sự chung của Giáo hội.

Tôi đánh giá cao về cả hai mặt nội dung lẫn hình thức trình bày đẹp mắt của Tạp chí. Tôi đề nghị trong tương lai trước xu thế đổi mới của

đất nước, Giáo hội Phật giáo cũng

đổi mới và Tạp chí PGNT cũng phải

nằm trên dòng chảy đó bằng những cải tiến để đem những lời dạy của đức Phật thiết thực đến với giới trẻ khiến cho Tạp chí ngày càng đến được với độc giả mọi giới.

Kính chúc Ban Biên tập và Tạp chí PGNT đạt nhiều thành quả tốt đẹp, xứng đáng là một trong những cơ quan ngôn luận của Giáo hội PGVN.



**Thượng tọa Tiến sĩ Tường Quang -
Trụ trì chùa Đại Lộc tại Ấn Độ**

Tạp chí PGNT đã giúp cho người đọc có một cái nhìn gần gũi hơn, thiết thực hơn về lời dạy của đức Phật trong đời sống đối với người Phật tử hay không phải Phật tử. Bởi vì, không phải ai cũng có thể đọc hiểu hết được ý nghĩa về lời dạy của đức Phật trong kinh tạng Pāli đối với người chưa có niềm tin vững chắc trong ba ngôi Tam bảo. Bằng nhiều cách khác nhau, các thành viên trong Tạp chí PGNT đã luôn đào sâu, khám phá ra nhiều ý nghĩa mới trong lời dạy của Đức Bốn Sư để cống hiến đến quý độc giả gần xa trong cả nước. Vậy, chúng tôi xin được chúc mừng Tạp chí PGNT luôn được trường tồn theo thời gian năm tháng, để mỗi số ra sau, có nhiều bài viết hay, sâu sắc hơn những số ra trước.

Đại diện Tăng Ni và Phật tử Việt Nam ở Ấn Độ, chúng tôi xin được chúc mừng Ban Biên tập, Phóng viên trong Tạp chí được dồi dào sức khỏe, và luôn an lạc trong ánh hào quang của Đức Bốn Sư

Thích Ca Mâu Ni.



**Đại đức Thích Minh Thành - Chánh Văn phòng
Trường Cao Trung Phật học tại Tp. Hồ Chí Minh.**

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy ra đời là một bước tiến quan trọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Nam Tông nói riêng. Tạp chí này không chỉ truyền bá giáo lý Kinh- Luật- Luận mà còn phản ánh những kiến thức phổ thông và hoạt động Phật sự, tuy chưa nhiều nhưng cũng có góp phần vào những thành tựu của Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn đương đại. Đây là một tờ báo cần đọc và cần được phổ biến rộng rãi trong



giới Phật giáo và ngoài Phật giáo. Theo tôi, Tăng Ni sinh lớp Cao đẳng và Trung cấp Phật học tại Tp. Hồ Chí Minh nên tìm đọc mỗi số tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy để nâng cao trình độ Phật học của mình trong thời gian học dưới mái trường. Bài vở trong tạp chí hay mà công tác phát hành kém, e rằng tờ báo sẽ không đến được với chư tăng ni, bà con Phật tử ở những vùng sâu vùng xa. Mong Ban Biên tập chú ý thêm vấn đề phát hành.

Tôi cũng thấy là tạp chí còn nghiêng về kinh điển nhiều quá nên chưa phổ quát đối với mọi người nhất là giới trẻ. Việc tìm hiểu, nghiên cứu Phật giáo đối với thanh niên Phật tử còn nhiều hạn chế. Tại sao? Trong xu hướng phát triển xã hội hiện đại, chúng ta phải mượn hình ảnh thế gian dẫn họ vào con đường đạo để cuộc sống lành mạnh hơn. Chúng ta thấy ngày càng có nhiều vụ án nghiêm trọng mà đối tượng phạm pháp là thanh thiếu niên. Cho nên, chúng ta chỉ cho họ một con đường, một cách sống có căn bản đạo đức để họ thực hành, xa lìa cái xấu, cái ác, điều đó rất là bổ ích. Tôi mong rằng Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy ngoài những bài kinh điển về giáo lý Đức Phật sẽ có nhiều bài viết khác thể hiện cuộc sống phong phú hơn. Cuối cùng, kính chúc Ban Biên tập và Nhân viên Tạp chí PGNT có sức khỏe tốt để phục vụ Giáo hội và Văn hóa dân tộc Việt Nam.



**Nhà Báo lão thành Tổng Hồ Cẩm -
UVKS/Ban Thường trực TW GHPGVN,
Phó Tổng Biên tập báo Giác Ngộ**

Rất vui mừng vì PGNT đã có một cơ quan ngôn luận dành riêng cho Tăng ni và Phật tử Hệ phái. Về nội dung Tạp chí thì rất dồi dào mang đậm tính đặc thù, bản sắc của Hệ phái và được thay đổi phong phú qua từng số báo. Về hình thức trình bày rõ đẹp. Riêng Ban Biên tập nên cố gắng nhiều và nâng cao chuyên môn hơn trong công tác báo chí. Về phía Tạp chí PGNT nên quan tâm đến 3 tiêu chí: Tin tức nhiều và mở rộng; văn hóa vừa phải; giá thành rẻ để báo phục vụ đông đảo quần chúng bạn đọc.



**Nhà Báo Trần Đức - Phó Thư ký
Tòa soạn báo Giác Ngộ**



Rất vui mừng vì sự xuất hiện của Tạp chí PGNT sánh vai cùng những tờ báo Phật giáo khác trong cả nước. Về mặt tổ chức của một tờ báo thì Ban Biên tập cần nên cơ cấu lại rõ ràng về hoạt động chuyên môn báo chí trên cơ sở của một quy chế và nội quy cùng một mạng lưới Cộng tác viên thích hợp. Về nội dung của Tạp chí thì nên hài hòa và đăng tải được những tinh hoa của Hệ phái khác có một nội dung rộng mở trong một khuôn khổ báo giới hạn đó là nghệ thuật trong đặc nhân tâm chúng ta sẽ chiếm được cảm tình của nhiều Phật tử thuộc Hệ phái khác. Hơn nữa cần có những bài báo đi vào thực tiễn của đời sống thể nhập giáo lý vào đời thường và nên dành trang thông tin về các hoạt động của các chùa Phật giáo ở vùng xa. Phật giáo Nguyên thủy có những hoạt động tuy khiêm tốn nhưng chất lượng tốt ngày càng phát triển rộng khắp. Do vậy nên hình thành những trang mục nhất định để lần lượt giới thiệu các ngôi chùa thuộc Phật giáo Nguyên thủy nhất là tại vùng sâu, vùng xa vì đa số chùa Nam Tông có tại Tp. Hồ Chí Minh nhưng rất ít tại các tỉnh hay địa phương khác qua hình ảnh các chùa ta giới thiệu về những nét kiến trúc đặc trưng của Phật giáo Theravāda. Tạp chí cũng nên có mục "Phật giáo thường thức" qua đó giải đáp những thắc mắc về tu tập của độc giả hay nói chung những thắc mắc của quần chúng về hoạt động tín ngưỡng của PGNT và đồng thời nên có trang dành cho bạn đọc với tạp chí để độc giả có thể phản ánh được ý kiến lên báo. Về mạng lưới phát hành thì cần chú trọng đến sự lan tỏa của tờ Tạp chí đến vùng xa, đặc biệt là biết sử dụng những chùa Nam Tông ở vùng xa đó là địa điểm phát hành Tạp chí. Nên quan tâm nhiều đến quảng cáo vì nhờ quảng cáo sẽ giúp Tạp chí đến gần với độc giả hơn và là một nguồn tài chính chủ yếu để trang trải cho các chi phí về hoạt động của tờ báo. Về lâu về dài liên quan đến sự trường tồn và phát triển của Tạp chí thì ta nên rà soát lại giá thành Tạp chí và cần nên xem lại đối tượng đọc Tạp chí thuộc tầng lớp nào? Nói cách khác, làm mọi cách để giảm giá thành trong khâu in ấn, chất lượng giấy không cần giấy cao cấp lắm, cũng như sự trình bày và sử dụng màu sắc sao cho nhẹ nhàng, sáng sủa, tránh lòe loẹt và lạm dụng màu sắc để phục vụ quảng đại quần chúng bạn đọc trong cũng như ngoài Phật giáo. Hơn thế nữa chúng ta nên cân bằng giữa chế độ tặng cho và bán cần hợp lý hơn để cân đối tài chánh, vì làm báo chuyên nghiệp chúng ta cần phải xét lại vấn đề này để điều chỉnh cho tốt, tránh thất thu.

**Em Trần Thị Thanh Thảo - Ngân
Hàng Sacomreal**



Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy nên có nhiều bài viết giới thiệu về các chùa trong mục "Chùa Tháp". Em mong muốn Tạp chí sẽ có nhiều bài viết về các chùa Phật giáo tiêu biểu trên khắp mọi miền đất nước Việt Nam trải qua các thời kỳ lịch sử và trong đời sống văn hóa dân tộc, cũng như đặc điểm Phật giáo Nam tông và văn hóa tâm linh thể hiện ở các ngôi chùa này. Bên cạnh đó Ban Biên tập cần chọn lọc nhiều hình ảnh đẹp để giới thiệu những ngôi chùa này cho bạn đọc trong cả nước biết đến. Em không có điều kiện đi nhiều thì qua Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy em hy vọng sẽ biết thêm được lịch sử, đặc điểm hình thành Phật giáo Nguyên Thủy ở Việt Nam qua các công trình xây dựng những ngôi chùa Phật giáo Nam tông.

**Nhà Báo Trần Tuấn Mẫn - Phó Tổng Biên
tập Thường trực kiêm Thư ký Tòa soạn
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo**

Sự hình thành Tạp chí PGNT không những là một chỉ dấu tốt về sự phát triển thông tin của Giáo hội PGVN, mà còn là một tiếng nói của Chư tôn đức Tăng ni trong Hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh cũng như Khmer, Chư vị tôn túc PGNT nên chung tay đoàn kết xây dựng Tạp chí cho vững mạnh về nội dung cũng như về hình thức, xứng đáng là cơ quan ngôn luận chính thức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam mà Nhà nước đã chính thức cấp phép hoạt động. Phương châm hoạt động phải được xem là hợp nhất không phân biệt hệ phái để không tạo những hiểu lầm trong cộng đồng Phật tử độc giả. Hơn nữa BBT nên chú ý về cách trình bày đặc thù riêng của một Tạp chí Tôn giáo khác hẳn với các Tạp chí khác, nhằm lôi cuốn cảm quan của độc giả. Do vậy trong in ấn không nhất thiết dùng đủ bốn màu trên một trang mà cần thiết kế hài hòa, đơn giản và sang trọng.

Về sự trường tồn của tờ Tạp chí cần tìm những nhà tài trợ và tăng cường khâu quảng cáo, tìm mọi phương cách để đưa tạp chí đến gần với bạn đọc hơn.



Cư sĩ Nhà thơ Tâm Uyên



Qua theo dõi 12 số báo, tôi nhận thấy Tạp chí ngày càng có giá trị tâm linh tốt khi được phổ biến rộng rãi đến mọi đối tượng bạn đọc. Bản thân tôi đã học tập được nhiều điều thông qua việc đọc các bài báo của Tạp chí và được giao lưu quen biết với các Phật tử hữu duyên khác hỗ trợ tôi trong việc xây dựng ngôi chùa Tâm Thành Theravāda duy nhất tại tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên để tồn tại, Ban Biên tập cần phát triển hệ thống Marketing trong việc phát hành báo, vừa túi tiền để người dân vùng sâu vùng xa đều có cơ hội đọc Tạp chí và hiểu được những tinh hoa của Phật Pháp hay biết được những hoạt động Phật sự của Giáo hội. Về hình thức thì Tạp chí PGNT nên có những họa sĩ thiết kế chuyên nghiệp để trang trí, tra màu phù hợp với khuôn khổ của tờ báo Tôn giáo mang đậm chất tâm linh này. Kính chúc Ban Biên tập và Tạp chí PGNT ngày càng tiến bộ, và là niềm tự hào của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

**Ông Đinh Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc
khu Du lịch Văn hoá Suối Tiên – TP. Hồ
Chí Minh.**

Có thể nói rằng Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy đã giúp tôi có được một số kiến thức Phật pháp cơ bản. Với 14 chuyên mục, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy đã phổ cập giáo lý một cách rộng rãi cho vô số người thuộc nhiều thành phần khác nhau mà tùy theo nhu cầu tâm linh của mỗi người. Riêng tôi, những câu chuyện kể về Đức Phật, những bài kinh trong mục kinh Tạng hoặc các bài viết với văn phong nhẹ nhàng trong mục Văn hoá luôn thu hút tôi đọc trước.



Nhờ vậy mà tôi đã bắt chước được một số điều trong kinh Phật dạy đăng trên Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, ví dụ như mới đây số báo 12 đăng Kinh Đoạn Giảm do Hoà thượng Thích Minh Châu dịch có câu mà tôi rất tâm đắc: "Kẻ khác có thể là những người làm hại, chúng ta ở đây không thể là những người làm hại". Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy còn có những bài viết trong mục Thiền học rất hay. Nói đến Thiền, trước kia tôi vẫn nghĩ đó là một hình thức tu tập chỉ dành cho các nhà sư. Tôi luôn chịu nhiều áp lực của công việc, thời gian và sức khoẻ rất quan trọng đối với tôi. Cho nên khi đọc những bài viết giới thiệu về các thiền sư hoặc hướng dẫn cách tập tu thiền trên Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy, tôi như vớ được cái phao. Có thể hiểu theo nghĩa rộng hơn là Thiền dành cho mọi người. Đặc biệt, với tôi thì Thiền là giải pháp tốt giúp rèn luyện sức khỏe, nuôi dưỡng tâm hồn, trí tuệ sáng suốt đem lại hiệu quả cao trong công việc. Tôi cũng mong rằng Ban Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy chú ý thêm thành phần bạn đọc là thanh thiếu niên để có nhiều bài viết giúp cho các em dù thuộc trình độ nào cũng có thể tìm hiểu giáo lý Phật giáo để áp dụng thực hành trong cuộc sống.

Cô Thuỳ Hương - Tỉnh Đồng Nai

tạo ấn tượng với tôi qua những bài viết về thiền Tứ niệm xứ, về các vị Thiền sư Achaan Maha Boowa, Thiền sư Taungpulu Sayadaw mà phương pháp tu tập của các Ngài đã giúp tôi sáng tỏ rất nhiều. Tôi cũng mong muốn Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy mở thêm mục như "Giải đáp thắc mắc bạn đọc" để mọi người có thể gửi thư đến toà soạn và chia sẻ những ý tưởng của họ cũng như những thắc mắc của họ chung quanh vấn đề học đạo. Ngoài ra, theo tôi về vấn đề hình ảnh tạp chí nên phong phú. Nội dung hay cũng cần hình thức đẹp.

Khi Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy ra đời tôi rất vui mừng và đọc kỹ, rất kỹ không bỏ sót mục nào. Công bằng mà nói thì Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy đã

**Ông Trần Trung Tín - 22/45 Mạc Đình Chi -
phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố
Cần Thơ**

Phật giáo Việt Nam - Phật giáo Nam tông Theravada. Tạp chí có dung lượng 60 trang, chưa tính bìa, giá bán hiện nay là 20.000 đồng.

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy xuất bản hàng tháng một số, là cơ quan ngôn luận của Giáo hội

Chỉ thấy một điều, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy hiện nay là thuộc loại sang trọng trong số những tạp chí tại Việt Nam, giấy tốt, 4 màu đẹp rất bắt mắt.



Ý nghĩa Đại lễ Dâng y Kathina của Phật giáo Nam Tông

Một trong những ngày lễ lớn và quan trọng nhất của Phật giáo Nguyên thủy (ở Việt Nam thường gọi là Phật giáo Nam tông) là đại lễ dâng y Kathina.



Phúc Nguyên

Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ

Đây là lễ hội hàng năm duy nhất của Phật giáo có từ thời đức Phật còn tại thế. Đối với những người dân theo Phật giáo Nguyên thủy, đại lễ dâng y kathina mang một ý nghĩa hết sức to lớn, vừa thể hiện thiện tâm của người Phật tử đối với việc hộ trì Tăng đoàn, vừa tạo nên niềm vui lớn trong mùa lễ hội cho người Phật tử tại gia, đồng thời đại lễ dâng y cũng còn nhắc nhở cho tứ chúng, cả hàng Phật tử xuất gia và tại gia, luôn nhớ về và trân trọng tấm lòng của đàn tín.

1. Nguồn gốc lễ dâng y Kathina:

Kathina - theo tiếng Pāli không có nghĩa là y áo hay dâng y mà có nghĩa là sự vững bền, chặt chẽ. Trong tiếng Phạn, kathina (viết là kathinaya) có nghĩa là cái khung dệt vải, khung treo. Đại lễ dâng y được gọi như vậy là bởi vì đại lễ này kết cấu nhiều quy định quan trọng dẫn đến thăng duyên cho hàng Phật tử. Đại lễ là sự thể hiện đại hạnh của đức bồ thí, thể nên, một người phát tâm cúng dường mà tâm nghĩ quá đơn giản thì người cúng dường cũng như người thụ thí thường khó làm cho sự bồ thí đạt đến sự viên mãn. Đại lễ cũng mất đi ý nghĩa nếu thiếu những yếu tố của tâm thí, thời thí, vật thí, người thụ thí, và cung cách thí. Đại lễ dâng y kathina bao hàm tất cả những điều đó nên mang ý nghĩa của sự bền vững, chặt chẽ, viên mãn.

Có một cách lý giải khác về đại lễ dâng y kathina, đó là vào mùa an cư, theo nghi lễ, Tăng đoàn sẽ họp nhau lại để cắt may y áo mới chuẩn bị cho việc du hành sau khi tháng an cư kết thúc. Chiếc y áo đầu tiên sẽ được dâng cho vị tỷ kheo nào thông thái nhất, lớn tuổi nhất hoặc vị nào khó khăn nhất trong Tăng đoàn. Khi may xong, áo được căng lên một cái khung (gọi là kathina) rồi mời mọi người đến chiêm

ngưỡng. Áo này được gọi là Mahakathina. Sau đó, khung căng áo được tháo ra để tượng trưng cho sự nới lỏng một vài giới luật đối với các tỷ kheo. Nhưng trước đó, trong suốt thời gian an cư, phải giữ khung căng áo nguyên vẹn vì đó là biểu tượng của giới luật phải giữ gìn. Vì thế, lễ dâng y của Phật giáo Nguyên thủy mang tên Kathina, tức là sự chặt chẽ, vững bền như chiếc khung kathina vậy.

Người ta cũng có một cách giải thích nữa về đại lễ dâng y Kathina, đó là tháng đầu tiên sau mùa an cư được coi là tháng để Tăng đoàn chỉnh sửa trang phục sau ba tháng cấm túc an cư, trước khi tiếp tục hành trì. Vì thế, trong thời gian này, một vài điều luật được tạm thời nới lỏng để các nhà sư lo việc may y áo mới. Tuy rằng ngày nay, việc may mặc không còn là mối quan tâm chính cho các sư Tăng, nhưng nghi thức đó vẫn còn được giữ gìn để bảo tồn và đề cao sự tương trợ giữa những tỷ kheo trong Tăng đoàn với nhau, giúp nhau trong việc tu tập. Về phía những Phật tử tại gia, họ cúng dường vải vóc, y áo để tự nhắc nhở mình phải nghĩ đến những khó khăn và thiếu thốn của người xuất gia.

Đại lễ dâng y kathina được tổ chức sau kỳ an cư của chư Tăng kết thúc. Phật giáo Nguyên thủy tổ chức an cư, từ rằm tháng 6 đến rằm tháng 9 Âm lịch theo lịch Việt Nam (Phật giáo Bắc tông tổ chức an cư từ rằm tháng 4 đến rằm tháng 7 Âm lịch). Khi đức Phật còn tại thế, Ngài chuẩn bị an cư tại chùa Kỳ Viên thành Xá Vệ (Savatthi), khi đó có một nhóm Tăng đoàn khoảng 30 người xin đến được cùng an cư với đức Phật tại thành Xá Vệ, được đức Phật đồng ý, Tăng đoàn đã đến chùa Kỳ Viên, nhưng do đường xa, đi lại khó khăn, lại vào mùa mưa nên khi tăng đoàn tới nơi, y áo đều bị ướt và rách nát. Sau khi an cư,

đức Phật mới cho phép nới lỏng một số giới luật để Tăng đoàn được lưu lại, may vá y phục mới trước khi tiếp tục lên đường hành pháp. Cũng chính tại đây, nữ đại thí chủ Visakha - một trong hai bậc hộ pháp của Phật giáo (người còn lại là Trưởng giả Cấp Cô Độc) đã dâng y cho đức Phật lần đầu tiên. Từ đó truyền thống dâng y cho Tăng đoàn vào tháng đầu khi kết thúc kỳ an cư được truyền cho đến ngày nay.

2. Nghi thức dâng y Kāṭhina:

Đại lễ dâng y kāṭhina là một lễ hội lớn của Phật giáo Nguyên thủy, vì vậy các nghi thức trong đại lễ cũng được tổ chức rất long trọng, trang nghiêm, và trong đó, có một số nghi lễ bắt buộc phải tuân thủ theo.

Nghi thức dâng y

Theo quy định, mỗi chùa một năm chỉ được tổ chức đại lễ dâng y kāṭhina một lần vào bất cứ ngày nào trong vòng một tháng ngay sau mùa an cư kết thúc. Đại lễ dâng y kāṭhina có thể do Tăng đoàn tổ chức hoặc do hàng Phật tử tại gia tổ chức. Khi Tăng đoàn tổ chức, sư tăng được nhận y do Phật tử dâng cúng nên còn gọi là thụ y, chùa sẽ thông báo với các Phật tử tại gia để chuẩn bị. Khi Phật tử tại gia đứng ra tổ chức, gọi là lễ dâng y, thường do một thí chủ đứng đầu khởi xướng và mời các thí chủ khác cùng tham gia, khi đó thí chủ sẽ có trách nhiệm thông báo với Tăng đoàn để các sư làm lễ thụ y.

Một quy định bắt buộc trong lễ dâng y kāṭhina, đó là việc dâng y chỉ được thực hiện tại các chùa có chư Tăng nhập hạ và chỉ cúng dường đến đại chúng tất cả chư Tăng chứ không dâng trực tiếp cá nhân một sư Tăng nào. Điều này thể hiện ý nguyện hộ trì Tam bảo, phụng sự giới pháp, cầu thúc giới luật của người Phật tử tại gia đối với Tăng đoàn.

Trong dịp lễ dâng y diễn ra, y áo và các vật cúng dường khác được Phật tử đặt vào mâm rồi đội lên đầu để tỏ lòng kính ngưỡng Tam bảo, sau đó đi diễu hành trong thôn xóm, làng mạc trước khi đến chùa để dâng lên chư Tăng. Khi tiến hành lễ dâng y, Phật tử không trực tiếp tự tay dâng y mà đặt y trước mặt chư Tăng. Chư tăng chỉ nhận bằng cách im lặng chứ không dùng tay thụ nhận.

Trong luật Phật chế, hàng Phật tử tại gia có thể dâng y may sẵn hoặc vải cho chư Tăng để may y và chú ý chỉ được dâng ba loại y dùng để cử hành Tăng sự. Ba y đó là: An-đà-hội (Antaravasaka), tức là y nội, mặc sát vào mình; Uất-đà-la-tăng (Uttara), tức là áo thượng y, mặc trên nội y và Tăng-già-lê (Sangati), tức trùng phục y, áo mặc ngoài cùng.

Nghi thức thụ y

Như trên đã nói, lễ dâng y kāṭhina là nghi thức có từ thời Phật tại thế, do đức Phật ban hành nên các nghi thức dành cho chư Tăng khi nhận lễ dâng y

cũng phải tuân thủ một số quy định để thể hiện sự trân trọng của Tăng đoàn đối với Phật tử tại gia khi nhận y áo.

Tăng đoàn chỉ được nhận lễ dâng y khi có tối thiểu 5 sư Tăng cử hành Tăng sự giao y và thụ y và các sư chỉ nhận y dâng theo nhu cầu thực tế của mình. Ưu tiên trước những vị tuổi cao, những vị có nhiều hạ lạc hay những vị thiếu thốn, khó khăn. Nghi luật Phật cũng nêu rằng, các sư tăng chỉ thụ y sau khi thành tựu ba lần tác pháp yết ma với sự im lặng đồng thuận của Tăng chúng. Nghi thức này để chứng tỏ sự đồng thuận trong chấp pháp của chư Tăng và tri ân công đức bố thí của các tín đồ cúng dường trong lễ dâng y.

Chư Tăng khi thụ y phải biết xả y cũ, làm dấu, chú nguyện y mới và hoàn tất bằng lời tri ân trước Phật tử. Chư Tăng thường dùng lời hoan hỷ để tạ ân đức Phật đã ban Pháp cho chư Tăng được thụ y, tạ ân Tăng đoàn đã tổ chức lễ thụ y và tạ ân các thí chủ đã tổ chức lễ dâng y.

Nghi luật Phật trong lễ dâng y kāṭhina còn quy định rằng, nếu Phật tử dâng y may sẵn, chư Tăng có thể dùng luôn, còn nếu Phật tử dâng y bằng vải thì trong một ngày, chư Tăng phải hoàn thành việc cắt may, khâu vá để dùng. Nghi thức này được đặt ra để nhắc lại sự tích người mẹ nuôi của Phật, cũng là người di, tức là em của mẹ Phật, tên là Ma-ha Bà-xà-Bá-Tí Cồ-Đàm-Di (Mahapajapati Gotami), đã từng thức suốt một đêm để hoàn tất chiếc áo cho Phật. Khi Phật sinh ra được bảy ngày thì mẹ mất, người di này đã chăm sóc, nuôi dưỡng Phật. Sau này, khi đức Phật đạt được giác ngộ, bà đã xin quy y và thành lập giáo đoàn các Tỷ kheo ni, vì thế bà cũng là vị Ni sư đầu tiên của giáo đoàn Phật giáo.

3. Ý nghĩa lễ dâng y Kāṭhina:

Cùng với Đại lễ Vu lan báo hiếu của Phật giáo Mahanaya (Bắc tông), đại lễ dâng y kāṭhina của Phật giáo Nguyên thủy đã trở thành ngày hội của giới Phật tử trong mùa an cư kiết hạ. Ý nghĩa của đại lễ dâng y kāṭhina không chỉ khích lệ tín đồ Phật tử thực thi đại hạnh bố thí, tri ân công đức của Đức Bốn sư Như Lai Phật, tri ân công đức Tam bảo, tri ân công đức hàng Phật tử hộ trì Phật Pháp mà còn để nhắc nhở hàng Phật tử tại gia và xuất gia nhớ về công đức của đàn tín.

Đại lễ kāṭhina được tổ chức tại các chùa, trở thành một lễ hội tôn nghiêm, long trọng và thiêng liêng. Các Phật tử ngoài dâng y, là thứ quan trọng nhất trong đại lễ để tưởng nhớ về nghi thức Phật chế, còn dâng lên chư Tăng các phẩm vật khác để tỏ lòng tri ân và bày tỏ sự chia sẻ khó khăn với những hàng đệ tử xuất gia.

Đại lễ dâng y kāṭhina không chỉ tạo nên nhiều thuận duyên cho hàng Phật tử tại gia dâng y, mà ngay cả đối với hàng Phật tử xuất gia, việc thụ y cũng

mang nhiều ý nghĩa. Trước hết, việc thụ y đúng thời, đúng pháp đã là một thắng duyên cho chư Tăng, sau nữa, việc thụ y đúng pháp thì sẽ sinh công đức.

Trong ngày lễ dâng y kàṭhina, người dân những nơi theo Phật giáo Nguyên thủy thường tập trung về những ngôi chùa có chư Tăng nhập hạ, sau khi tác thành lễ dâng y lên các nhà sư và làm lễ Phật, họ thường tổ chức các hoạt động lễ hội ngay trong khuôn viên chùa để chúc mừng sự thành tựu của chư Tăng sau ba tháng an cư tu tâm, dưỡng tính. Người dân từ già trẻ, lớn bé, nam nữ đều mặc những bộ trang phục đẹp nhất, trau dồi tâm sáng, hướng đến Tam bảo với những ý nghĩ thuần khiết nhất để dâng lên đức Phật và chư Tăng.

Đối với Phật giáo Nguyên thủy, vị sư luôn được hiểu là đại thể của tất cả tăng đoàn truyền thừa giáo pháp. Ngày nào người Phật tử dâng y kàṭhina nghĩ đến đại thể thì Phật Pháp còn hưng thịnh và vững bền. Sự dâng y kàṭhina không phân biệt cũng nói lên tinh thần chung vượt ra ngoài những quan niệm cá nhân. Chiếc y Kàṭhina cho dù trong hình thức đơn giản nhất cũng nói lên ba điều quan trọng là người dâng y không lựa chọn cá nhân sư Tăng để dâng, chư Tăng thụ y theo cách lợi hoà đồng quân và vật phẩm trong lễ dâng y được trang trọng vì chuyên chở những giá trị truyền thống tốt đẹp.

Trong tâm niệm của tín đồ theo Phật giáo Nguyên thủy, người cúng dường y kàṭhina sẽ gieo tạo nên nhiều duyên lành vì việc cúng dường không phân biệt, dâng y đúng thời, tác lễ hợp đạo. Những Phật tử làm được điều này kiếp sau có hạnh duyên xuất gia sẽ tác thành và tăng trưởng nhanh chóng. Đại lễ dâng y mang lại sự an lạc cho Tăng đoàn, và do vậy, là một đại hạnh thù thắng.

Đại lễ dâng y Kàṭhina đã trở thành một nét đẹp trong văn hóa của những tín đồ theo Phật giáo Nguyên thủy, đại lễ là dịp để tôn vinh những giá trị truyền thống Phật giáo có từ thời đức Phật, đồng thời cũng là dịp để hàng Phật tử xuất gia và tại gia tri ân công đức Đức Bốn sư, tạo tác duyên nghiệp trở nên những thắng duyên trong Phật Pháp. Mỗi mùa an cư kiết hạ qua đi là chúng Phật tử lại nhớ về đại lễ dâng y Kàṭhina như một hạnh nguyện lớn trong đời. ●



Chuẩn bị Y bát trước khi niễu Phật 3 vòng



Phật tử đội y đi niễu Phật 3 vòng chung quanh chánh điện



Tác trình dâng y Kathina của đại diện Hoàng gia Thái Lan



Đội y bát để tác trình dâng y kàṭhina sau khi niễu Phật

Tôn giả Sāriputta thuyết kinh này. Ngài giải thích thế nào là Chánh tri kiến, một Thánh đệ tử có Chánh tri kiến phải như thế nào để có Chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này. Vì Thánh đệ tử cần phải quán tri mười sáu đề tài, như vậy mới có Chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối, và có thành tựu diệu pháp.

1/ Quán tri bất thiện, căn bản bất thiện, quán tri thiện, căn bản thiện. Bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục (byāpādo), tà kiến. Căn bản của bất thiện là tham, sân, si (lobha, dosa, moha). Thiện là từ bỏ sát sanh v.v... là chánh kiến. Căn bản của thiện là không tham, không sân, không si.

2/ Quán tri các thức ăn, thức ăn tập khởi, thức ăn đoạn diệt và con đường đưa đến thức ăn đoạn diệt. Có bốn thức ăn, duy trì sự sống cho các chúng sanh và hỗ trợ cho các chúng sanh sẽ sanh được sanh. Đó là đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực. Tập khởi của thức ăn là ái. Ái diệt là thức ăn diệt. Thánh đạo tám ngành là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn. Nhờ quán tri như vậy, vị ấy đoạn trừ tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc ngã hữu kiến mạn tùy miên (asmiti ditthimānanusayam), làm cho vô minh đoạn, minh khởi, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại.

3/ Quán tri khổ, khổ tập, khổ diệt, con đường đưa đến khổ diệt: Sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu não, cầu không được, và tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Tập khởi của khổ là ái, đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tâm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Ái diệt là khổ diệt. Con đường đưa đến khổ diệt là tám Chánh đạo.

4/ Già chết, già chết tập khởi, già chết đoạn diệt, con đường đưa đến già chết đoạn diệt. Già là sự già cả, suy lão, rụng răng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ ngày một hao mòn, bại hoại các căn; chết là sự mệnh một, tử trần, hủy hoại, hoại diệt, tử biệt, mệnh chung, hủy hoại các uẩn, vứt bỏ hình hài. Tập khởi của già chết là sanh. Sanh đoạn diệt là già chết đoạn diệt. Con đường đưa đến già chết đoạn diệt là tám Chánh đạo.

5/ Sanh, sanh tập khởi, sanh đoạn diệt, con đường đưa đến sanh đoạn diệt. Sanh là sự sanh, hiện khởi, xuất hiện, hiện diện, hiện hành các uẩn, tụ đặc các xứ. Tập khởi của sanh là hữu. Hữu đoạn diệt là sanh đoạn diệt. Con đường đưa đến sanh đoạn diệt là tám Chánh đạo.

KINH CHÁNH TRI KIẾN (SAMMĀDITTHI SUTTA)

HT. Thích Minh Châu

6/ Hữu, hữu tập khởi, hữu đoạn diệt, con đường đưa đến hữu đoạn diệt. Hữu là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Tập khởi của hữu là thủ. Thủ diệt là hữu diệt. Con đường đưa đến hữu đoạn diệt là tám Chánh đạo.

7/ Thủ, thủ tập khởi, thủ đoạn diệt, con đường đưa đến thủ đoạn diệt. Thủ có bốn: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Tập khởi của thủ là ái. Ái đoạn diệt là thủ đoạn diệt. Con đường đưa đến thủ đoạn diệt là tám Chánh đạo.

8/ Ái, ái tập khởi, ái đoạn diệt, con đường đưa đến ái đoạn diệt. Ái có sáu: Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Tập khởi của ái là thọ. Thọ đoạn diệt là ái đoạn diệt. Con đường đưa đến ái đoạn diệt là tám Chánh đạo.

9/ Thọ, thọ tập khởi, thọ đoạn diệt, con đường đưa đến thọ đoạn diệt. Thọ có sáu: Thọ do mắt xúc chạm sanh, thọ do tai xúc chạm sanh, thọ do mũi xúc chạm sanh, thọ do lưỡi xúc chạm sanh, thọ do thân xúc chạm sanh, thọ do ý xúc chạm sanh. Tập khởi của thọ là xúc. Xúc đoạn diệt là thọ đoạn diệt. Con đường đưa đến thọ đoạn diệt là tám Chánh đạo.

10/ Xúc, xúc tập khởi, xúc đoạn diệt, con đường đưa đến xúc đoạn diệt. Xúc có sáu: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Tập khởi của xúc là lục nhập. Lục nhập diệt là xúc diệt. Con đường đưa đến xúc diệt là tám Chánh đạo.

11/ Lục nhập, lục nhập tập khởi, lục nhập đoạn diệt, con đường đưa đến lục nhập đoạn diệt. Lục

nhập là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tập khởi của lục nhập là danh sắc. Danh sắc diệt là lục nhập diệt. Con đường đưa đến lục nhập diệt là tám Chánh đạo.

12/ Danh sắc, danh sắc tập khởi, danh sắc đoạn diệt, con đường đưa đến danh sắc đoạn diệt. Danh là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý. Sắc là bốn đại chủng và bốn đại sở tạo sắc. Tập khởi của danh sắc là thức. Thức diệt là danh sắc diệt. Con đường đưa đến danh sắc diệt là tám Chánh đạo.

13/ Thức, thức tập khởi, thức diệt, con đường đưa đến thức diệt. Thức có sáu: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Tập khởi của thức là hành. Hành diệt là thức diệt. Con đường đưa đến thức diệt là tám Chánh đạo.

14/ Hành, hành tập khởi, hành diệt, con đường đưa đến hành diệt. Hành có ba: Thân hành, khẩu hành, tâm hành. Tập khởi của hành là vô minh. Vô minh diệt là hành diệt. Con đường đưa đến hành diệt là tám Chánh đạo.

15/ Vô minh, vô minh tập khởi, vô minh diệt, con đường đưa đến vô minh diệt. Do không rõ biết (annānam) khổ, không rõ biết khổ tập, không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường đưa đến khổ diệt là vô minh. Tập khởi của vô minh là lậu hoặc. Lậu hoặc diệt là vô minh diệt. Con đường đưa đến vô minh diệt là tám Chánh đạo.

16/ Lậu hoặc, lậu hoặc tập khởi, lậu hoặc diệt, con đường đưa đến lậu hoặc diệt. Các lậu hoặc gồm có dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Tập khởi của lậu hoặc là vô minh. Vô minh diệt là lậu hoặc diệt. Con đường đưa đến lậu hoặc diệt là tám Chánh đạo.

Khi nào vị Thánh đệ tử có quán tri lậu hoặc như vậy, lậu hoặc tập khởi như vậy, lậu hoặc đoạn diệt như vậy, con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diệt như vậy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc ngã hữu kiến mạn tùy miên, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy gọi là vị Thánh đệ tử có Chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối, và thành tựu diệu Pháp này. ●



Phật tri bình tại Thiền viện Phước Sơn



GIỚI LUẬT CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Tk. Indacanda Nguyệt Thiên dịch



Chư Tăng Lào đi khất thực - ảnh internet

PHẬN SỰ CỦA VỊ ĐI KHẤT THỰC

[426] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đi khất thực mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực. Các vị đi vào tư gia không suy xét trước, rồi đi không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu, và rồi đi quá lẹ. Có vị tỳ khưu nọ đi khất thực đã đi vào tư gia không suy xét trước. Vị ấy nghĩ rằng cửa lớn rồi đã bước (lầm) vào hậu phòng nọ. Chính ở trong hậu phòng ấy, có người đàn bà khóa thân đang nằm ngửa ra. Vị tỳ khưu ấy đã nhìn thấy người đàn bà khóa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): "Đây không phải là cửa nhà, đây là hậu phòng" rồi đã từ hậu phòng ấy đi ra. Chồng của người đàn bà ấy đã nhìn thấy người đàn bà ấy khóa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): "Vợ của ta đã bị gã tỳ khưu

này làm nhục" nên đã giữ vị tỳ khưu ấy lại và đánh đòn. Khi ấy, người đàn bà ấy đã thức dậy vì tiếng động ấy và đã nói với người chồng ấy điều này:

- Phu quân, vì sao ông lại đánh đòn vị tỳ khưu này vậy?

- Gã tỳ khưu này đã làm nhục bà.

- Phu quân, thiếp không có bị vị tỳ khưu này làm nhục. Vị tỳ khưu ấy không có làm.

Và đã giúp vị tỳ khưu ấy được thả ra. Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu đi khất thực lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực, đi vào tư gia không suy xét trước, rồi đi không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu, và rồi đi quá lẹ?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ khưu, nghe nói ... (như trên)..., có đúng không vậy?



Trẻ em Lào từ bé đã được cha mẹ dạy bố thí cúng dường - ảnh internet

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ... (như trên) Sau khi khiển trách, Ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khưu đi khất thực, các tỳ khưu đi khất thực nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[427] Nay các tỳ khưu, (nghĩ rằng): "Bây giờ ta sẽ đi vào làng", vị tỳ khưu đi khất thực nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho chỉnh tề rồi trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp.

Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, nên đi ở nơi xóm nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở nơi xóm nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự cười vang, nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu, không nên đi ở nơi xóm nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở nơi xóm nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: "Ta sẽ đi vào lối này và ra bằng lối này". Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên bỏ đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "(Gia chủ) có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu (gia chủ) ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): "(Gia chủ) có ý định bố thí". Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật

thực. Nên suy xét rằng: "(Gia chủ) có ý muốn bố thí xúp hay không có ý muốn bố thí?". Nếu (gia chủ) cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): "Gia chủ có ý muốn bố thí". Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi rời đi một cách nghiêm trang không hấp tấp.

Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, nên đi ở nơi xóm nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở nơi xóm nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự cười vang, nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu, không nên đi ở nơi xóm nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở nơi xóm nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy nên sắp xếp chỗ ngồi; nên chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân; nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại; nên đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, vị ấy nên ăn nếu muốn. Nếu không muốn, nên đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy nên chõng lại tọa cụ, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân; nên rửa chậu đựng đồ ăn thừa rồi cất đi; nên dọn dẹp nước uống, nước rửa, và nên quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy nên đổ nước vào. Nếu vị ấy không làm nổi, nên ra hiệu bằng tay mời vị khác lại; nên nhờ (vị kia) giúp với hành động bằng tay và không vì lý do đó mà nói ra bằng lời.

Nay các tỳ khưu, đây là phận sự của các tỳ khưu đi khất thực, các tỳ khưu đi khất thực nên thực hành đúng đắn theo như thế. ●



NỘI QUY

BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG

(Tiếp theo và hết)

CHƯƠNG XI

KHUYẾN GIÁO - KỶ LUẬT - TUYÊN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

ĐIỀU 50: Các thành phần Tăng, Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ngoài việc hành trì giới luật, kiểm thúc oai nghi, tu tập Giới - Định - Huệ, truyền trì Chánh pháp Đạo Phật, còn được khuyến giáo luôn luôn tuân giữ và thực hành những điều cơ bản như sau:

1. Quan hệ đối xử với nhau theo pháp Lục Hòa cộng trụ, giữ gìn và nâng cao tinh thần hòa hợp trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Mỗi thành viên Tăng, Ni trong Giáo hội là một công dân tốt của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là một thành viên trung kiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, quyết tâm thực hiện có hiệu quả phương châm hành động của Giáo hội: "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội".

2. Mỗi cơ sở Tự, Viện là một đơn vị cơ sở gương mẫu của Giáo hội trong việc hướng dẫn, giáo dục tín đồ Phật giáo tại địa phương, thực hiện tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn và phát huy truyền thống Phật giáo Việt Nam, gắn bó hài hòa trong cộng đồng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Phát huy ánh sáng Chánh pháp của Đạo Phật, cương quyết loại trừ ảnh hưởng tà giáo, mê tín dị đoan, chấn chỉnh lễ nghi, cách thức thờ cúng không phù hợp với sinh hoạt tín ngưỡng Đạo Phật tại các cơ sở Tự, Viện cũng như tư gia Phật tử.

4. Tăng, Ni, Tự, Viện xây dựng nếp sống Đạo chân chính, lành mạnh, lấy lao động sản xuất tự túc hợp pháp, đúng chánh pháp làm nền tảng giải



Đồng chí Lê Thanh Hải, Bí thư Thành ủy TP. HCM trao tặng vòng hoa tiêu biểu cho đại đức Danh Ut (ảnh: Hoài Nam)

quyết các nhu cầu về vật chất trong đời sống thường nhật.

5. Cương quyết ngăn chặn hành vi khất thực phi pháp, lợi dụng hình thức Tu sĩ Phật giáo để làm trái với truyền thống của Đạo Phật. Tăng, Ni nào cần duy trì hạnh khất thực để biểu hiện một hạnh nguyện truyền thống đúng Chánh pháp, phải được Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh chấp thuận cho phép bằng 01 giấy chứng nhận.

6. Các thành viên Tăng, Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến chương Giáo hội, Nội quy Tăng sự Trung ương và Pháp luật Nhà nước.

ĐIỀU 51: Căn cứ điều 45 và điều 46, chương X Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, quy định các biện pháp kỷ luật (cử tội) đối với những thành viên Tăng, Ni có hành vi :

- Vi phạm giới luật Phật.
- Làm tổn thương đến thanh danh và đường lối

hoạt động của Giáo hội.

- Làm phương hại đến lợi ích của Dân tộc và Tổ quốc Việt Nam.

Bao gồm một số biện pháp cụ thể như sau :

1. Tăng, Ni nào vi phạm giới luật, Trưởng ban Tăng sự Tỉnh hội có nhiệm vụ thẩm tra, tổng hợp dữ kiện, đề nghị Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh thành lập Hội đồng Xét Ma theo luật Phật và áp dụng điều 47 Hiến chương Giáo hội để xử lý. Khi cần xử lý vấn đề Tăng, Ni vi phạm giới luật mới thành lập Hội đồng Xét Ma và Hội đồng Xét ma chỉ có hiệu lực trong thời gian xét xử vấn đề đó.

2. Tăng, Ni có hành vi làm tổn thương đến thanh danh và đường lối hoạt động của Giáo hội, Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh có trách nhiệm thẩm tra mức độ phạm lỗi nặng hay nhẹ để xử lý theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chỉ đạo cho Ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện tiến hành phê bình, kiểm điểm trên cơ sở tinh thần đoàn kết hòa hợp, chân tình xây dựng, giúp người có lỗi thấy được lỗi lầm, thành thật nhận lỗi và quyết tâm khắc phục, sửa chữa lỗi lầm đã phạm.

Cần kiên trì tiến hành từng bước, lần thứ nhất: Phê bình, kiểm điểm trước Ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện. Sau thời gian tối đa 6 tháng, nếu người có lỗi chưa chuyển biến tốt, tiến hành lần thứ hai: Phê bình kiểm điểm trước toàn thể Tăng, Ni trong Quận, Huyện, Thị xã và Thành phố thuộc Tỉnh.

b) Hình thức phê bình kiểm điểm trước Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh có cảnh cáo trực tiếp, người phạm lỗi phải viết bản tự kiểm, lưu trữ tại văn phòng Tỉnh, Thành hội Phật giáo để giám sát sự chuyển biến của người phạm lỗi.

c) Hình thức cảnh cáo là thông tri trong toàn Tỉnh, Thành hội Phật giáo biết về Tăng, Ni đã phạm lỗi với đầy đủ các hành vi phạm lỗi.

3. Tăng, Ni nào bị pháp luật xử lý, trường hợp bị đưa ra xét xử trước tòa án thì không được sử dụng sắc phục, danh hiệu và tư cách Tăng, Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

4. Tăng, Ni nào bị pháp luật xử lý, kết án theo luật pháp hiện hành, bị mất quyền công dân, đương nhiên không còn tư cách là Tăng, Ni trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Khi quyền công dân được phục hồi thì được xin xuất gia lại nhưng phải chấp hành đúng các quy định tại điều 26 chương VI của Nội quy này.

ĐIỀU 52: Tăng, Ni nào phạm lỗi bị cảnh cáo và được thông tri trong toàn Giáo hội thì không còn tư cách được bổ nhiệm Trụ trì tại các cơ sở Tự, Viện và không được phân công vào các nhiệm vụ khác trong Giáo hội. Nếu đã bổ nhiệm trụ trì thì rút lại

quyết định.

ĐIỀU 53: Tùy theo thành viên Tăng, Ni và mức độ phạm trọng giới mất tư cách Tăng hay Ni, Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, hoặc Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh có quyền ban hành quyết định tẩn xuất ra khỏi hàng ngũ Tăng, Ni của Giáo hội theo các trình tự như sau :

- Nếu Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh ban hành quyết định thì phải do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN đệ trình.

- Nếu Ban Thường trực Hội đồng Trị sự ban hành quyết định thì do Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh đề nghị và được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh GHPGVN chuẩn y.

- Nếu Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh ban hành quyết định thì phải có văn bản báo trình cho Trung ương Giáo hội được biết để xem xét trước khi thi hành.

ĐIỀU 54: Các thành viên Tăng, Ni của Giáo hội có nhiều công đức đối với Đạo pháp và Giáo hội, có thành tích đối với Đất nước và Xã hội thì sẽ được Giáo hội tuyên dương và tặng Bằng tuyên dương công đức, hoặc Bằng công đức theo điều 44, điều 45 chương X Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

CHƯƠNG XII

HỘI HỢP - BAN HÀNH - SỬA ĐỔI

ĐIỀU 55: - Ban Tăng sự Trung ương mỗi năm họp toàn Ban một lần trước Hội nghị thường niên của Hội đồng Trị sự một tháng để tổng kết công tác trong năm và trước Đại hội Phật giáo Việt Nam toàn quốc một tháng để tổng kết công tác trong nhiệm kỳ. Đặc biệt, khi có các công tác Phật sự đột xuất, Trưởng ban Tăng sự Trung ương sẽ triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết các Phật sự có liên quan.

- Nhiệm kỳ của Ban Tăng sự Trung ương là 5 năm, tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

ĐIỀU 56: Chỉ có Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam mới có thẩm quyền sửa đổi Nội quy Ban Tăng sự Trung ương.

ĐIỀU 57: Nội quy Ban Tăng sự Trung ương gồm 12 chương, 57 điều do Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam soạn thảo và tu chỉnh, đã được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2008.

BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thiền học với sức khỏe

Lương y Minh Chánh - Sức Khỏe & Đời Sống

Sinh - lão - bệnh - tử là quy luật tất yếu của một đời người. Phải đề phòng khi bệnh chưa đến. Y học thường xem xét các yếu tố gây bệnh từ bên ngoài. Còn thiền học lại cho rằng, bệnh đến từ tư tưởng tinh thần, từ trạng thái "tâm bất toàn".

Trong mấy nghìn năm qua, con người đã lầm nghĩ rằng thể xác và linh hồn là hai thực thể tách biệt. Vì vậy, chúng ta hầu như chỉ xem trọng phần thể xác và phủ nhận linh hồn. Người ta nghiên cứu và phát triển y học mà không biết đến Thiền. Ngược lại, một số người chỉ lo phần linh hồn mà xem nhẹ phần thể xác. Họ chỉ chú ý phát triển thiền định mà không chú ý đến y học dinh dưỡng, dưỡng sinh phát triển cơ thể.

Ngày nay, với các thiết bị kỹ thuật lượng tử siêu dẫn như SQUID, máy kirlian, các nhà khoa học đã nhận thấy con người là một cấu trúc chỉnh thể gồm thể xác và "linh hồn" - hay gồm cơ thể vật lý và cơ thể phi vật lý. Cũng như vậy, không thể tách rời vũ trụ vật lý với vũ trụ phi vật lý. Thể xác và linh hồn là hai mức độ của cùng một thực thể. Chúng không tồn tại riêng rẽ mà chỉ có tần số rung động khác nhau.

Bệnh tật có thể bắt đầu từ hai thể mà cũng có thể từ một thể, nhưng chúng đều có tác động qua lại lẫn nhau. Thường thì bệnh tâm thần, tâm lý (thuộc linh hồn) khó chữa hơn bệnh thể xác. Trên thực tế, đôi khi một người đã được điều trị khỏi bệnh thể xác rồi mà vẫn cảm thấy ồm ỹ; vì bệnh tuy đến từ bên ngoài nhưng những xung động của nó lại tác động đến toàn bộ linh hồn. Ví như người ta ném một hòn đá vào mặt nước hồ yên lặng, nó chỉ làm xao động nơi hòn đá rơi vào nước nhưng lại tạo ra những gợn sóng lan mãi tới bờ, nơi mà hòn đá không rơi vào. Thông thường, bệnh tật hay bất cứ cái gì tác động đến cơ thể thì nó đều gợn sóng đến trí não đến tâm hồn. Nếu y học chỉ điều trị ở phần cơ thể thì những làn sóng lan ra tới bờ kia làm sao chấm dứt?

Y học hiện đại đang cố gắng giải phóng bệnh tật

ở tầng thể xác con người, thậm chí cắt bỏ hay thay thế nhân tạo từng cơ quan tạng phủ. Quả thật, đối với bệnh từ ngoài chuyển vào thì các chuyên ngành của y khoa có nhiều giải pháp rất thành công. Còn với những chứng bệnh có nguồn gốc từ sâu thẳm tâm hồn lan ra bề mặt thể xác (thuộc về tư tưởng, tinh thần, tâm lý) thì phải tìm giải pháp Thiền. Nó giúp xóa đi những trạng thái tiêu cực để con người sống thanh thản, hạnh phúc, không sợ hãi trước bệnh tật và cái chết và nhờ đó, cuộc sống của họ sẽ khỏe khoắn hơn.

Thiền định và y học (dinh dưỡng, điều trị) là 2 cực của cùng một khoa học: khoa học toàn vẹn về sự sống của con người. Ngày nay, tại hầu hết các bệnh viện lớn của Mỹ, Pháp, Nga, nhà thôi miên và nhà ngoại cảm có một vị trí quan trọng. Hơn 3.000 bản tài liệu, bệnh án trị liệu bằng thôi miên của Edgar Cayce, người Mỹ (1877-1945) được lưu trữ từ năm 1945 đến nay trở thành tư liệu hiếm quý cho các nhà khoa học Mỹ và thế giới. Tuy thuật thôi miên chưa phải là thiền định nhưng nó cũng là bước đi tốt. Ít nhất thì người ta cũng đã thấy rằng còn có điều gì đó cần làm đối với tâm thức của con người và chỉ điều trị ở phần thể xác bằng thuốc không thôi thì chưa đủ.

Ở Việt Nam, từ những năm 1960-1970, khoa Tâm thần Bệnh viện Bạch Mai đã áp dụng chữa bệnh bằng thôi miên có kết quả tốt. Và từ năm 1992 đến nay, ở Hà Nội, TP HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng và nhiều tỉnh khác có phong trào tập dưỡng sinh tâm năng, dưỡng sinh tâm thể, dưỡng sinh tinh khí công, dưỡng sinh năng lượng sinh học... Các phương pháp này đều có cơ sở ở thiền định kết hợp với vận động cơ thể để rèn luyện tâm hồn trong sáng, cơ thể khỏe mạnh, đẩy lùi được bệnh tật mạn tính, nan y.

Một số người nhờ tập thiền và khí công mà có khả

năng phát khí chữa bệnh từ xa, thấu thị chẩn đoán chính xác mà không cần X-quang như bác sĩ Nguyễn Phúc, trung tá bác sĩ quân y Nguyễn Việt, bác sĩ Thế Lâm. Ở bệnh viện K có giáo sư bác sĩ Nguyễn Ngọc Kha chuyên tâm tập thiền. Có ngày bác sĩ tiến hành 4 ca phẫu thuật lớn nhỏ; giữa mỗi ca phẫu thuật, ông ngồi thiền 15-20 phút là có thể lấy lại sức khỏe bình thường để mổ ca tiếp theo. Tài liệu "Thiền sinh học" của giáo sư Nguyễn Ngọc Kha đã được nhiều người nghiên cứu, học tập.

Vậy ai muốn có một "tâm hồn" trong sáng trong một cơ thể khỏe mạnh nên kết hợp chặt chẽ giữa y học với thiền học để tâm và thân được lành mạnh, hài hòa.

Jim McLaughlin là một nhà tư vấn kinh tế chuyên nghiệp, từng hơn 10 năm phục vụ trong Hải quân Hoa Kỳ, chưa một lần sử dụng bất cứ chất gây nghiện nào, đã kết hôn được 32 năm, có hai người con và cả hai đều có nghề nghiệp ổn định. Tóm lại, ông là một người thực dụng. Và Thiền càng không là điều ông nghĩ tới khi ông tìm kiếm một phương pháp nhằm chữa trị cho chứng bệnh lạ trong đầu mình.

Ông nói: "Nó luôn xuất hiện trong óc tôi nhưng tôi không nhận diện được nó. Tôi cần một điều gì đó để dập tắt những tiếng nói trong đầu của mình vì chúng ảnh hưởng đến công việc của tôi."

Ba năm trước đây, ông đã nghe được bài nói chuyện về lợi ích của thiền của khoa học gia Daniel Goleman trên một chương trình truyền thanh. Khi nói về đề tài này, nhà khoa học nói trên không sử dụng các thuật ngữ mang tính tôn giáo mà hướng dẫn người nghe đến một chân trời khám phá mới. Từ đó, McLaughlin hoàn toàn bị thuyết phục để rồi ông tìm đọc cuốn "Giải phóng khỏi các giác quan" của Goleman và bắt đầu tập thiền. "Đó không phải là tôn giáo" McLaughlin nói, "Tôi là một con chiên ngoan đạo và không có lý do gì để tôi thay đổi niềm

tin đối với Chúa Jesus. Tôi chỉ muốn kiểm soát những tiếng nói trong óc của mình".

Sau 3 năm gia nhập nhóm St. Louis Insight Meditation, McLaughlin cho biết thiền đã thay đổi hoàn toàn cuộc sống của ông. Hiện nay mỗi tuần ông ngồi thiền khoảng 5 ngày, mỗi ngày 30 phút.

Thiền trong thời đại ngày nay.

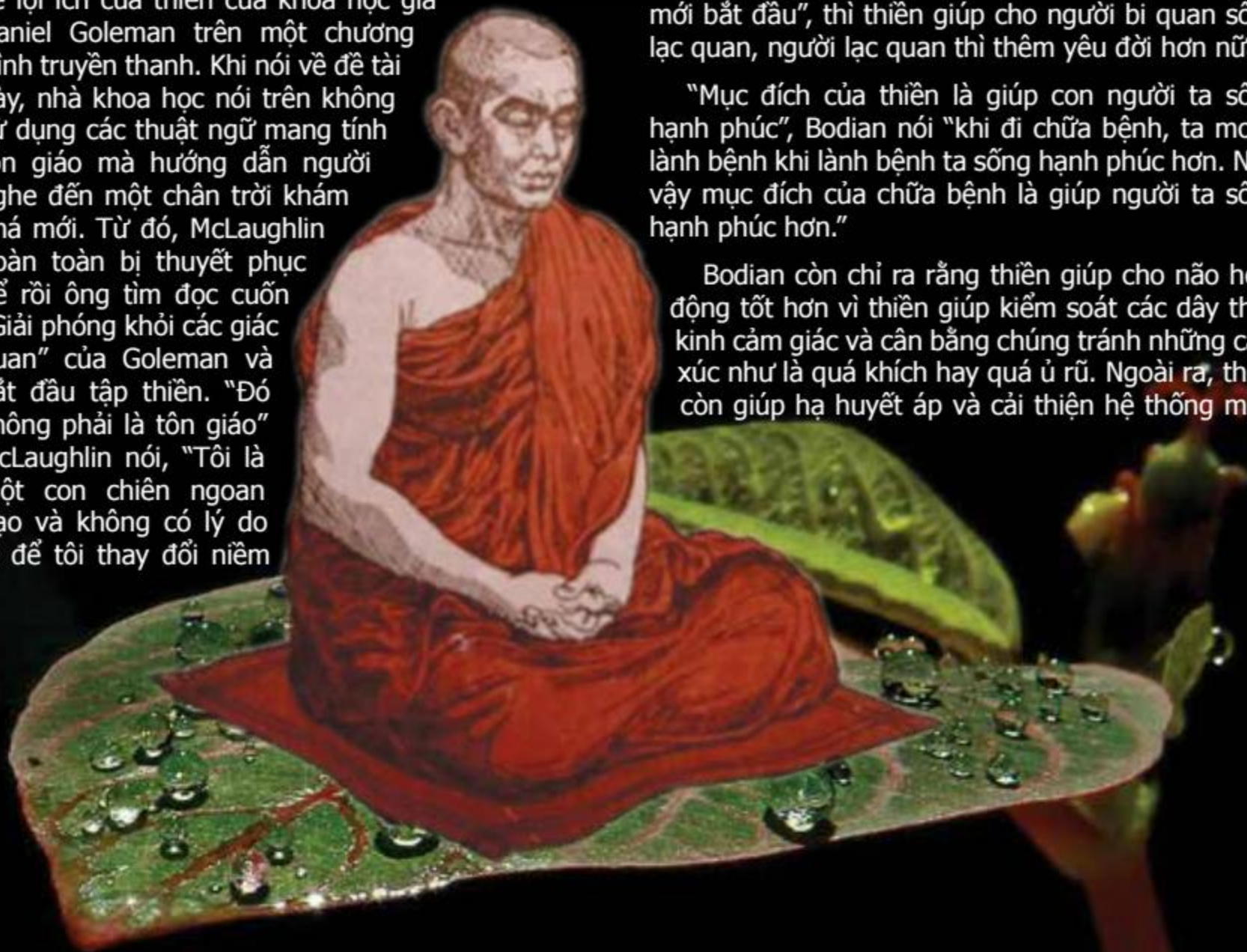
Thiền là một môn nghệ thuật huyền bí xuất hiện trước khi loài người bắt đầu biết chép sử. Mọi nền văn hóa trên thế giới đều thấp thoáng bóng dáng của thiền ở dạng này hay dạng khác.

Hơn 40 năm qua, thiền xuất hiện ở phương tây chủ yếu dưới hình thức là một phương pháp chữa bệnh. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng thiền có thể giúp làm giảm stress, một nguyên nhân gián tiếp gây ra nhiều căn bệnh khác. Các nghiên cứu này đã nhận được sự ủng hộ của chính phủ. Ngoài ra, thiền cũng được xem như là một phương pháp để cải thiện sức khỏe cho các bệnh nhân bị các bệnh về tim mạch cũng như các bệnh liên quan đến não.

Theo bản báo cáo của Trung tâm nghiên cứu về các phương thức chữa bệnh ngoài thuốc (NCCAM), một thành viên của Viện Sức khỏe Hoa Kỳ, thì trong năm 2002 hơn 1.3 triệu người Mỹ tập thiền như là một phương pháp để chữa bệnh. Và con số không chỉ dừng lại ở đó. Lý do rất đơn giản, theo Stephen Bodian tác giả cuốn sách bestseller "Thiền cho người mới bắt đầu", thì thiền giúp cho người bị quan sống lạc quan, người lạc quan thì thêm yêu đời hơn nữa.

"Mục đích của thiền là giúp con người ta sống hạnh phúc", Bodian nói "khi đi chữa bệnh, ta mong lành bệnh khi lành bệnh ta sống hạnh phúc hơn. Như vậy mục đích của chữa bệnh là giúp người ta sống hạnh phúc hơn."

Bodian còn chỉ ra rằng thiền giúp cho não hoạt động tốt hơn vì thiền giúp kiểm soát các dây thần kinh cảm giác và cân bằng chúng tránh những cảm xúc như là quá khích hay quá ủ rũ. Ngoài ra, thiền còn giúp hạ huyết áp và cải thiện hệ thống miễn



dịch của cơ thể.

Thiền dưới cái nhìn của nhà khoa học.

Một nhóm các nhà khoa học của Phòng thí nghiệm Các chức năng của não ở Wincosin, đứng đầu là nhà khoa học chuyên nghiên cứu về thần kinh Richard Davidson đã quét hình ảnh bộ não của một thiền sư và nhận ra rằng não của ông hoạt động vượt trội hơn não của một vận động viên chuyên nghiệp khi thi đấu đỉnh cao.

Trong khi các nhà khoa học không lý giải nổi thiền hoạt động như thế nào thì các nghiên cứu lại chỉ ra rằng thiền giúp cho não hoạt động tốt hơn và một điều rằng thiền giúp não tạo ra một chất nhằm chống lại stress.

Khi tập thiền, cơ thể tiết ra nitric oxide, một hóa chất được các công ty dược bào chế thuốc hạ huyết áp. (ở đây cần phân biệt rõ nitric oxide khác với nitrous oxide là một thành phần trong thuốc gây mê). Chúng (nitric oxide) hạ huyết áp bằng cách làm dẫn nở các mạch máu nhằm làm giảm áp lực máu chảy về tim.

"Có thể nói rằng khi bạn tập thiền thì huyết áp sẽ giảm xuống" nhà tâm sinh học Jeffrey Dusek của trường Y khoa Harvard nói "Tác dụng của việc tập thiền cũng giống như tác dụng của thuốc là đều giải phóng nitric oxide. Do đó, chúng tôi đang tìm hiểu cơ chế hoạt động sinh học của thiền."

Thiền và tâm lý học

Hành vi stress của con người có thể tiến triển từ tổ tiên người hàng động của chúng ta khi họ phải sống trong một môi trường đầy đe dọa thời nguyên thủy.



Khi đó họ phải sống trong sự căng thẳng khi chung quanh họ toàn là những loài thú săn mỗi khổng lồ. Ngày nay, con người cũng sống trong sự căng thẳng chỉ khác biệt là không còn những loài thú dữ.

Nhà tâm lý học Ryan Niemiec đã ứng dụng thiền vào các phương pháp chữa trị bằng tâm lý của mình. "Bởi vì thiền giúp con người nhận biết được thực tại, nó mang đến cho con người cách làm việc với chính mình để nhận biết được những vấn đề đang phát sinh trong cơ thể và trong trí óc."

"Thiền giúp nhận diện những điều mà một số người gọi là "phi công tự động" tức là chúng ta cứ trôi theo dòng đời một cách vô hồn mà không nhận diện được những gì đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ". "Và khi đã nhận diện được chúng, thiền giúp chúng ta biết an trú trong hiện tại, biết quý trọng từng khoảnh khắc đang diễn ra và giúp ta sống hạnh phúc hơn. Đó mới chính là thiền đường mà chúng ta hằng mơ ước". ●



Tìm Hiểu

Pháp Chân Đế - Níp Bàn

Giác Nguyên

Padamaccutamaccantam
Asankhatamanuttaram
Nibbānamīti bhāsanti
Vānamuttā mahesayo

- Tiếng padam ở đây có nghĩa là 1 phần. Một loại "Có một loại thực tính pháp độc lập, không liên hệ hữu vi".

- Accutam: bất tử, và níp-bàn là pháp vô sinh nên làm sao có tử?

- Accattam: là "Pháp vượt qua các uẩn quá khứ và uẩn vị lai" nghĩa là Níp bàn mang đặc tính vượt ngoài các uẩn, đối với các uẩn đã có (pubban-takhandha) và các uẩn tương lai (aparantakhandha). Ở đây dù không có nói tới uẩn hiện tại nhưng khi nói như vậy ta phải hiểu thêm là Níp bàn cũng vượt ngoài các uẩn hiện tại bởi vì không có các uẩn đã sanh và sẽ sanh thì cũng không có các uẩn đang sanh. Cũng như nói "Tôi chưa từng thấy trong con cua có máu và sẽ không bao giờ thấy con cua có máu vậy cũng có nghĩa là ngay lúc đang nói người ta cũng không thấy trong con cua có máu".

Chính 5 uẩn hiện tại là vị lai uẩn của các uẩn quá khứ và cũng là quá khứ uẩn đối với các uẩn vị lai. Níp-bàn là pháp vượt ngoài các uẩn không còn nằm trong thời gian nữa nên được gọi là kālavimutta và khandhavimutta.

- Asankhata: Níp bàn không phải là pháp được "cấu tạo" bởi 4 duyên: Kammacitta, utu và āhāra vì Níp bàn không là Tâm cũng không là sở hữu, càng không phải là sắc pháp.

- Anuttaram: Níp-bàn là pháp vô thượng, chí thượng, siêu việt không có một pháp nào cao quý hơn nữa. Đúng ra, khi nói tổng quát thì toàn bộ pháp siêu thế đều được gọi là anuttara nhưng ở đây (trong câu kệ này) ý tác giả muốn nằm vào Níp-bàn, pháp vô vi mà thôi.

GIẢI TỰ VÀ MINH THÍCH TIẾNG NIBBĀNA

Tiếng Nibbāna được chiết tự như sau: Ni + Vāna. Ni: thoát ra; vāna: sự bện thắt, ở đây chỉ cho Ái. Vậy Nivāna là "thoát ra khỏi cái tham ái bện thắt".

- Vināti saṃsibbatīti vānam.

- Vānato nikkhantanti nibbānam.

Nỗi khổ luân hồi từ vô thủy đến vô chung của tất cả chúng sanh đều do tham ái. Chính Ái đã hòa quyện, bện thắt, xoắn xít chúng sanh vào hành trình tử sanh như người thợ dệt làm vải vậy, lấy sợi tơ này đan vào sợi tơ kia để làm nên miếng vải, tham ái cũng bện thắt chúng sanh từ sanh hữu này đến sanh hữu khác. Chính vì vậy ái được gọi là vāna.

Còn Níp-bàn là pháp vượt ngoài vòng chi phối của ái nên được gọi là Nivāna hay Nibbāna.

Nói trên thực tính chân đế thì Níp-bàn chỉ có một thực tại, thực nghĩa đó là sự tịch tịnh (Santilakkhaṇa) phiền não cùng ngũ uẩn nhưng nói trên khía cạnh diễn đạt (Kāranūpacāranaya - hetupariyāyana) thì Níp-bàn được phân ra nhiều cách. Do đó nếu nói Níp-bàn có 2 cũng được đó là hữu dư y Níp-bàn và vô dư y Níp-bàn (Saupādisesanibbāna, Anupādisesanibbāna).

1) Saupādisesanibbāna là sự thoát khỏi phiền não hoàn toàn nhưng các dī thực quả, và sắc nghiệp vẫn chưa tiêu mất. Như đối với các vị La Hán đang còn sống.

A - Kammakilesehi upādiyatīti: upādi. Āramṇakaraṇavasena taṇhādītthīhi upādāyatīti: upādi.

"Dị thực quả và các sắc nghiệp là những cái được nghiệp và phiền não tác thành chấp thủ nên được gọi tên là upādi hoặc các uẩn (quả dị thực + sắc nghiệp) được ái và kiến lấy làm cảnh rồi chấp thủ trong đó nên các uẩn ấy được gọi là "upādi".

B - Sissati avasissatīhi seso upādi ca seso cāti upādiseso.

Các uẩn (dị thực quả + sắc nghiệp) được gọi là sesa vì chúng còn sót lại khi phiền não đã mất hết. Các uẩn này được gọi bằng cả 2 tên: Upādi và sesa, dựa theo những lời giải thích trên.

Nói rõ hơn tức là các uẩn quả (quả dị thực + sắc nghiệp) có mặt suốt vòng luân hồi vô thủy bởi sức tác động của phiền não. Khi chứng tứ quả xong, các tập khí phiền não đã thật sự chấm dứt nhưng các uẩn hiện tại vốn là sản phẩm của phiền não quá

khứ vẫn còn dư lại (nếu vị ấy chưa Níp bàn). Vậy tiếng upādisesa nếu nói đơn giản tức chính là xác thân của vị La hán đang còn sống.

C - Saha upādisesa yā vattatīti sa upādisesā (thực tại Níp-bàn hiện hữu cùng các uẩn ly phiền não, thực tại tịch tịnh đó được gọi là Hữu dư y Níp-bàn).

Nói "Hiện hữu cùng với" ở đây không giống như sự hiện hữu của tâm cùng với sở hữu, mà có nghĩa là các uẩn ly phiền não ấy làm môi nhân cho sự chứng tri Níp-bàn.

2) Anupādisesanibbāna: một thực tại hoàn toàn tách ly các uẩn, nói rõ hơn đó là viên tịch của vị La Hán.

- Natthi upādiseso yassāti anuppādiseso, thực tại Níp-bàn nào vắng mặt luôn cả các uẩn ly phiền não (quả dị thực + sắc nghiệp) thực tại ấy được gọi là vô dư y Níp-bàn).

Sự phân chia này được dùng làm phương tiện diễn đạt thực tính Níp-bàn mà thôi chính bậc Đạo Sư cũng sử dụng phương tiện này.

Hữu dư y Níp bàn còn được gọi là ditṭhadhammanibbāna, một thực tại tịch tịnh mà vị La hán có thể chứng tri ngay khi còn sống, trước khi viên tịch hoàn toàn (parinibbāna); còn vô dư y Níp-bàn thì có tên gọi khác nữa là samparājikanibbāna, thực tại tịch tịnh mà qua đó vị La hán chấm dứt hoàn toàn các uẩn.

Níp-bàn được nói có 2 như vậy là dựa theo tạng Diệu Pháp còn nói theo Tạng Kinh thì trong Pucchāvissajjajotika (tài liệu giáo khoa dành riêng cho các Giáo Sư Vi Diệu Pháp trung học) đã có trình bày.

3. LOẠI NÍP-BÀN

Níp-bàn được kể có 3 vì dựa trên từng khía cạnh của thực tính Níp-bàn mà thôi.

1) Suññatanibbāna: vì Níp-bàn là một thực tại hoàn toàn vắng mặt phiền não cùng các uẩn nên được gọi là Suññata-nibbāna.

2) Animittanibbāna vì Níp bàn là một thực tại hoàn toàn vượt ngoài thế giới hiện tượng nên được gọi là Animitta-nibbāna.

Nói vậy có nghĩa là đối với sắc uẩn, qui trình tiến sinh của sắc uẩn, các biến tướng của sắc uẩn ai cũng có thể nhìn thấy. Danh uẩn trừu tượng hơn nhưng không phải vì vậy mà nó nằm ngoài sự ước lượng, định trị của các bậc siêu nhân như đức Phật và những vị có tha tâm thông (parcittavijā nanābhiññālābhī). Đối với các vị ấy danh pháp vẫn còn là một cái gì đó có thể quan sát, một đối tượng sở tri cụ thể. Còn đối với Níp-bàn, như đã nói, thì là một thực tại hoàn toàn nằm ngoài thế giới hiện

tượng, Níp-bàn không có hiện tượng. Đối với Níp-bàn chỉ có thể biết chứ không thể quan sát. Do vậy ta có thể gọi khía cạnh đó là Animittanibbāna .

3) Appanibitanibbāna (vô lụy Níp-bàn) là một thực tại hoàn toàn cách ly tham ái, thực tại ấy cũng không là đối tượng sở tri của tham ái.

Nói vậy có nghĩa là tất cả hữu vi pháp (cả danh lẫn sắc) đều là cảnh sở tri của tham ái (lobha hay taṇha), ngay cả tâm Siêu thế cùng các sở hữu hợp tuy không là cảnh của Ái, cũng không mang tính thuộc lụy tham ái nhưng chúng vẫn chưa nằm ngoài phạm vi paṇihitadhamma (pháp thuộc lụy) bởi vì những danh pháp Siêu thế đó còn phải nương vào người (puggala). Riêng về Níp-bàn đó là một thực tại vượt ngoài giới hạn Người, không có hiện hữu trong người, chỉ là một thực tại độc lập. Ta gọi khía cạnh đó là vô lụy Níp-bàn.

Đối với người nào chưa có khái niệm chính chắn về thực tại Níp-bàn, khi nghe tán thán về Níp-bàn là một thực tại không có sanh, lão, bệnh, tử, vì muốn được hưởng một an lạc nằm ngoài tam giới nên anh ta ước nguyện Níp-bàn, mà chưa kịp thấu đáo thế nào là thực tính vô sinh của Níp-bàn thì đó được gọi là vibhavataṇhā (Phi hữu ái) bởi thân lạc tâm lạc mà anh ta mong mỏi ấy chỉ hiện hữu nhân loại, Chư thiên, Phạm thiên mà thôi, ngoài tam giới ra không ở đâu có cả. ●



Tinh thần vì Đạo Pháp và Dân Tộc của MINH VƯƠNG NGUYỄN PHÚC CHU

HT. Thích Đạt Đạo
(Tiếp theo & hết)

IV. NHỮNG TƯ TƯỞNG CỦA MỘT MINH VƯƠNG

Trước hoàn cảnh lịch sử, xã hội, tôn giáo phức tạp như vậy, khi lên ngôi chúa năm 1691, Nguyễn Phúc Chu phải chọn đường lối thế nào để phát triển đất nước đảm bảo giữ yên bờ cõi phía Bắc, mở rộng bờ cõi phía Nam, chấn hưng kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc?

Ngài đã có những suy nghĩ thật sáng suốt, táo bạo và tài tình.

Trước hết, chúng ta nhận thấy:

- Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu sinh ra đời gặp thời vận, nghĩa là sinh phù hợp thời, hay xuất hiện đúng lúc, đúng thời điểm. Quốc chúa sinh ra đời vào năm 1675, sau khi cuộc chiến tranh Nam Bắc kết thúc được 3 năm. Đàng Ngoài và Đàng Trong lấy sông Gianh làm giới tuyến chia cắt 2 miền. Nạn chiến tranh chết chóc đã qua. Hai Đàng đang lo việc tái thiết.

- Quốc chúa được thừa hưởng từ tổ tiên tinh thần lập quốc. Từ thời khai khẩn đất hoang vùng Thuận Hóa, Quảng Nam, chúa Tiên và các triều chúa kế tiếp luôn xem trọng việc giữ gìn và mở rộng bờ cõi. Người dân được các chúa quan tâm cấp đất khai khẩn, làm nông nghiệp, tay cày tay g耨, đúng như tinh thần hai câu thơ của nhà thơ tướng Huỳnh Văn Nghệ đã viết sau này: "Từ thuở mang耨 đi mở cõi, Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long". Dòng máu tổ tiên đã hun đúc cho Quốc chúa những quyết định sáng suốt trong cuộc dựng xây bờ cõi, cương thổ quốc triều.

- Quốc chúa được sinh ra và được giáo dục trong môi trường mà ông, cha đều là những người tôn sùng đạo Phật. Chính cha ngài là Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trấn là một vị chúa hết sức mộ đạo. Chúa Nghĩa đã hai lần cử nhà sư Nguyên Thiều sang Quảng Đông mời các cao Tăng danh tiếng trong đó có Hòa thượng Thích Đại Sán sang Đàng Trong truyền đạo Phật,

nhưng không mời được vị Hòa thượng nổi tiếng này.

- Quốc chúa lại hữu duyên được gặp Hòa thượng Thạch Liêm (Thích Đại Sán). Với tinh thần cầu đạo pháp, thấm nhuần tư tưởng vị tha, từ bi, hỷ xả, ngài đã tiếp thu tư tưởng Phật giáo, đồng thời biết lắng nghe và tiếp nhận những ý kiến tham mưu của Hòa thượng Thạch Liêm trong nội trị, ngoại giao và kinh tế, quốc phòng... Bài Tự của chúa viết trong sách Hải ngoại ký sự của Hòa thượng Đại Sán ghi: "... Từ lúc đến vào mùa xuân năm Ất Hợi cho tới mùa hạ năm Bính Tý, được gần gũi cung dưỡng. Ngoài chuyện ngày đêm giảng dạy đạo lý, còn chỉ bảo kỹ cương luân thường. Từ chuyện to đến chuyện nhỏ đều vạch lối chỉ đường, phân tích rõ ràng mạch lạc, khác nào dẫn dắt người từ nơi tối tăm ra ánh sáng, giúp ích cho ta trong công việc chính cương trị quốc biết chừng nào...".

- Quốc chúa gặp được tôi hiền, trung thần hết lòng phò tá. Điển hình là Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, người được Quốc chúa cử vào miền đất phương để Nam kinh lược, xây dựng và xác lập vùng đất Biên Hòa, Gia Định thành cương thổ chủ quyền của chúa Nguyễn.

- Quốc chúa được thụ hưởng một nền giáo dục cẩn thận, sự chuẩn bị chu đáo để ngài có thể nắm giữ trọng trách lãnh đạo triều đình.

- Quốc chúa được nhiều phúc báu, bản chất thông minh, khỏe mạnh, học giỏi võ, văn hay chữ tốt, trí tuệ sáng suốt. Đó phải chăng là phước báu của dân tộc Việt Nam khi có vị chúa như thế để phát triển cương thổ Quốc gia to lớn như ngày nay và Phật giáo Việt Nam được chấn hưng trở lại?

V. NHỮNG CÔNG NGHIỆP MANG TÍNH VÌ ĐẠO PHÁP VÀ VÌ DÂN TỘC

1- Công nghiệp của chúa Nguyễn Phúc Chu vì Đạo pháp:

a- Xây dựng chùa chiền: Tiếp nối truyền thống tổ tiên, khi lên ngôi chúa, ngài đã cho tu bổ xây dựng

thêm chùa chiền như chùa Thiên Mục, chùa Mỹ Am

b - Đúc chuông, lập bia:

- Năm 1710, chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc quả đại hồng chung cao 2,5 m nặng 3.285 cân ở chùa Thiên Mục

- Năm 1915, chúa lại cho xây tấm bia cao 2,58 m đặt trên lưng con rùa bằng cẩm thạch.

Sách Đại Nam Nhất Thống chí quyển Kinh Sư, phần Tự Quán chép: "Hiển Tông Hoàng Đế (Minh vương Nguyễn Phúc Chu) Canh Dần năm thứ 19 (1710) đúc chuông lớn chùa Thiên Mục".

c- Thịnh cao Tăng lập đàn thuyết pháp, truyền giới, quy y cho quần thần và dân chúng

Trong bài Tự do chúa Nguyễn Phúc Chu đề tặng trên sách Hải ngoại Ký sự, của Hòa thượng Thạch Liêm chúa ghi: "Ta khi còn làm Thái tử thường hay ngưỡng mộ thầy ta ở chùa Trường Thọ. Vua cha ta lúc trước đã gửi thư hai lần mời mà không được. Mùa thu năm Giáp Tuất ta muốn thọ Bồ Tát giới nên nổi chí vua cha, ta đưa người qua rước, may được Hòa thượng nhận lời mời..."

d- Thịnh kinh cho Tăng sĩ tu học, chấn chỉnh và nâng cao đạo hạnh chư tăng:

- Sách Đại Nam Thực Lục Tiền Biên (quyển 18, trang 17) chép việc trùng tu chùa Thiên Mục năm 1714 có ghi: "... sai người qua Trung Hoa thỉnh Kinh, Luật, Tạng hơn 1000 quyển ..."

e- Tạo điều kiện Phật giáo phát triển

Dưới thời các chúa Nguyễn trong đó chúa Nguyễn Phúc Chu đã góp phần không ít, Phật giáo được tạo điều kiện phát triển, nhiều nhà sư từ Trung Quốc sang Đàng Trong lập chùa, giảng pháp, thu nhận đệ tử tu học:

- Thiền sư Trung Hoa Nguyên Thiều (1648 - 1728):

vào năm 1677 sư đi theo thuyền buôn sang phủ Quý Ninh (Quy Nhơn), lập chùa Thập Bát Di Đà. Sau đó, sư ra Thuận Hóa xây chùa Quốc Ân.

- Thiền sư Minh Hoằng (thế kỷ XVII) dòng Lâm Tế đời thứ 34 từ Quảng Đông sang lập chùa Ân Tôn tại Thuận Hóa, nay là chùa Từ Đàm. Trong số những người được sư truyền pháp, có ngài Liễu Quán.

- Thiền sư Liễu Quán (1667-1742) thuộc dòng Lâm Tế, đời thứ 35. Thiền sư Liễu Quán đã làm cho thiền phái Lâm Tế trở thành một phái linh động, có gốc rễ ở Đàng Trong. Trước ông, Phật giáo ở Đàng Trong mang màu sắc Quảng Đông. Ông đã Việt hóa thiền phái Lâm Tế và làm cho thiền phái này trở thành phái đa số Phật tử Đàng Trong.

- Thiền sư Giác Phong lập chùa Thiên Thọ nay là chùa Báo Quốc, ở núi Hàm Long, Thuận Hóa.

- Thiền sư Từ Lâm xây chùa Từ Lâm trên khu đồi làng Dương Xuân, Thuận Hóa.

- Thiền sư Pháp Bảo, người Phúc kiến lập chùa Chúc Thánh, Quảng Nam.

- Thiền sư Pháp Hoá, người Phúc Kiến, lập chùa Thiên Ấn, Quảng Nam.

- Thiền sư Hưng Liên là người lập chùa Tam Thai ở Quảng Nam. Ngài được chúa Nguyễn Phúc Chu tôn làm quốc sư, trước khi Hòa thượng Thạch Liêm qua Đại Việt. Ngài là đệ tử của Hòa Thượng Thạch Liêm.

g- Bản thân chúa quy y, thọ Bồ tát giới, ăn chay thanh tịnh:

- Năm 1691 Nguyễn Phúc Chu lên ngôi chúa. Năm 1694 chúa mời được Hòa thượng Thạch Liêm sang Đàng Trong. Năm 1695, Hòa thượng Thạch Liêm tổ chức giới đàn ở chùa Thiên Lâm, chúa đã cùng quốc mẫu, công chúa, các hoàng huynh thọ Bồ tát Giới.



Nhiều quan lại của triều đình và dân chúng quy y, thọ giới. Hòa Thượng Thạch Liêm đặt cho chúa đạo hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân.

h- Bản thân chúa khiêm hạ, nhúng nhường làm gương cho triều thần, dân chúng:

- Trong bài Tự sách Hải ngoại ký sự, chúa Nguyễn Phúc Chu viết: "Đại Việt Quốc Vương Nguyễn Phúc Chu thọ Bồ tát giới pháp danh Hưng Long đánh lễ, viết vào ngày 5 tháng 5 năm Bính Tý..."

k- Là Phật tử thuần thành, ngài luôn sử dụng pháp danh trong danh xưng:

- Bia đá do chúa Nguyễn Phúc Chu lập ở chùa Thiên Mụ năm 1715 có ghi: "... Chúa dựng chùa Thiên Mụ, chúa Nguyễn Phúc Chu kế truyền chính tông phái Động thượng đời thứ 30, pháp danh Hưng Long, hiệu Thiên Túng Đạo Nhân ghi văn bia và dựng bia bền vững ở chùa Thiên Mụ, xứ Thuận Hóa..."

2- Những công nghiệp của chúa Nguyễn Phúc Chu vì dân tộc

a- Mở mang bờ cõi về phương Nam, thu phục lòng người, xây dựng đất nước hòa hợp, đoàn kết. Năm 1692 vua Chiêm là Bà Tranh kéo quân đánh phá, chúa cho quân đi bắt, nhân thế chúa đổi Chiêm Thành làm trấn Thuận Thành. Năm 1697 đặt Phủ Bình Thuận. Năm 1698 chúa sai Nguyễn Hữu Cảnh chia đất Đông Phố thành hai miền: xứ Lộc Dã (Đồng Nai) làm huyện Phước Long, lập dinh Trấn Biên (Biên Hòa); lấy xứ Xài Côn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn (Gia Định). Năm 1708, Mạc Cửu là người Quảng Đông không phục nhà Thanh bỏ chạy sang Chân Lạp được vua Chân Lạp cho khai khẩn vùng đất Hà Tiên. Năm 1709, Mạc Cửu xin đem đất đó quy thuận chúa Nguyễn.

b- Dùng người Phương Tây để huấn luyện binh pháp và kỹ thuật quân đội.

c- Mở rộng thương cảng cho tàu thuyền các nước vào tự do buôn bán.

d- Trong việc chính sự biết lắng nghe lời góp ý của Hòa thượng Thạch Liêm để bớt thuế khóa, giảm hình ngục.

e- Trong ngoại giao đối xử khéo léo khiến người Trung Hoa phải gọi ngài là Quốc Vương Đại Việt dù ngài không được vua Thanh tấn phong Vương hiệu.

* KẾT LUẬN:

Sự phát triển Phật giáo ở Đàng Trong chính là do các chúa Nguyễn đã nhận thức rõ tầm quan trọng của tư tưởng Phật giáo. Các chúa Nguyễn lấy tư tưởng Phật giáo để giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc.

Tư tưởng Phật giáo đã được các chúa Nguyễn mà điển hình nhất là Minh vương Nguyễn Phúc Chu, một vị chúa sáng suốt đã đem ánh sáng Phật pháp để lãnh đạo đất nước. Ngài đã làm cho đất nước bờ cõi mở rộng, chùa chiền phát triển, Tăng sĩ cống hiến giúp đời, trong cuộc sống xã hội thì nhẹ thuế khóa, giảm bớt hình ngục, vua yêu thương con dân, chăm lo việc nước ngày càng cường thịnh.

Chúa Nguyễn Phúc Chu là một vị Minh chúa, biết lắng nghe lời nói thẳng, biết dựa vào sức dân. Ngài trọng dụng người tài, sử dụng người theo khả năng của họ. Biết tạo uy thế để giữ bờ cõi.

Dưới thời đại của chúa Nguyễn Phúc Chu, cuộc sống dân chúng được thanh bình, dân tộc hòa hợp. Nhiều Tôn giáo khác như Hồi giáo, Ấn giáo của người Chiêm Thành, Chân Lạp, Champa, đạo Thiên chúa hầu như không được phát triển. Đạo Phật ở Đàng Trong đã giữ vị trí hưng thịnh.

Tư tưởng yêu nước thương dân và mong muốn mọi người dân hướng về Phật pháp của chúa Nguyễn Phúc Chu thể hiện rõ trong bài minh trên chuông chùa Thiên Mụ do chính chúa viết như sau:

Duy nguyện phong vũ điều thuận, quốc thái dân an, pháp giới chúng sinh đồng viên chủng trí (Nguyện cầu gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân an, chúng sinh trong pháp giới đều vẹn tròn trí tuệ).

Quả thật lãnh thổ Đàng Trong của các chúa Nguyễn đã trải qua hàng trăm năm mưa gió thuận hòa, nước mạnh, dân an lành. Chúng ta vô cùng khâm phục khi ngài nguyện chúng sinh trong pháp giới vẹn tròn trí tuệ. Chỉ có con người hiểu Phật Pháp sâu sắc mới có nguyện cầu toàn dân có trí tuệ. Trí tuệ chính là kết quả của quá trình công phu giữ "Giới - Định" để được "Huệ". Khi con người có trí tuệ thì con người nhận rõ chân thực của cuộc đời. Tức là giác ngộ.

Đó chính là công nghiệp to lớn nhất của Minh vương Nguyễn Phúc Chu vậy. ●



Lịch sử và tình hình văn học Phật giáo từ đời Lý đến đầu đời Trần

TT. TS. Thích Phước Đạt

1. 1. CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP TRẦN THÁI TÔNG

1.1.1. Bối cảnh lịch sử và tình hình văn học Phật giáo từ đời Lý đến đầu đời Trần

Mùa đông năm 938, với chiến thắng của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng để mùa xuân năm sau Ngô Quyền lên ngôi xưng vương để đưa dân tộc ta bước sang kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập tự chủ. Từ cái mốc lịch sử này, đất nước ta chuyển sang một thời đại mới: thời đại thống nhất đất nước, thống nhất cộng đồng, phục hưng mọi giá trị văn hoá tinh thần truyền thống của dân tộc sau hơn một nghìn năm bị phương Bắc đô hộ (năm 111 TCN - năm 938). Đáng tiếc là vương triều nhà Ngô chỉ tồn tại gần 30 năm (939 – 967) thì cuối triều Ngô, đất nước ta bị nạn phong kiến cát cứ bởi Thập nhị sứ quân. Yêu cầu thống nhất đất nước, thống nhất dân tộc một lần nữa lại được đặt ra. Nhiệm vụ cao cả và trọng đại này, lịch sử đã giao phó cho người anh hùng xuất thân từ nông dân Đinh Bộ Lĩnh. Ông đã dẹp tan các sứ quân khác rồi lên ngôi vua, mở ra triều đại nhà Đinh, lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng. Vì thế, sách Lịch sử Việt Nam của Viện Sử học (1971) đã nhận định rằng: “Thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh là thắng lợi của xu hướng thống nhất quốc gia, thắng lợi của tinh thần dân tộc và ý chí độc lập mạnh mẽ của nhân dân ta”. Tiếc là, nhà Đinh cũng tồn tại ngắn ngủi (968 – 980). Cuối triều Đinh, giặc Tống phương Bắc mang đại quân sang xâm lấn nước ta. Vua Đinh Tuệ còn quá trẻ. Trước vận mệnh của đất nước có nguy cơ bị mất, thái hậu Dương Vân Nga đã sáng suốt trao ngai vàng và hoàng bào của con mình cho một vị tướng tài ba và cũng là người mà bà đem lòng yêu mến là quan Thập đạo tướng quân Lê Hoàn. Lê Hoàn đã chiến thắng giặc Tống xâm lược vào năm 981 rồi lên ngôi vua lấy hiệu là Lê Đại Hành. Nhà Tiền Lê tồn tại chưa đầy 20 năm (981 – 1009) nên cũng chưa có nhiều điều kiện để xây dựng đất nước. Cuối đời nhà Tiền Lê, Lê Long Đĩnh (Lê Ngoạ Triều) tàn ác, bất nhân, hoang dâm vô độ nên quần thần và dân chúng oán giận. Thiền sư Vạn Hạnh cùng tướng Đào Cam Mộc vận động triều đình tôn vinh người con Phật, quan Tả điện tiền Chỉ huy sứ Lý Công Uẩn lên ngôi vua, mở ra vương triều mới: triều Lý. Triều đại này đã tồn tại trên 200 năm (1010 – 1225) nên có rất nhiều điều

kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển đất nước cùng phục hưng mọi giá trị truyền thống của dân tộc. Công việc đầu tiên của Lý Công Uẩn (vua Lý Thái Tổ) là dời đô từ vùng núi Hoa Lư (Ninh Bình) ẩm thấp, chật hẹp về Đại La là nơi trung tâm khoáng đạt, rộng rãi rồi đổi tên thành Thăng Long. Điều đó đã chứng tỏ nhà vua có tầm nhìn xa trông rộng. Đây là một sự kiện quan trọng có ý nghĩa lớn với mục đích “đóng đô nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu” (Chiếu dời đô – Lý Thái Tổ). Thăng Long là vùng đất hội đủ mọi điều kiện để thoả mãn mục đích trên của nhà vua “ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi... xem khắp nước Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời” (Chiếu dời đô – Lý Thái Tổ). Nhờ thế mà xã hội đời Lý phát triển về mọi mặt: nông nghiệp, thủy lợi được chú trọng. Ngành nghề thủ công đạt đến trình độ khá cao về kỹ thuật lẫn mỹ thuật. Giao thông thương mại không chỉ phát triển trong nước mà còn mở rộng sang các nước trong khu vực. Quân sự thì hùng mạnh đủ sức đương đầu và làm nên chiến thắng đối với giặc ngoại xâm đến từ phương Nam, phương Bắc mà người anh hùng, đồng thời cũng là người con Phật Lý Thường Kiệt đã làm nên những chiến công vang dội đó, góp phần tô đậm thêm những trang sử vàng sáng chói của dân tộc.

Thành tựu những lĩnh vực trên đã tạo điều kiện cho văn hoá phát triển một cách toàn diện. Việc học tập thi cử, đào tạo nhân tài để xây dựng đất nước được các vua nhà Lý chăm lo. Nếu trước đây, triều đình có lệ bảo cử và tiến cử ra làm quan thì từ triều vua Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông về sau, bên cạnh lệ trên còn có tổ chức thi cử để tuyển chọn nhân tài. Việc vua Lý Thánh Tông xây dựng Văn Miếu (1070) rồi Lý Nhân Tông mở khoa thi Tam giáo cầm cái mốc đầu tiên trong lịch sử giáo dục khoa cử nước ta vào năm 1075, để năm sau (1076) thành lập Quốc Tử Giám: Trường đại học đầu tiên của nước Đại Việt, chính là đặt nền tảng vững chắc cho sự nghiệp đại phục hưng cho dân tộc. Cái hồn của thời đại phục hưng này dường như đã được các nghệ nhân tài hoa thổi vào hình tượng

con rồng – một vật linh của người Việt phương Nam, với dáng vẻ mềm mại uyển chuyển. Điều đó có nghĩa là vương triều nhà Lý đã đặt nền tảng vững chắc cho một thời đại phát triển rực rỡ của nền văn hoá dân tộc mà các sử gia gọi đó là “Văn hoá Thăng Long” để các triều đại sau kế thừa và phát triển.

Nhưng theo quy luật vận động và phát triển của lịch sử, có thịnh ắt có suy, hưng rồi lại phế. Triều đại nhà Lý cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Những vị vua cuối của triều đại này một phần khi lên ngôi còn quá nhỏ. Cụ thể là Lý Anh Tông (1138 – 1175) lên ngôi lúc 2 tuổi, Lý Cao Tông (1175 – 1210) lên ngôi lúc 2 tuổi, Lý Huệ Tông (1210 – 1224) lên ngôi lúc 16 tuổi, Lý Chiêu Hoàng (1224 – 1225) lên ngôi lúc mới 6 tuổi. Các hoàng thân và đại thần có uy tín xét đến cùng có thể khó lòng mà chấp nhận sự điều khiển của các vị vua còn bé thơ. Mặt khác, một số vua chúa, hoàng thân, quan lại đại thần có thể lực đua nhau xây dựng những thái ấp điền trang riêng. Điều này góp phần làm cho triều đại suy yếu. Đó là chưa kể có những vị vua như Lý Cao Tông tha hồ lấy công quỹ để xây dựng cung điện vui chơi, hưởng lạc. Còn Lý Huệ Tông thì quá nhu nhược, thiếu bản lĩnh để quyền hành rơi vào tay anh em Trần Lý, Trần Thừa, Trần Thủ Độ. Để rồi vị vua cuối cùng của vương triều nhà Lý là Lý Chiêu Hoàng đã nhận thức rõ vận mệnh của đất nước nên nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Trần Cảnh lên ngôi vua lấy hiệu là Trần Thái Tông khai sáng triều đại nhà Trần kéo dài gần 200 năm (1225 – 1400) và tạo nên một hào khí mới: hào khí Đông A chói ngời, muôn đời bất diệt. Nhờ vậy mà dân tộc Đại Việt mới có đủ sức mạnh vật chất lẫn tinh thần để ba lần đánh tan đế quốc Nguyên Mông hùng mạnh lúc bấy giờ. Chính sử gia cũng thừa nhận “Triều Trần là một trong những cường quốc của Đông Nam Á, lừng danh với ba trận đại thắng quân xâm lược Mông Nguyên⁽¹⁾”.

Kế tục sự nghiệp nhà Lý, nhà Trần không chỉ mạnh về quân sự trong việc đối đầu với ngoại xâm mà còn phát triển đất nước về mọi mặt từ nông nghiệp, thủy lợi, thương nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, cho đến các lĩnh vực văn hoá... Nhờ thế triều đại đã khơi dậy được tinh thần dân tộc, biết phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, bởi “vua tôi đồng lòng, anh em hoà thuận, cả nước góp sức⁽²⁾”. Những thành tựu trên đã làm cho đất nước Đại Việt đời Trần trở nên hùng cường không chỉ trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền đất nước mà còn xây dựng nên một nền văn hoá - văn học rực rỡ của thời đại. Trong đó, cần phải kể đến

ảnh hưởng của giáo lý cùng tư tưởng Phật giáo Đại Việt như là một trong những hệ tư tưởng cốt lõi trong công cuộc xây dựng và phục hưng đất nước Đại Việt ngày càng phát triển kể từ sau chiến thắng của Ngô Quyền.

Từ bối cảnh lịch sử trên, văn học Lý Trần đã hình thành

và phát triển, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của văn học Phật giáo Lý Trần bởi nó là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời với văn học thời đại này. Bộ phận văn học này dù được viết dưới sự ảnh hưởng sâu đậm của giáo lý Thiền môn nhưng vẫn gắn bó và thể hiện sâu đậm những tinh hoa của văn hoá dân tộc.

Thực tế, ngay từ buổi đầu Phật giáo du nhập vào nước ta và vào bằng con đường hoà bình nên đã có sự gắn bó và hoà nhập với dân tộc trong tiến trình dựng nước và giữ nước. Mặt khác, cốt tuỷ tinh thần của đạo Phật là dân chủ và rộng mở, từ bi và hỷ xả nên dễ dàng nhanh chóng bắt rễ rồi ăn sâu vào trong tâm thức cộng đồng người Việt vốn có những phẩm chất, đức tính như thế. Nhà nghiên cứu sử học lão thành Trần Văn Giàu đã ghi nhận “Bình minh lịch sử dân tộc ta cũng gắn liền với Phật giáo”. Nho giáo đến sau, lại đi theo bước chân xâm lược của phương Bắc thì làm sao quần chúng nhân dân tin cậy? Hình ảnh ông Bụt hiền hoà giàu lòng từ bi trong truyện cổ tích đã chứng tỏ ngay từ buổi đầu Phật giáo đã thấm sâu trong mạch sống dân tộc.

Để đến khi nước nhà giành được độc lập thì Phật giáo càng có điều kiện phát triển và ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng. Đất nước được phục hưng, việc nước cần chấn chỉnh, triều chính cần ổn định, việc bang giao cần người giúp đỡ, ai sẽ là người đảm nhận trọng trách này nếu không phải là những trí thức mà những trí thức hồi ấy



Tượng thờ vua Lý Thái Tông ở chùa Kiến Sơ, Gia Lâm, Hà Nội

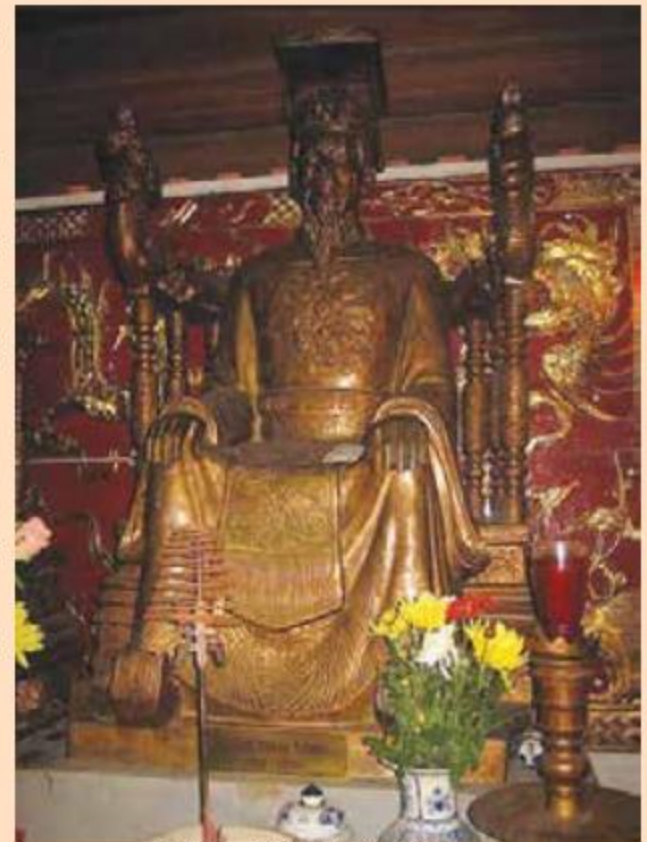
1. Nguyễn Khắc Thuần, *Nước Đại Việt thời Lý - Trần*, Nxb Thanh Niên, TP. HCM, 2002, tr. 130

2. Quỳnh Cư – Đỗ Đức Hùng, *Các triều đại Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, TP. HCM, 1995, tr. 94.

phần lớn là tăng lữ. Phật giáo hồi này không chỉ bó hẹp trong nhà chùa, lo truyền đạo, chăm sóc phần hồn cho con người mà còn đóng góp nhiều công sức trong công cuộc kiến thiết đất nước. Nhờ triều đình thời này coi trọng đạo Phật, có lúc được xem là Quốc giáo và nhờ vua chúa, quý tộc, quan lại sùng mộ đạo Phật; có vị khi về già vào chùa khoác áo cà sa, sống đời muối dưa thanh đạm; có vị quy y thọ giới nên Phật giáo từ đầu đời Trần trở về trước rất thịnh. Các triều đại phong kiến Đinh, Tiền Lê, Lý, đầu đời Trần đều quy định các chức tăng quan, ấn định phẩm hàm cấp bậc cho tăng đạo, mời các vị thiền sư đạo cao đức trọng làm cố vấn cho triều đình với tư cách là Quốc sư (vị thầy của nước). Việc nhà sư Ngô Chân Lưu đã được Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành phong làm Tăng thống, ban chức Quốc sư, làm cố vấn cho triều đình; nhà vua còn ban hiệu Khuông Việt (khuông phò nước Việt) đủ để chứng tỏ vai trò và vị trí của Phật giáo đối với đất nước. Thiền sư Đỗ Pháp Thuận là “người có công dự bàn sách lược”, đại diện triều đình để tiếp sứ thần nhà Tống cùng với Khuông Việt Quốc sư, làm cho sứ thần phải kính nể. Thiền sư Nguyễn Vạn Hạnh không chỉ đảm nhận vai trò cố vấn triều đình nhà Tiền Lê mà còn là người có công đưa Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế khi ông vua cuối cùng của nhà Tiền Lê vô đạo bất nhân, làm cho đất nước suy yếu. Và còn có rất nhiều thiền sư khác nữa đã đóng góp công sức của mình cho công cuộc xây dựng đất nước như Mãn Giác, Nguyễn Minh Không, Giác Hải, Viên Thông, Từ Đạo Hạnh đời Lý, Phù Vân Quốc sư Trúc Lâm Đại Sa môn (Viên Chứng), Đại Đăng đời Trần. Lúc này, đạo pháp với dân tộc là một. Chính vua Lý Nhân Tông đã từng nói với thiền sư Mãn Giác rằng “Bậc chí nhân hiện thân ở cõi đời tất phải làm việc để cứu chúng sinh, không hạnh nào là không cần có đủ, không việc gì không phải chăm lo, chẳng những đắc lực về thiền định và trí tuệ mà cũng có công giúp ích cho nhà nước⁽³⁾”. Hay như trước đó, thiền sư Lâm Huệ Sinh đã theo vua Lý Thánh Tông đi chinh phạt Chiêm Thành vào năm 1069⁽⁴⁾. Đây chính là sự tùy duyên bất biến theo tinh thần Phật giáo. Hoặc như vua Lý Nhân Tông đã từng tán thán công đức thiền sư Vạn Hạnh “Vạn Hạnh dung tam tế, Chân phù cổ sấm thi. Hương quan danh Cổ Pháp, Trụ tích trấn vương kỳ.” (Vạn Hạnh thông ba cõi, Lời ông nghiệm sấm thi. Quê hương làng Cổ Pháp, Chỗ trụ trấn kinh kỳ⁽⁵⁾). Thiền sư Pháp Bảo trong bài bia ở chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn – Thanh Hoá (Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh) đã ca ngợi và đồng nhất người anh

hùng cứu quốc Lý Thường Kiệt với con người Phật tử là một. Điều đó như là một niềm vinh dự cho cả dân tộc và Phật giáo Đại Việt. Và còn rất nhiều dẫn chứng khác nữa. Những điều vừa nêu trên đủ để khẳng định vai trò Phật giáo đối với sứ mệnh dân tộc là rất lớn. Bởi đạo Phật sau một thời gian dài được truyền vào Việt Nam lúc này đã được “bản địa hoá⁽⁶⁾”.

Các vị thiền sư hồi này không chỉ có công với đất nước, gần đạo pháp với dân tộc mà còn là nhà văn, nhà thơ đạt dào cảm hứng. Những sáng tác của các vị tuy hiện nay không còn là bao, bởi do binh hoả chiến tranh, thiên tai lũ lụt, nhưng những gì còn lại có ghi trong Thiền uyển tập anh cũng đủ để chứng minh có một bộ phận văn học với một tiếng nói rất riêng trong văn chương Việt Nam: Văn học Phật giáo mà văn học Phật giáo thời Lý Trần là tinh hoa, đỉnh cao của văn học Phật giáo Việt Nam. Bộ phận văn học này là một thành tố không thể thiếu của văn học Việt Nam. Nó có diện mạo riêng, đặc điểm riêng. Vấn đề này gần đây đã có người lý giải tương đối toàn diện, đầy đủ⁽⁷⁾. Điều cần nhấn mạnh là văn học Phật giáo thời Lý Trần đã vinh dự là một bộ phận văn học chính thức mở đầu, có nhiệm vụ khai phá và mở đường cho văn học viết Việt Nam kể từ sau khi nước nhà giành độc lập. Những sáng tác đầu tiên của văn học viết Việt Nam cũng thuộc về nhà chùa mà tác giả của nó là những cao tăng đắc đạo. Và nếu yêu nước và nhân đạo là hai nội dung lớn, hai tư tưởng lớn, hai chủ đề xuyên suốt của văn học Việt Nam từ xưa đến nay thì văn học Phật giáo Lý Trần được vinh dự là một bộ phận văn học góp phần đặt nền móng vững chắc cho hai nội dung, tư tưởng, chủ đề nói trên (còn tiếp). ●



Tượng Trần Thái Tông
tại đền Trần - Nam Định

3. Thiền Uyển tập anh, Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch, Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 93.

4. Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 1977, tr. 279.

5. Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, sđd, tr. 433.

6. Xem Nhiều tác giả, Tuyển tập 40 năm Tạp chí Văn học (1960 – 1999), tập 2, Văn học cổ cận hiện đại, Viện Văn học, Hà Nội, 1999.

7. Xem Nguyễn Công Lý, Văn học Phật giáo thời Lý – Trần: diện mạo và đặc điểm, Nxb ĐHQG TP. HCM, 2002.

Giữ “Tâm Bình An” trong cuộc sống

Chơn Minh - Tấn Phát

Đến dự buổi hội thảo cuốn sách “Tâm Bình An” của tác giả người nước ngoài, tại giảng đường Tòa soạn báo Giác Ngộ do Công ty Thaihabooks tổ chức. Để buổi hội thảo có ý nghĩa và sinh động, Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng, Giám đốc công ty đã mời 3 vị khách đặc biệt, đó là: ĐĐ giảng sư Thích Thiện Thuận, ĐĐ giảng sư Thích Hạnh Bảo và nữ nghệ sĩ ưu tú Kim Cương, đồng thời có đông đảo khách mời đều là thành phần trí thức, sinh viên, doanh nhân trong và ngoài thành phố.

Mọi người đều có chung một mối quan tâm: “Làm thế nào để giữ tâm bình an giữa cuộc sống bộn bề lo toan?”. Khán thính giả tham dự chương trình thông qua những nhân vật điển hình kết nối này, để tìm hiểu xem đâu là nguyên nhân? và đâu là cách khắc phục sự bộn bề lo toan giữa cái riêng và cái chung trong cuộc sống? nhằm tìm kiếm sự bình an trong tâm, có lối sống hòa hợp, bình an trong xã hội vật chất đương đại.

Các vị giảng sư có những chia sẻ với thính giả về nhận thức thế nào là tâm bình an cùng nhiều cách khắc phục nỗi lo toan, buồn phiền và cách phát triển tâm bình an vì sự bất an hiện diện quanh ta muôn màu muôn vẻ và luôn thay đổi trong khi sự bình an là một khái niệm nhẹ nhàng trong

cuộc sống. Không có hạnh phúc hay bình an vĩnh cửu mà chỉ có “Hạnh phúc giữa muôn trùng đau khổ và bình an giữa bộn bề lo toan”, theo Hòa thượng Viên Minh thì “Hạnh phúc là tự tại giữa khổ đau”. Tâm chúng ta có bất an giữa muôn ngàn lo toan thì ta mới đi tìm sự bình an vì bình an và bất an là hai khía cạnh đối nghịch của tâm. Sự bất an là một cơ hội để trải nghiệm cuộc sống, tâm bất an xuất hiện ở chỗ con người còn tính toán so đo giữa các quyền lợi. Sự nghèo khó là hệ quả của tâm bòn xén từ quá khứ. Chu kỳ sống con người có bất an là kết quả con người tự tạo ra. Tâm bất an, lo toan là một chuỗi những cảm xúc nối tiếp nhau từng sát na và ta cần biết rải tâm từ thì tâm mới an được “Nếu



Tiến sĩ Mạnh Hùng, ĐĐ Thích Hạnh Bảo, ĐĐ Thích Thiện Thuận, NSUT Kim Cương (từ trái qua).

tâm từ mở ra thì khổ đau sẽ khép lại". Cách yêu thương tốt nhất là hãy có những hành động thực tế "khi không thay đổi được con người, hay hoàn cảnh, hãy thay đổi chính mình thì tâm bình an sẽ đến. "Trạng thái bất an, lo toan do tâm lý chưa được chuẩn bị kỹ, để đối phó với nghịch cảnh. Biết chấp nhận vô thường sẽ bớt đi nỗi buồn phiền lo toan, hãy tích cực thay đổi chính mình sẽ có được tâm bình an.

Môi trường sống có bình an, quốc gia có bình an, xã hội có bình an nhưng tâm con người bất an thì ở đâu cũng bất an. Từ tâm bất bình an sẽ dẫn đến những hành động không kiểm soát gây xáo trộn trật tự xã hội, điển hình như vụ nổ khủng bố ngày 23 tháng 7 năm 2011 vừa qua tại Oslo, Thủ đô Na Uy. Tâm buồn phiền lo toan hay bình an đều tùy thuộc vào hoàn cảnh môi trường chung quanh.

Bằng những trải nghiệm cuộc sống, nghệ sĩ ưu tú Kim Cương cho biết "Cuộc đời là vở kịch trên sân khấu", con người phải đem tâm mình vào sân khấu chứ không đem sân khấu vào đời. Chính nghệ sĩ là người có tâm bất an nhất trong thực tế cuộc sống hiện nay. Theo Bà thì mọi người cần hiểu và chấp nhận câu "Tận nhân lực tri thiên mạng" và hãy đặt mình vào hoàn cảnh của người thì sẽ khắc phục được tam độc Tham, Sân, Si. Khi tâm từ xuất hiện, sự tha thứ bao dung sẽ có mặt, tâm bình an và hạnh phúc sẽ đến với ta. Tiến sĩ Mạnh Hùng cũng nhấn mạnh, chính do tham ái dẫn đến tâm bất an.

Kinh Pháp cú có câu:

*"Tham ái sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu đâu sợ hãi (KPC 216).*

Buổi hội thảo sách cũng đã nhận được sự ủng hộ tài chánh từ các nhà hảo tâm tham dự với số tiền là: 20.200.000 đồng, ngoài ra 20% số tiền sách bán được (4.824.000 đồng). Tổng cộng khoảng 25 triệu đồng sẽ được dành để trợ giúp bệnh nhi Phạm

Tấn Khiêm (Vĩnh Long) bị bệnh ung thư máu đang điều trị tại Trung tâm huyết học thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Thái Hà đã góp phần khiêm nhường khi chung tay xoa dịu nỗi khổ bất an để đem lại tâm bình an cho gia đình cháu bé. ●



Gia đình bệnh nhi Phạm Tấn Khiêm



Nghệ sĩ ưu tú Kim Cương phát biểu



Phỏng Vấn: Hòa thượng Viên Minh

VỀ CÔNG TRÌNH BẢO THÁP XÁ LỢI

Hiên Huy Hòa Hiệp

Từ Suối Tiên đi thẳng về hướng ngã ba Vũng Tàu, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra ngôi Bảo tháp xá Lợi – chùa Bửu Long (tọa lạc số 81 Nguyễn Xiển - P. Long Bình – Q. 9 – TP. HCM). Chúng tôi đến thăm quan và phỏng vấn Hòa thượng Viên Minh về công trình này.

Hiên Huy Hòa Hiệp: Kính bạch Hòa thượng. Xin Hòa thượng vui lòng cho chúng con biết sơ lược về mô hình kiến trúc Bảo Tháp (diện tích, độ cao Bảo Tháp chính, 2 tháp chuông phụ, hồ nước) có tất cả bao nhiêu hạng mục?

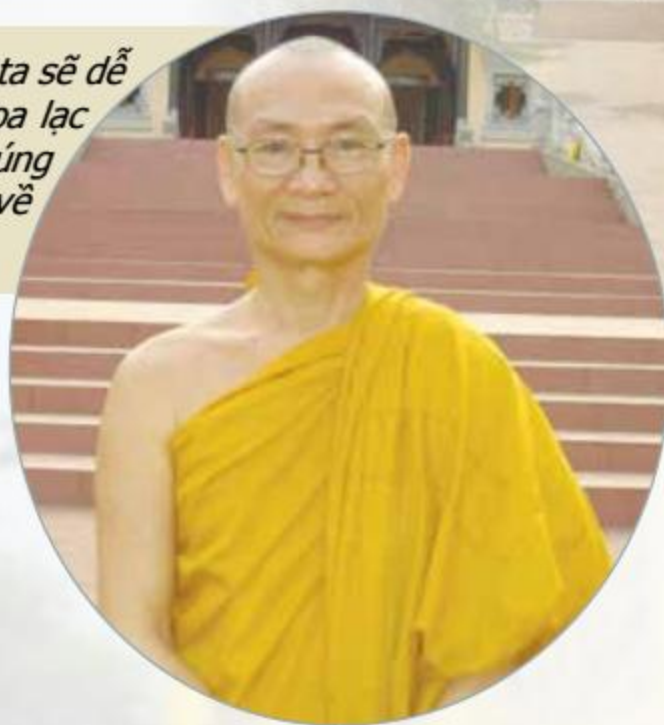
Hòa thượng Viên Minh:

- a) Tổng diện tích mặt bằng sàn 7 tầng 7.256 m²
Tầng trệt khoảng 2.000 m²
Tầng 2 khoảng 2.000 m² tính cả mặt sàn hành lang
- Tầng 3 khoảng 868 m²
Tầng 4 (lửng) khoảng 450 m²
Tầng 5 khoảng 868 m² kể cả hành lang
Tầng 6 khoảng 600 m²
Tầng 7 khoảng 20 m²
- b) Chiều cao tháp chính là 67m (80 m so với mặt biển).
- c) Hai tháp chuông và chiêng có tổng diện tích 3 tầng là 108 m², chiều cao khoảng 15 m
- d) Hồ nước có diện tích 280 m² chứa khoảng 800 khối nước.
- e) Quanh tháp có 32 cây đèn cao khoảng 4 m.

Con số trên tôi chỉ ước lượng phỏng theo bản vẽ thiết kế chứ chưa đo đạc lại chính xác theo hiện trạng.

Hiên Huy Hòa Hiệp: Xin Hòa thượng cho biết nhân duyên nào hình thành nên công trình Bảo tháp xá Lợi?

Hòa thượng: Tôi cùng với các môn đệ của Tổ Hộ Tông đứng ra xây dựng ngôi Bảo tháp này đặt tên là Tháp GOTAMA để tôn thờ xá Lợi Phật và chư vị Thánh Tăng là thực hiện tâm nguyện của Tổ.



HT Viên Minh

Hiên Huy Hòa Hiệp: Bảo Tháp xá Lợi mang nét Ankor Wat nhưng lại thiết kế rất hiện đại. Khi đưa ra ý tưởng thiết kế này Hòa thượng có mô phỏng các Bảo Tháp đã có ở Thái Lan hay Miến Điện không?

Hòa thượng: Có vài người cho rằng đây là tháp thiết kế theo phong cách Thái Lan, nhưng đó là vì họ không nghiên cứu kỹ về sự đồng nhất và khác biệt của kiến trúc Phật giáo các nước vùng Đông Nam Á. Khi đưa ra ý tưởng thiết kế tôi đã dẫn đo rất kỹ. Tất nhiên vì là Phật giáo Nam Tông tôi phải chọn kiến trúc theo văn hóa Phật giáo Nam Tông vùng Đông Nam Á, chứ không thể theo kiến trúc phương Bắc ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa.

Hầu hết kiến trúc Phật giáo Nam Tông trong vùng Đông Nam Á đều xuất phát từ nền văn hóa Phù Nam cổ. Phù Nam tức là vùng lãnh địa Suvannabhūmi ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ từ triều đại Asoka, chiếm một diện tích rộng lớn trong vùng Đông Nam Á ngày nay, trải dài từ Miến Điện cho tới tận Biển Đông, như các dân tộc Campuchia, dân tộc Chăm, Thủy Chân Lạp mà ngày nay thuộc về miền Trung và Nam bộ Việt Nam. Việt Nam ảnh hưởng 2 nền văn hóa: Phương Bắc ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, phương Nam ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ mà trực tiếp là văn hóa Phù Nam. Kiến trúc cổ của nền văn minh Phù Nam ngày

nay còn lại các di tích lịch sử nổi tiếng như Angkor Thom, Angkor Wat ở Campuchia, Mỹ Sơn ở Quảng Nam, Tháp Bà ở Nha Trang v.v... Và chúng ta cũng có thể tìm thấy những di sản văn hóa này ở Miến Điện, Thái Lan và Lào.

Bảo Tháp chùa Tổ đình Bửu Long thuộc Phật giáo Nam Tông lại nằm trong khu văn hóa phương Nam của Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc, nên tôi chọn lối kiến trúc cổ nhất của nền văn hóa Phù Nam, để vừa phù hợp với phong cách văn hóa Phật giáo Nam Tông vùng Đông Nam Á, vừa phù hợp với khu văn hóa phương Nam của Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc. Lấy lối kiến trúc cổ nhất của văn hóa Phù Nam kết hợp với kiến trúc hiện đại và chọn những mẫu hoa văn cổ rồi biến tấu cho gần gũi nhất với tâm hồn người Việt để tạo thành một kiến trúc vừa có nét chung của Phật giáo Nam Tông vùng Đông Nam Á vừa có phong thái riêng của Phật giáo Nam Tông Việt Nam. Như vậy mới tránh được sự mô phỏng theo phong cách riêng của kiến trúc Phật giáo các nước trong vùng. Chính vì vậy mà bạn thấy Bảo Tháp vừa phảng phất bóng dáng cổ kính của tháp Chăm, của đền Angkor Wat... vừa có đường nét kiến trúc hiện đại mà vẫn có phong thái riêng của Phật giáo Nam Tông Việt Nam.

Hiền Huy Hòa Hiệp: Kiến trúc sư nào thực hiện bản vẽ thiết kế Bảo Tháp theo ý tưởng của Hòa thượng, công ty nào thi công xây dựng Bảo Tháp? Và dự kiến bao lâu nữa công trình mới hoàn tất?

Hòa thượng: Kiến trúc sư Mạc Văn Vạn công ty Toàn Thịnh Phát Trẻ thực hiện bản vẽ thiết kế. Công ty Hòa Hiệp của kỹ sư Nguyễn Văn Trọng, chịu trách nhiệm thi công chính cùng với sự hợp tác của các công ty chuyên ngành khác như công ty Đông Sơn (cửa đồng), công ty Vĩnh Huy (điện), công ty Toa và Cường Gia Phát (sơn), công ty Granida và công ty Hưng Cường (đá), công ty Phước Tín (trần và cửa chính), ... và nhóm nghệ nhân Huế đắp hoa văn của anh Phạm Văn Hùng.

Chỉ còn vài công đoạn nhỏ nữa thôi nên dự kiến việc thi công xây dựng sẽ hoàn tất vào khoảng giữa tháng 10/2011, tức trước ngày dâng y của chùa (17/09 âm).

Hiền Huy Hòa Hiệp: Với công trình lớn có quy mô bài bản ắt hẳn sẽ có những phát sinh ngoài dự kiến. Xin Hòa thượng chia sẻ ý kiến về công trình này?

Hòa thượng: Những hạng mục phát sinh thêm là tầng trệt thay vì nền tháp, 2 tháp chuông và hồ nước trước tháp.

Hiền Huy Hòa Hiệp: Khi nào Hòa thượng tổ chức khánh thành Bảo Tháp?

Hòa thượng: Khoảng năm 2013 vì hiện nay còn phải xây dựng một số hạng mục nữa như cổng, Tầng xá và khách xá cho thiện sinh đến học thiền.

Hiền Huy Hòa Hiệp: Dự trù tổng kinh phí xây dựng Bảo Tháp là bao nhiêu?

Hòa thượng: Khoảng 40 tỷ đồng Việt Nam.

Hiền Huy Hòa Hiệp: Hòa thượng có nhân nhượng gì qua công trình này?

Hòa thượng: Xin chân thành tri ân tất cả những thí chủ đã tích cực đóng góp và tất cả các công ty thi công đã nhiệt tình xây dựng công trình Bảo Tháp được hoàn thành tốt đẹp.

Hiền Huy Hòa Hiệp: Chúng con xin rất tri ân Hòa thượng đã dành thời gian quý báu cho chúng con phỏng vấn. Kính chúc Hòa thượng thân tâm an lạc và công trình Bảo Tháp Xá Lợi sớm hoàn thành viên mãn. ●



Tháp Chuông



Hồ nước trước tháp

Hãy là chính bạn

Duy Thiện

Bạn mạnh mẽ khi biết chấp nhận nỗi đau và mỉm cười với nó.

Bạn can đảm khi vượt qua được sự sợ hãi của chính mình và giúp người khác cũng làm được điều đó.

Bạn hạnh phúc khi nhìn thấy một nụ hoa đang hé nở và nguyện cầu nó sẽ tỏa hương thơm ngát.

Bạn đáng yêu khi nổi bất hạnh không làm bạn mù quáng đến nỗi có thể làm cho người khác cũng cảm thấy bất hạnh.

Bạn sáng suốt khi biết được sự thông thái của bạn là có giới hạn.

Bạn chân thật khi bạn nghĩ rằng mình đã làm nhiều điều ngốc nghếch.

Bạn sống động khi những mong ước tương lai cũng không mang nhiều ý nghĩa hơn những lỗi lầm của ngày hôm qua.

Bạn trưởng thành khi biết được hôm nay bạn là ai chứ không phải ngày mai bạn sẽ là ai.

Bạn tự do khi điều khiển được chính mình và không mong ước sẽ điều khiển người khác.

Bạn đáng được tôn trọng khi bạn tôn trọng người khác.

Bạn rộng lượng khi bạn thể hiện sự duyên dáng đúng với bản chất của chính mình.

Bạn khiêm tốn khi bạn không biết rằng mình khiêm tốn là như thế nào.

Bạn chín chắn khi nhận ra được bản chất thật của những người xung quanh và đối xử với họ theo đúng những gì bạn nhận ra.

Bạn nhân từ khi tha thứ lỗi lầm cho người khác nhưng lại không thể tha thứ cho chính mình khi phạm những lỗi đó.

Bạn xinh đẹp khi bạn không cần một chiếc gương nói lên điều đó.

Bạn giàu có khi bạn không bao giờ đòi hỏi nhiều hơn những gì bạn cần.

Bạn là chính bạn khi bạn chấp nhận sống yên bình với những đổi thay, một khi bạn không còn được như hiện nay.



Đôi dòng cảm niệm

CỔ HOÀ THƯỢNG THÍCH SIÊU VIỆT

HT. Thích Thiện Nhơn

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký GHPGVN

Cổ Hoà thượng Thích Siêu Việt, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nguyên Phó ban Trị sự Thành hội Phật giáo, chứng minh Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, Tăng Trưởng Phật giáo Nam tông, và nhiều chức vụ khác. Hoà thượng đã hiện thân ở thế gian này vào thập niên đầu Thế kỷ và đã ra đi vào cuối thập niên Thế kỷ XX. Hơn 60 năm trụ thế, gần 50 năm tuý duyên hoá độ chúng sanh thực hành phạm hạnh, Hoà thượng đã để lại cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam một tấm gương đạo hạnh trang nghiêm, công đức vô biên của một hiện thân hiền Tăng thanh tịnh từ hòa. Quả thật:

*Bát cơm xin ngàn nhà
Thân đi muôn dặm xa
Mắt trong xem người thế
Mây trắng hỏi đường qua.*

Về đạo pháp, bằng thiện căn có sẵn, đạo hạnh kiên ưu, tự tại trang nghiêm công đức thanh tịnh, Hoà thượng đã toả sáng gương lành, giống trống lôi âm, vang rền tiếng Pháp, từ xứ vàng son chùa tháp, cho đến đất nước Việt Nam, phát huy tinh thần linh sơn cốt nhục, tình pháp lữ đời đời trong chánh Pháp, phát triển đạo vàng trong những chặng đường khác nhau của lịch sử Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Campuchia, trong ý nghĩa:

*"Mỗi người mỗi nước mỗi non
Khi vào cửa Phật như con một nhà
Cùng nhau thực hiện Lục hoà
Chúng sinh lợi lạc, chan hoà niềm vui"*

Qua tự thân, Hoà thượng là nguồn cổ vũ tinh thần, động viên Tăng Ni, Phật tử Việt Nam phát huy tinh thần đạo pháp, làm tốt đời đẹp đạo. Nhờ vậy, mà Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam mãi mãi chan hoà, hiện hữu và chuyển lưu trong dòng chảy của dân tộc. Và để từ đó:

*"Hương thiền toả ngát gần xa
Vườn hoa xã hội nở hoa bốn mùa"*

Bằng tinh thần lục hoà cộng trụ, tứ chúng đồng tu, Hoà thượng đã thể hiện trọn vẹn tinh thần thống nhất Phật giáo Việt Nam, là một trong những nhân tố

tích cực góp phần trong sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam, xây dựng thành công ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh trong những ngày đầu của lịch sử. Dù trên cương vị nào, mỗi cử chỉ, mỗi ngôn từ, Hoà thượng đều biểu hiện một sức sống mãnh liệt cho mọi người khi có đủ duyên diện kiến; bằng tâm hồn bao dung, độ lượng, từ bi, hỷ xả, từ hòa, khiêm tốn, bình dị của Hoà thượng, là một bài học đạo đức muôn đời cho các thế hệ hiện tại và mai sau noi theo gương Hoà thượng để sống và hành xử trong khi thi hành Phật sự. Quả thật:

*"Hư không còn có ngày mòn
Bao lời huấn thị sắc son muôn đời"*

Với công tác Phật sự, Hoà thượng đã trang trải tình thương và bình đẳng đối với tất cả mọi người, mọi nơi và mọi Phật sự từ Trung ương đến địa phương. Qua đó, không những Hoà thượng đã tạo được niềm tin, sự hoan hỷ vô biên và khích lệ tinh thần đạo pháp cho Tăng Ni, Phật tử mà còn cho mọi sự thành công của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh. Do đó:

*Mặc dù ngài đã đi xa
Môi tình pháp lữ khắc sâu đời đời.*

Ngày nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thành hội Phật giáo Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh đã và đang phát triển vững mạnh, trang nghiêm trong lòng dân tộc, nhưng Hoà thượng không còn nữa ở thế gian này, Hoà thượng đã trở về thế giới Níp bàn, vô tung bất diệt, nhưng công đức và đạo hạnh sáng ngời, giới đức trang nghiêm thanh tịnh của Hoà thượng vẫn còn sống mãi với thời gian vô cùng và không gian vô tận, nhất là trong lòng người con Phật và trang sử muôn màu của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Quả thật:

*Hữu vi là pháp vô thường
Sớm còn tối mất vô phương vững bền
Một khi sinh diệt đã không
Niết bàn an lạc thông dong tháng ngày. ●*

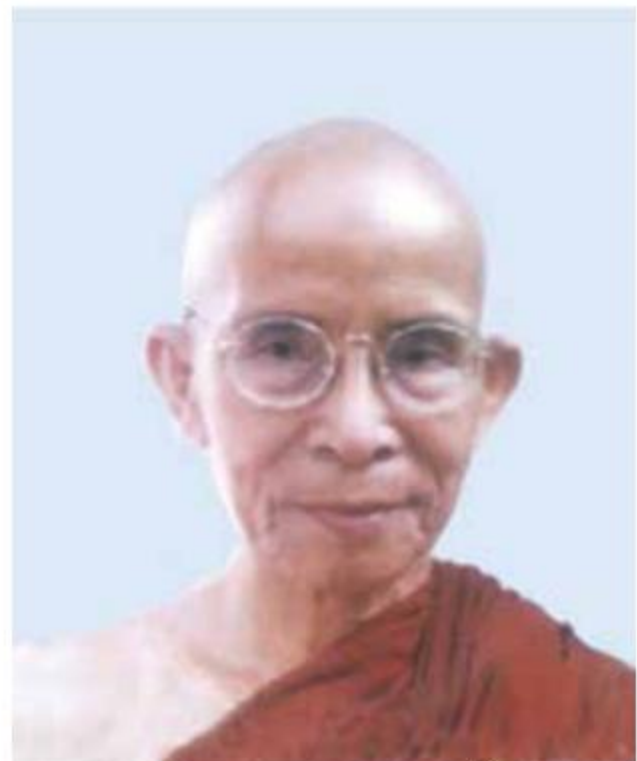
Thành kính tưởng niệm

HÒA THƯỢNG HỘ NHẪN

KHANTIPALA MAHATHERA

(1924 - 2002)

Nhân lễ Tưởng niệm đệ cửu chu niên ngày 3/10/2011, Chư tôn đức Phật giáo Nam Tông Cổ đô Huế và Môn đồ Pháp quyến long trọng cử hành lễ tưởng niệm 9 năm ngày Hòa thượng viên tịch. Đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ngài là Phó chủ tịch HĐTS GHPGVN; đối với Phật giáo Nam Tông, Hòa thượng là vị Thiền sư có uy tín và đức hạnh, Tăng trưởng Phật giáo Nam Tông. Để tỏ lòng tôn kính vị giáo phẩm cao cấp trong Phật giáo, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy trích đăng vài dòng Tiểu sử Cố Hòa thượng.



Hòa thượng Hộ Nhẫn
(1924 - 2002)

- Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Tăng Trưởng Hệ phái Nam Tông
- Toạ chủ Thiền Lâm Sơn tự

Trưởng Lão Hòa Thượng thế danh Tôn Thất Thuế, sinh năm 1924 tại thôn Thanh Lương, xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngài thuộc dòng dõi hoàng gia Đệ cửu hệ, Tứ phòng. Phụ thân là Cụ ông Tôn Thất Tích, pháp danh Nguyên Phước, mẫu thân là Cụ bà Phan Thị Cường, pháp danh Nguyên Thâm, đều là những nông dân hiền lương, chất phác.

Ngài có tất cả năm anh chị em, hai trai, ba gái. Hiện tại, một gái đã mất, còn ngài và hai em gái đều xuất gia theo Phật giáo. Hai song thân Ngài đều đã khuất núi.

I. Thuở ấu thời

Ngài có thể chất văn nhược, mảnh dẻ nhưng có ý chí, nghị lực phi thường; đặc biệt là thông minh, sáng dạ. Năm 1934, lúc 10 tuổi, Ngài đã đỗ bằng Yếu lược. Năm 1937, lúc 13 tuổi Ngài đỗ bằng Primère. Sự học đang thành đạt như vậy nhưng vì gia đình quá nghèo khổ, Ngài đành phải bỏ học để phụ giúp công việc ruộng vườn với cha mẹ.

Năm 1939, lúc 15 tuổi, mặc dù còn nhỏ nhưng do tư cách, phẩm chất đứng đắn, Ngài được cụ Tôn Thất Cẩn mời làm thư ký cho Tôn Nhân Phủ ở Thành Nội Huế. Công việc của Ngài là trông coi sổ sách giấy tờ cho Thế Miếu. Ba năm làm việc ở đây, Ngài vừa có đồng lương đỡ đần gia đình vừa có thì

giờ để nghiên cứu kinh sách.

II. Xuất gia tầm đạo

Một hôm, duyên lành dẫn dắt, Ngài đọc được một quyển sách nói về cuộc đời Đức Phật Thích Ca từ Đản Sanh đến Nhập Diệt. Xúc động quá, Ngài tự nghĩ: "Cuộc đời vắn vỏi, sống chết vô thường, ta phải noi gương Đức Phật từ bỏ tất cả để tầm cầu Con đường Vô thượng. Đây mới là ước mơ chân chính trên thế gian này mà từ lâu ta hằng mơ hồ dự cảm".

Thế rồi, năm 1942, sau khi suy nghĩ chín chắn, Ngài rời Miếu Đường Hoàng gia trở lại quê nhà, khẩn khoản, tha thiết xin cha mẹ xuất gia làm cho hai vị rất ngạc nhiên. Con đường công danh sự nghiệp đang mở rộng, một đời sống hạnh phúc, cơm no áo ấm đầy hứa hẹn ở tương lai, sao đứa con lạ đời này lại chối từ tất cả? Dẫu thương con nhưng

cũng không thể chiều theo ý con để chấp nhận ước vọng nghịch đời, cha mẹ Ngài thẳng thừng từ chối. Tuy nhiên, vừa hiểu từ, vừa ôn nhu; Ngài lấy khổ nhục để tỏ bày ý chí kiên định của mình nên cuối cùng, cha mẹ Ngài đành nuốt nước mắt cho Ngài ra đi.

Thế là vừa tròn 18 tuổi, người con trai nom vẻ khô gầy nhưng cương nghị ấy đã tự cạo đầu, khoác áo nâu sồng tìm đến chùa Cao Minh trong làng xuất gia tu học. Ở đây, Ngài phải tự mày mò tìm kiếm, tự đọc kinh sách và suy nghĩ pháp môn thích hợp cho mình. Tu khổ hạnh là con đường mà Ngài lựa chọn. Thế rồi, mỗi ngày, Ngài chỉ dùng một nắm rau sống bất kể xanh hay vàng, không có muối cùng với bát nước trong, chẳng dùng thêm bất kỳ một thứ gì khác.

Năm 1945, do chiến tranh bom rơi đạn lạc, Ngài cùng với số người thân cận tìm cách tản cư. Trên đường về Huế, gặp chùa Vô Vi, Ngài xin ở lại đây để tu tập. Pháp môn khổ hạnh Ngài vẫn duy trì, đồng thời Ngài vẫn lấy hơi thở làm đề mục thiền định.

Thời gian trôi qua, tính đến hôm ấy thì Ngài ăn rau sống, uống nước lã đã ba năm; thân thể Ngài chỉ còn xương và da, cơ thể quá suy nhược, đã chết đi sống lại mấy lần nhưng Ngài vẫn kiên định, không thối chí, ngả lòng mặc dầu các thân nhân bên cạnh khóc ngày, khóc đêm.

Một hôm, do quá suy kiệt, máu huyết khô cạn, sự sống chỉ còn thoi thóp, mong manh; từ tư thế tọa thiền, Ngài bất tỉnh, mê lả đi. Trong mơ màng, Ngài thấy có người đến lay gọi rồi nói vào tai với đại ý rằng: "Bồ tát sáu năm khổ hạnh sai lầm, còn Thầy cũng đã hơn ba năm khổ hạnh sai lầm. Khổ hạnh chỉ đưa đến cái chết chứ không thể đưa đến giác ngộ, giải thoát đâu". Tỉnh lại, thấy xung quanh cửa đóng then cài, biết là chư thiên hộ pháp kinh cảm nhắc nhở, Ngài vô cùng tri ân. Bắt đầu từ đây, Ngài ngộ trai bằng hai chén cơm lưng, muối đưa chay đạm với một bát nước trong.

Năm 1947, lúc Ngài 23 tuổi, nghe tiếng tu hành của Ôn Châu Lâm; Ngài từ giã chùa Vô Vi tìm đến Ôn để xin thụ giáo. Ở đây được hai năm rưỡi, Ngài được Ôn Châu Lâm tận tình hướng dẫn Kinh, Luật và chữ Hán, sau đó cho thọ Sa di giới. Nhờ khiêm nhu, đức hạnh, tu hành tinh tấn nên Ngài được Thầy thương, bạn mến, gần xa người người kính mộ.

III. Thọ Đại Giới và dự Hội nghị kết tập Tam Tạng

Vào đầu thập niên 50, Phật giáo Nguyên Thủy đã có mặt ở miền Trung, Ngài được thấy, được gặp Hòa thượng Giới Nghiêm. Do tăng tướng phẩm mạo và hình ảnh tam y, nhất bát, đầu trần, chân

đất của vị sư nguyên thủy mà làm cho Ngài xúc động mạnh. Ngài tự nghĩ: "Đúng rồi! Đây chính là hình ảnh của Đức Phật và Chư Tăng thuở xa xưa nào ở kinh thành Xá Vệ. Con đường này hợp với chí nguyện và sở thích của ta". Thế rồi, từ giã ngôi chùa Châu Lâm thân yêu, Ngài tìm đến Chùa Tam Bảo, Đà Nẵng và được Hòa Thượng Giới Nghiêm hướng dẫn Kinh, Luật Pāli.

Năm 1952, Ngài được Hòa Thượng Thiện Luật cho xuất gia Sadi, mang y bát; ngày ngày khổ thực, thiền định vô cùng tinh tấn.

Cũng trong năm này, Ngài được tháp tùng Hòa thượng Bửu Chơn đi Miến Điện dự Hội nghị Phật giáo lần thứ 3; sau đó được ở lại để dự Đại hội kết tập Tam tạng Thánh điển Pāli lần thứ 6 tại Rangoon.

Vào ngày 29-12-1955, Ngài được duyên lành tối thắng thọ Cụ Túc Giới tại thạch động Pirimangalā; Thầy Tế độ là Đại Hòa thượng Thánh Tăng Pokokku Sayadaw; đương nhiệm Pháp Chủ chứng minh tối cao Đại hội kết tập Thánh điển Tam Tạng. Cũng là kỳ duyên hy hữu nữa, hai bậc cao đức tôn giả vẫn đáp trong Đại hội kết tập Tam Tạng là Pháp Sư Nandāvamsa tinh thông Tam Tạng Pháp học; và Thiền sư Mahāsī Sayadaw, tinh thông Pháp hành - là hai vị thầy Yết ma và Giáo Thọ A-xà-lê của Ngài. Tăng hội chứng minh hôm đó gồm 300 vị cao Tăng của thế giới. Ngoài ra, trong thời gian này, Ngài còn được học Thiền Vipassanā với Thiền sư Mahāsī Sayadaw nổi danh đương đại.

Sau Đại hội kết tập Tam Tạng, Ngài thỉnh được Xá lợi Phật, Xá lợi chư Thánh Tăng và Tam Tạng Pāli Miến về nước. Hiện nay, Xá lợi Phật, Xá lợi Chư Thánh Tăng được tôn thờ ở Thiền Lâm Thánh Tháp và Tam Tạng Pāli Miến Điện còn bảo lưu ở chùa Tam Bảo - Đà Nẵng.

IV. Sự nghiệp hoằng pháp

Năm 1958, vì nhu cầu của Giáo Hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Ngài rời Tam Bảo tự về trụ trì Chùa Tăng Quang, Gia Hội, Huế; và vẫn giữ hạnh trì bát đầu đà, tùy duyên hóa độ chúng sanh.

Năm 1960, Ngài xin phép Giáo hội rời Tăng Quang lên thôn Thượng II, xã Thủy Xuân dựng cốc lá giữa tha ma mộ địa vắng người để tu hành. Và chính ở đây, hạnh độc cư thiền định và trì bát đầu đà của Ngài đã làm xúc động tín tâm và lòng kính mộ của nhiều người.

Năm 1966, Thiền Lâm Thánh Tháp được hình thành và lần hồi, nhờ phước đức thanh tịnh của Ngài, qua vài đợt tu sửa, ngôi chùa mới có tầm vóc như hiện nay.

Tháng 11/1997, Ngài được cung cử vào Thành viên Hội đồng Chứng Minh GHPGVN và Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN.

Năm 1998, Ngài được toàn thể chư Tăng và Phật tử PGNT suy tôn lên ngôi vị Tăng Trưởng do đạo hạnh thanh cao, pháp lực nghiêm minh và giới luật tinh khiết của Ngài.

Suốt mấy năm trường, vì công việc của Giáo hội, nhu cầu của hệ phái, Ngài ra Bắc, vào Nam dự Đại hội hoặc đi thăm thú các chùa đó đây luôn luôn với nụ cười hoan hỷ. Gặp Chư Tăng hay Phật Tử, bao giờ Ngài cũng sách tấn việc tu hành với lời lẽ giản dị, từ hòa. Và điều đặc biệt nhất, tối thẳng và ưu việt nhất là nhờ "thân giáo vô ngôn" từ nơi Ngài mà uy đức của Ngài ngày thêm sáng rõ. Chư vị Tôn Đức, các bậc chức sắc Giáo hội và Chính quyền dường như ai cũng cảm mến Ngài. Chư Tăng và Phật tử không kể Nam Bắc Tông, ai ai cũng kính mộ và mến thương Ngài.

V. Năm tháng và trước giờ thị tịch

Chư Tăng và Phật tử thân tín, ai cũng biết là năm 2002 Ngài sẽ xả báo thân. Do đức khiêm tốn, Ngài thường nói rằng: "Có sinh ắt có tử. Đức Phật, Niết Bàn năm 80 tuổi - nên Sư muốn ra đi với tuổi thọ sau Đức Phật chút ít." Biết lời nguyện của Ngài nên đầu xuân 2002, một số Phật tử đứng ra tổ chức lễ mừng thọ Ngài. Dịp này, Chư Tăng và Phật tử đồng quỳ xin Ngài xả bỏ lời nguyện, trụ thế một thời gian nữa để cho chúng đồ có nơi nương tựa. Ngài chẳng gật đầu, chẳng lắc đầu, chỉ mỉm cười nói: "Thôi, thì cứ để tùy duyên".

Hỡi ôi! Hóa ra "tùy duyên" là vậy. Hóa ra, tùy duyên là đúng như câu kệ của Ngài Sariputta:

*"Sự sống chẳng đeo níu!
Sự chết có lo chi!
Còn duyên, thời thì ở
Hết duyên, thời thì đi
Chẳng hy cầu, tham luyến
Tùy hữu vi, vô vi!"*

Thế cho nên, gần 80 tuổi, sức khỏe Ngài vẫn tốt, nắng mưa sương tuyết, Ngài vẫn đều đặn khất thực trong xóm làng, hang cùng ngõ hẹp, không bỏ một buổi nào. Ngài ra đi không cảm mạo, không một giờ nằm bệnh, như ngọn đèn, gió thổi qua là tắt. Có lẽ nào lời nguyện xưa của Ngài, Ngài chẳng cần dụng tâm hóa giải làm gì, cứ tùy duyên thôi sao?

Vào lúc 8 giờ sáng, ngày 7 tháng 9 năm Nhâm Ngọ (12-10-2002), Ngài thâm thần thị tịch như đi vào giấc ngủ vĩnh hằng, thần sắc an nhiên, tươi tỉnh. Vài phút trước khi đi, Ngài còn tỉnh giác, chánh niệm nghiêng người lại, tay phải gối đầu giống y tư thế Đức Phật Đại Bát Niết Bàn.

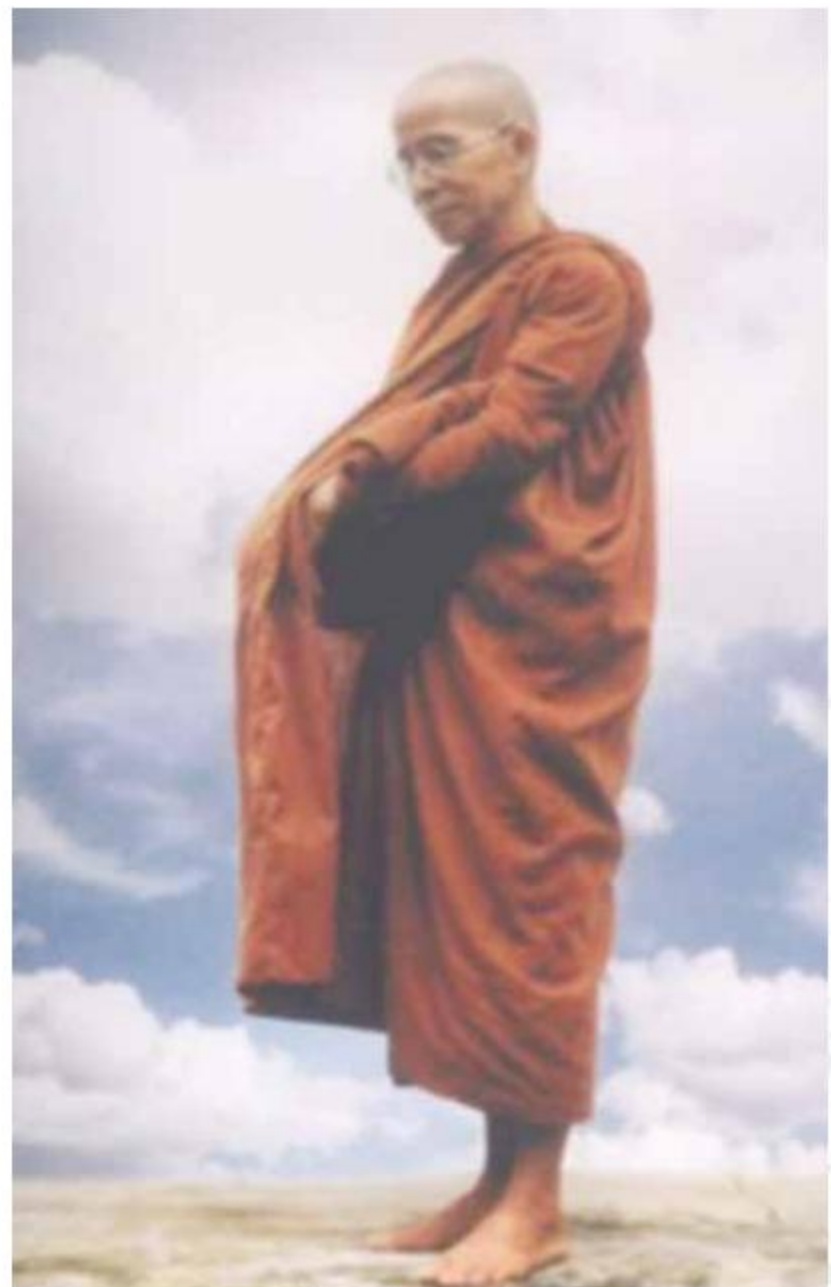
Ôi! Một ngọn núi vô danh nhưng có một nhân cách tu hành kiệt xuất đến ở thì ngọn núi kia cũng trở nên hữu danh! Một miền rừng cây cỏ bình thường nhưng nếu có một loài hoa kỳ lạ xuất sinh

thì cả không gian ấy đều được thơm hương! Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam sau khi các bậc thạc đức, cao tăng ra đi, tông bách thiền lâm lụn hồi thừa bóng; nhưng cuộc đời và hành trạng của Đức Tăng Trưởng quả là tàn xanh đại thụ tỏa bóng mát sau cùng cho tất thảy Tăng tín đồ hậu tấn.

Trời đất không nói gì mà trời thì cao, đất thì rộng. Hư không không nói gì mà hư không che chở dung bao vạn loài! Năm mươi năm qua đi, Ngài chỉ im lặng trì bình, im lặng thiền định mà đã để lại một vầng trăng sáng diệu giữa cuộc đời và giữa lòng người.

Ôi! Thiếu vắng Ngài thì Phật Giáo Việt Nam thừa thớt một tàn cổ thụ, PGNTVN mất đi một người cha lành không ai thay thế nổi; và tín đồ Phật tử mất đi một bậc chân tu sáng ngời đạo hạnh mà người người hằng kính mộ, tôn thờ.

Ngưỡng nguyện thập độ Ba-la-mật của Ngài sớm toàn thiện và viên thành. ●



*Ngàn nhà một bát xin ăn
Sá gì cô lẻ chiếc thân dạt ngoài
Chỉ vì sinh tử hôm mai
Xuân thu mấy độ giúp người hữu duyên*

Giáo dục Phật học cho Ni chúng ở chùa Dong Hak, Hàn Quốc

Dong Geon Sunim
Liễu Pháp dịch

Trong lịch sử của hệ phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc, truyền thống của các trường cao đẳng Phật học dành cho tỳ kheo ni và sa di ni đã bắt đầu từ năm 1954 tại chùa Dong Hak ở núi Geryong. Tỳ kheo ni Dae Hyun, trụ trì chùa Dong Hak, đã thành lập và đề cử Thượng tọa Kyung Bong làm Hiệu trưởng (1885-1969).

Chùa Dong Hak có một lịch sử 1300 năm ở Hàn Quốc, và được Thượng tọa Man Hwa Bo Sun trùng tu năm 1864. Dường như lúc đó chùa Dong Hak đã mở trường Cao đẳng Phật học, nhưng dành cho chư tăng, chứ không phải cho tỳ kheo ni và sa di ni. Tuy nhiên, ngôi trường này đã đặt nền móng cho trường cao đẳng Phật học dành cho tỳ kheo ni và sa di ni lần đầu tiên ở Hàn Quốc năm 1954. Trường Cao đẳng Phật học Dong Hak được thành lập với mục đích đào tạo những bậc ni tài giỏi và giúp tỳ kheo ni phát triển khả năng của họ. Đây cũng chính là nhu cầu của thời đại mới.

Phong trào chấn hưng Phật giáo trong những năm 1950 là cơ hội khuyến khích các tỳ kheo ni Hàn Quốc thành lập trường cao đẳng Phật học dành cho tỳ kheo ni và sa di ni. Khi các tỳ kheo ni tham gia tích cực vào phong trào chấn hưng Phật giáo, họ nhận ra rằng họ cũng là những thành viên của Hệ phái Jogye, như các tỳ kheo. Sau phong trào chấn hưng Phật giáo, chùa Dong Hak đã trở thành một ngôi chùa của tỳ kheo ni. Thế hệ đầu tiên đã nâng cao ý thức cũng như tinh thần trách nhiệm trong việc biến ngôi chùa Dong Hak thành một trường Cao đẳng Phật học dành cho tỳ kheo ni và sa di ni.

Đến năm 1963, Thượng tọa Hyeong Bong, Hiệu trưởng đầu tiên của trường, đã có thể cho ra trường nhiều tăng ni sinh. Trong số đệ tử thuần thành của ngài có Myo Eom Sunim, Hiệu trưởng trường Cao đẳng Phật học Bong Nyeong, và Hye Seong Sunim. Myung Seong Sunim, người sau này trở thành Hiệu trưởng trường Cao đẳng Phật học Un Mun cũng học ở chùa Dong Hak khi Thượng tọa Seong Hyeon Sunim làm Hiệu trưởng. Năm 1956, Thượng tọa Hyeong Bong đã trao truyền kiến thức cho tỳ kheo ni Myo Eom Sunim. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Hàn Quốc, một vị tỳ kheo trao truyền kiến thức cho một tỳ kheo ni.

Truyền thống học thuật ở Trường Cao đẳng Phật học Dong Hak

Mặc dù các ni trưởng đã tận tâm nỗ lực đào tạo ni tài, hơn 20 Phật học viện dành cho tỳ kheo ni đã dần dần biến mất trong những thập niên gần đây. Điều này cho thấy một ngôi chùa bình thường rất khó duy trì truyền thống giáo dục Phật giáo. Bất chấp mọi khó khăn, trường Cao đẳng Phật học Dong Hak đã đào tạo 869 ni sinh tốt nghiệp trong vòng 50 năm từ những ngày đầu thành lập. Những thành tựu này chủ yếu là do sự cống hiến của Hiệu trưởng thứ 11, Gyeong Bong Sunim, và Ho Gyeong Sunim, Hiệu trưởng thứ 13. Gyeong Bong Sunim đã đóng góp rất nhiều trong việc gây dựng một sự ủng hộ rộng lớn để duy trì trường Cao đẳng Phật học Dong Hak, trường Phật học đầu tiên dành cho tỳ kheo ni và sa di ni. Từ cuối những năm 1960 đến giữa thập niên 1980 Ho Gyeong Sunim đã không từ một nỗ lực nào nhằm phát triển chùa Dong Hak thành một trường Phật học kiểu mẫu dành cho tỳ kheo ni và sa di ni.

Chương trình học tại trường Cao đẳng Phật học Dong Hak tiếp tục phát triển cho đến ngày nay. Ho Gyeong Sunim đã biên dịch bộ Chú giải Du già luận và bộ Chú giải Đại thừa khởi tín luận với sự cộng tác của các đệ tử thuần thành Beop Seong, Myeong Seon, Bo Ryeon, GyeongJin, Haeng O, Do Il, và Beop Song Sunim. Il Cho Sunim viết bộ Nhất Tâm Đại Giáo, bộ sách đã được xem như khuôn mẫu tư tưởng cho những khóa học phổ cập ở các trường Phật học truyền thống. Những học giả này đã thiết lập truyền thống học thuật như là một nền tảng căn bản cho hệ thống giáo dục tại các trường Phật học truyền thống cho đến ngày nay.

Đời sống hàng ngày tại trường Phật học

Tại trường Cao đẳng Phật học Dong Hak, 100 ni sinh sống nội trú trong kỷ luật nghiêm khắc. Sau khi hoàn tất khóa học 4 năm, họ sẽ trở lại đời sống bình thường của một tỳ kheo ni hay sa di ni. Trường Cao đẳng Phật học Dong Hak rất khác với các trường Cao đẳng bên ngoài của Hàn Quốc, vì khóa học không tính theo năm học mà tính theo các lớp học liên tiếp nhau, chẳng hạn như lớp Chi Mun, lớp Sah Jip, lớp Sah Gyo, và lớp Dae Gyo. Chương trình học thì theo đường lối chỉ đạo của Vụ Giáo dục Tôn giáo thuộc hệ phái Jogye. Những đường lối chỉ đạo này quy định

sự đào tạo có tính cách truyền thống cho Giáo hội Phật giáo Hàn Quốc và thích ứng với nền giáo dục hiện đại.

Tuy nhiên, mô hình giáo dục này cũng có một số hạn chế. Ngoài việc phải học quá nhiều, học viên còn phải làm các công việc chấp tác hàng ngày trong chùa. Giáo trình học bao gồm cả phần tụng kinh và thảo luận các bài kinh theo lối học truyền thống. Học viên đọc những điều họ đã học năm thứ nhất trong lớp Chi Mun, và năm thứ hai trong lớp Sah Jip. Trong lớp học, họ giải thích chánh kinh và học thuộc lòng bài kinh đó. Mỗi năm trong mỗi lớp học, các học viên đọc và giải thích từng bài kinh một, sau đó tập trung trước khi vào lớp để thảo luận những điểm mà họ chưa hiểu. Các lớp học tiếp diễn theo cách này, trong đó học viên yêu cầu thầy giáo giảng những điểm mà họ chưa hiểu từ những điều họ đã học hôm trước và ghi nhớ những lời giảng dạy của thầy giáo.

Giáo trình truyền thống sử dụng phương pháp học mang tính giải thích, chú trọng vào các môn học thuộc thiên tông. Vấn đề là ở chỗ giáo trình truyền thống ở các trường Phật học không thích ứng với phương pháp giáo dục hiện đại. Giáo trình truyền thống cũng không thích hợp cho cư sĩ, những người muốn theo đuổi mục đích tôn giáo bằng những cách khác. Trong các trường Phật học, giáo trình truyền thống được bổ sung một số môn thế học, như thư pháp, hội họa truyền thống (mai, lan, cúc, trúc), yoga, ngoại ngữ, v.v...Trường mời chuyên gia thỉnh giảng đến dạy những môn này.

Hoạt động ngoại khóa ở Trường Cao đẳng Phật học Dong Hak

Mỗi năm Trường tổ chức ba lần đi dã ngoại và tất cả mọi người đều được tham dự. Những hoạt động này giúp tạo ra sự hài hòa và đoàn kết giữa các thành viên của chùa Dong Hak. Sự hài hòa giữa các thành viên, kể cả sinh viên và các giảng sư, được chú trọng như là yếu tố then chốt trong giáo dục truyền thống tại các trường Phật học dành cho tỳ kheo ni và sa di ni.

Các lễ hội cũng chiếm một vị trí trong chương trình học truyền thống. Chẳng hạn lễ hội Dong Hyang là cuộc triển lãm được tổ chức để trưng bày những thành tựu của học viên trong thi văn, cắm hoa, thư pháp, hội họa mai lan cúc trúc truyền thống. Một số là tác phẩm cá nhân và một số là tác phẩm tập thể. Lễ hội thể hiện vai trò

quan trọng của sự hài hòa và cân đối trong văn hóa truyền thống.

Hoạt động Phật giáo cũng được tổ chức ở nhà tù và doanh trại quân đội. Các học viên đã tổ chức các buổi thuyết pháp cho những người cai ngục ở nhà tù Daejeon và ở trung tâm huấn luyện quân đội ở thành phố Nonsahn, gần chùa Dong Hak. Một số học viên lớp Day Gyo tham gia những hoạt động này mỗi tuần. Chúng được xem như những cơ hội giáo dục cho học viên mở rộng kiến thức của họ không những ở trong chùa mà còn ngoài xã hội.

Những khóa học đặc biệt

Một số sa di ni sau khi đã hoàn tất khóa học ở trường Phật học truyền thống hay trường đại học bên ngoài bày tỏ nguyện vọng được học chuyên khoa để tiếp tục đào sâu kiến thức Phật học. Để đáp ứng nhu cầu này, một khóa cao học đã được mở ra ở Trường Cao đẳng Phật học Dong Hak nhằm nâng cao giáo dục cho tỳ kheo ni bằng cách kết hợp giáo trình Phật học truyền thống với các bộ môn hiện đại. Hiệu trưởng thứ 18, Hae Joo Sunim, cũng là giáo sư Khoa Phật học trường Đại học Dongguk, phụ trách chương trình này. Mục tiêu là đào tạo sau đại học cho những sinh viên có tài năng vốn đã có kiến thức Phật học căn bản. Những chương trình này được phát triển để đáp ứng cho nhu cầu của các tỳ kheo ni có nguyện vọng học tiếp để phát triển khả năng của họ.

Bằng những cách này, Trường Cao đẳng Phật học Dong Hak, ngôi trường Phật học truyền thống đầu tiên dành cho tỳ kheo ni và sa di ni, đã duy trì phương pháp giáo dục truyền thống cho tỳ kheo ni trong Phật giáo Hàn Quốc. Vì vậy, trường đã đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử Phật giáo Hàn Quốc. Đồng thời, đây cũng là nơi phát sinh nền giáo dục hiện đại cho tỳ kheo ni Hàn Quốc ngày nay. ●



Dong Hak temple

DỄ VÀ KHÓ

Đại đức Thiện Minh

Ngày 18/9/2011, Đại đức Thiện Minh - Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ủy viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương đã thuyết bài pháp, có chủ đề: "Dễ và Khó".

Hôm nay chúng tôi nói về hai chữ: Dễ và Khó.

Có thể nói toàn bộ cuộc sống của chúng ta nằm trong hai chữ dễ và khó. Mới tu thấy khó, tu rồi thấy dễ. Vào chương trình paltalk mới đầu thấy sao có nhiều thao tác quá, khó quá nhưng lâu dần quen thì thấy dễ. Người chưa từng sử dụng máy điện toán thấy khó, học sử dụng, quen rồi thấy dễ. Cuộc sống luôn ở trong hai trạng thái dễ và khó. Nếu nói theo từ nhà Phật thì dễ do tâm tham mà có, khó do tâm sân mà ra. Trong đời sống của người tu hành như chúng ta, dễ cũng tu, khó cũng tu. Dễ phải chú ý làm thận trọng, chu đáo. Dễ nhưng không chú ý, không có chánh niệm sẽ bị làm hư làm hỏng. Khó phải có chánh niệm, tỉnh giác nếu không dễ nổi nóng, sân hận. Chúng tôi giới thiệu với quý vị một số câu triết lý áp dụng trong đời sống.

1/ Dễ là khi bạn có một chỗ trong số địa chỉ của một người nhưng khó là khi bạn có một chỗ trong trái tim của người đó.

Câu này có ý nói thường thì chúng ta dễ

có dịp được người khác ghi nhớ địa chỉ, xin số phone để tiện việc liên lạc. Chẳng hạn các bạn vào paltalk để làm quen nhau lắm. Chỉ cần chat một chút xíu là quý vị có địa chỉ của người quen, có số điện thoại. Và người khác cũng có địa chỉ, có số phone của quý vị. Nhưng khó ở đây là quý vị tìm được một chỗ trong trái tim của những người bạn. Cho nên làm quen thì rất dễ nhưng để cho người ta quý trọng, thương mến, nhắc nhớ đến mình, làm bạn với mình thì đó là điều rất khó. Tiền có thể mua được địa vị, danh vọng nhưng tiền không thể mua được tình bạn, tình yêu, sự nể trọng. Có thể mình bỏ tiền ra mua chức vụ nhưng không thể mua lòng trung thành, sự quý mến ở người khác. Bây giờ để quen một người, thân thiện với một người và để họ lưu sâu trong ký ức hình ảnh của mình thì quý vị phải có căn bản đạo đức. Từ căn bản đạo đức ấy hình thành nên cách sống của chúng ta. Và chính cách sống của chúng ta, chân thật hay giả dối, đơn giản hay phức tạp, vị tha hay ích kỷ, trí tuệ hay ngu ngốc... sẽ khiến người khác quyết định có làm bạn với quý vị hay không. Trong tất cả các mối quan hệ, dù là quan hệ trong công việc, trong tình cảm, sơ

giao hay thâm giao, nếu giữ được niềm tin trong lòng với nhau thì mối quan hệ ấy mới bền vững. Niềm tin đó chỉ có khi người ta sống chân thật với nhau. Muốn sống chân thật thì phải giữ giới không được nói dối. Vì nói dối là biểu hiện tâm bất thiện. Người có tâm bất thiện rất khó tu. Chúng ta đã chọn lựa cách sống tu hành thì phải tự mình rèn luyện đạo đức căn bản của người tu là chân thật. Đức Phật Ngài dạy chúng ta giữ giới không được nói dối là chỉ cho ta tập sống hạnh chân thật. Người chân thật là người có tâm thiện lành, là người can đảm, không sợ sự thật, không dùng thủ đoạn. Chúng ta sống chân thật thì không khó gì để có một chỗ trong trái tim bạn bè.

2/ Dễ khi đánh giá lỗi lầm người khác, khó khi nhận ra lỗi lầm của chính mình.

Đức Phật đã dạy: Lỗi người khác dễ thấy nhưng không bao giờ thấy lỗi mình. Từ đó tới ngày bắt lỗi người khác còn lỗi mình lớn như núi Tu Di thì chẳng thấy. Phật dạy: Chớ nên nhìn lỗi người khác mà hãy nhìn lỗi của mình. Đối với những bậc thiền sư, đừng nhìn người làm phiền não mình, làm mình khó chịu mà hãy nhìn cái tâm khó chịu của mình. Hầu như ai cũng vậy, ghét người A, người B nên khi nhìn người A, người B mình buồn khổ, bức tức. Thường thì ít có ai dám nhìn lại cái tâm cau có, bức bối, khó ưa của mình. Do vậy, hãy tập nhìn lỗi mình, nhìn tâm của mình nhiều hơn. Vì phiền não do tâm mình phân biệt, cố chấp, sai khác mà sanh ra. Mỗi ngày qua, quý vị nhìn lỗi của mình, xem tâm mình khởi lên bao nhiêu điều thiện, điều ác. Mỗi ngày qua đi quý vị quán chiếu tâm của mình, nhìn những việc mình làm. Nếu một ngày qua đi thấy mình làm những điều lợi ích cho người này người kia, cho cộng đồng thì hoan hỷ. Còn nếu có làm những điều vô đạo đức, làm tổn hại người khác quý vị phải nguyện với lòng để sám hối và thay đổi tư duy, thay đổi hành động. Chúng tôi có đọc một bài phỏng vấn giáo sư Ngô Bảo Châu trên Tạp chí Đạo Phật Ngày Nay của Thượng toạ Thích Nhật Từ. Trong đó có một câu phỏng vấn như sau: "Theo Giáo sư, để sống một cuộc sống có ý nghĩa người ta phải làm gì?". Giáo sư Ngô Bảo Châu trả lời: "Đừng làm những gì vô nghĩa".

Người dám nhận lỗi lầm của mình là người chân thật, can đảm, không đổ lỗi cho người khác, không bào chữa hay biện minh khi làm lỗi. Người không dám nhận lỗi sẽ không tu lâu dài được. Tu chính là sửa đổi. Nhưng không phải ai cũng thấy lỗi của mình. Còn người khác động tĩnh gì là mình biết ngay, bắt lỗi ngay. Cho nên quý vị hãy dòm ngó tâm mình, kiểm soát tâm mình từng giây phút mới sửa lỗi của

mình được nhiều. Biết được vậy, làm được vậy thì chúng ta mới không uống phí đã rời bỏ căn nhà thế tục, rời bỏ ngũ dục thế gian để vô chùa tu hành.

3/ Dễ khi nói không suy nghĩ, khó khi kiểm soát lời nói của mình.

Có những người nói mà không biết mình đang nói cái gì. Có người không kiểm soát được những gì mình nói ra. Có người nói dốt, nói phét, nói không thật, có người "nổ" bất tận về những gì mình không biết. Đó gọi là không chánh ngữ. Giới thứ 4 trong nhà Phật là không được nói dối, không được nói những lời vô ích, không được nói những lời gièm pha, độc ác, đâm thọc. Tâm viên ý mã. Lời nói giống như con ngựa, nói ra không rút lại được. Ông bà xưa dạy con cháu phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói. Đó cũng là dạy con cháu không được vọng ngữ. Hơn nữa, chúng ta hiểu người khác qua lời nói thì người khác cũng hiểu ta qua những gì ta nói, ta làm. Những lời nói sẽ bộc lộ đạo đức, tính cách của một con người. "*Chim khôn hót tiếng rảnh rang/ Người khôn ăn nói dịu dàng dễ nghe*". Cho nên, trong giao tiếp hằng ngày, nhờ lời nói mà người khác hiểu được ta, giúp ta làm việc dễ dàng hơn. Nhưng cũng có lúc chỉ một lời nói mà người ta đánh nhau, giết nhau, trở thành kẻ thù của nhau. Ông bà nói: "Con gà tức nhau tiếng gáy". Con người ganh ghét nhau cũng từ lời ăn tiếng nói. Cho nên, cái khó là không phải ai cũng kiểm soát được lời nói của mình. Muốn vậy, quý vị phải thực tu, phải tập thiền, tập tĩnh lặng, tập cô đơn. Bởi vì chỉ có trong môi trường như thế quý vị mới quán chiếu sâu sắc tâm của mình, nhìn thấy tất cả những gì xảy ra trong tâm mình. Khi hiểu đạo rồi quý vị sẽ không còn muốn phung phí lời nói của mình nữa. Khi ta nói những lời vô ích, những lời độc ác, xuyên tạc, làm bất lợi cho người là ta đã mang khẩu nghiệp rồi. Ngài không chấp một điều gì, tất cả những gì ngài làm đều trong thanh tịnh. Do vậy, quý vị hãy tập sống một mình, trong cô đơn, trong tĩnh lặng để giữ chánh niệm trong từng lời nói.

Người tu là phải có tâm từ bi. Có tâm từ bi thì quý vị sẽ thấy thương người khác khi họ làm lỗi và không nói lời độc ác, nguyên rủa, nói lời nặng nề, thô lỗ, mắng nhiếc họ. Như thế quý vị đã có thể kiểm soát lời nói của mình rồi vậy. Điều đó rất khó cho tất cả mọi người nhưng người tu hành có thể làm được. Hãy đừng bao giờ vô tình lỡ lời để không tiếc nuối, ân hận vì đã làm người khác đau khổ. Đó là cách kiểm soát lời nói trước khi cho nó phát ra. Muốn được vậy chúng ta nhớ luôn trau dồi ái ngữ như Phật đã dạy. Cuộc đời người tu hành phải tập nói cho

được ngôn ngữ ái ngữ.

4/ Dễ là khi làm tổn thương một người bạn. Khó là khi hàn gắn vết thương đó. Dễ khi tha thứ người khác, khó khi làm người khác tha thứ cho mình.

Con người ta rất khó mới có được một tình bạn hay một tình yêu. Có khi phải mất 10 năm, 20 năm mới xây dựng được một tình bạn, một tình yêu. Rồi có lúc vì lý do gì đó ta làm tổn thương bạn ta thì ta đã đánh mất đi tình bạn 10 năm, 20 năm đó rồi. Quý vị biết rằng trồng cây để có bóng mát. Mất nhiều năm, lâu lắm, cây mới cao lớn và cho ta bóng mát. Nhưng quý vị cầm dao, cầm cưa chặt bỏ cây thì rất nhanh. Cũng vậy, làm tổn thương bạn rất dễ nhưng hàn gắn tình cảm thì khó vô cùng. Tại sao khó? Vì bản chất con người luôn tự thấy mình quan trọng, tự cao, tự đại, tự đắc, tự mãn chứ ít ai tự thấy lỗi mình trước nên khó mở lời xin lỗi, khó nhận lời ăn tiếng nói với nhau. Thường thì người ta ăn miếng trả miếng, hơn thua nhau từng lời nói. Do đó, người tu phải biết sống khác, phải biết nhìn lỗi của mình. Khi có lỗi phải biết xin lỗi một cách chân thành. Một lời xin lỗi vụng về nhưng chân thật vẫn luôn được người khác trân quý. Trong cuộc sống không ai là không có lầm lỗi nhưng cái khó là biết xin lỗi, bày tỏ thiện chí để hàn gắn những tổn thương do mình gây ra cho người khác. Khi mình xin lỗi chẳng ai nổi bắt lỗi nữa và mình sẽ được thông cảm. Có nhiều cách hàn gắn vết thương hay nói cách khác là xin lỗi việc mình đã gây ra. Chúng ta xin lỗi với người mà ta đã làm lỗi. Ví dụ với người mà ta đã nặng lời chửi mắng, với người mà ta đã ăn cắp đồ của họ, với người mà ta đã hung dữ đánh đập họ, với người mà ta đã thù oán họ. Chúng ta xin lỗi với những người đó. Nhưng có những người ta phạm lỗi với họ nhưng họ đã mất thì chúng ta phải lễ Phật sám hối. Chúng ta thành tâm biết lỗi, nhìn thẳng vào lỗi mình, nhìn thẳng vào tâm mình...hồi hận khi gây ra những đau khổ, phiền não cho người khác. Nhờ vậy tâm của ta người tu hành mới trở nên đẹp hơn, sáng hơn, thanh cao hơn. Khó khi hàn gắn vết thương nhưng nếu ta làm được thì đó mới tuyệt diệu. Cái Tâm biết lỗi, hồi hận là cái tâm hướng thiện đáng được trân quý. Người tu, đừng bao giờ chúng ta quên ước muốn hàn gắn vết thương cho một tâm hồn bạn.

Và ở một chừng mực nào đó, người có tu mới dễ tha thứ cho người khác. Người có tu thì tâm hồn họ mới có chất liệu thông cảm, yêu thương và tha thứ. Còn làm sao cho người khác tha thứ cho mình thì như sư đã nói, quý vị phải có thái độ thành tâm, chân thật, nhẹ nhàng, thực sự ăn năn khi làm lỗi. Con người luôn tự nghĩ mình là cái rốn của vũ trụ, là trung tâm, là quan trọng, là tất cả. Do quan niệm sai như vậy nên con người không biết thông cảm, không chấp nhận hạ mình xuống tha thứ cho kẻ đã làm tổn hại mình. Do bản năng chấp ngã, chúng ta có khuynh hướng vị kỷ. Tâm vị kỷ này chỉ biết sống cho mình, hướng về mình. Nên khi người khác làm mình tổn thương, mình "gào" lên đòi trừng trị kẻ đã làm mình đau khổ. Đó cũng là do chúng ta không biết tha thứ.

Nghệ thuật xin lỗi giúp chúng ta sống an vui ngay cả trong đời sống gia đình. Vợ chồng biết xin lỗi nhau thì sẽ giữ được hạnh phúc gia đình.

5/ Dễ là khi đặt ra các nguyên tắc, khó là khi làm theo chúng.

Trong một gia đình, trong một tổ chức đều có nội quy, có nguyên tắc riêng của nó. Trong xã hội thì có luật pháp. Người ta có thể đặt ra nhiều, rất nhiều nguyên tắc nhưng cái khó là làm theo những nguyên tắc đó. Ví dụ chùa có 3 tháng hạ an cư. Chúng tôi đặt ra nội quy là sáng cúng, chiều cúng. Chính chúng tôi đặt ra nhưng tiếc là chúng tôi không theo được. Đôi lúc do công việc phải di chuyển nhiều, có lúc mệt quá nhưng cũng có lúc tự cho mình được nghỉ ngơi. Có lúc sức khỏe kém nhưng cũng có lúc lơ là công phu. Hễ không công phu hôm nay thì ngày mai, ngày một mình cũng không công phu. Đồng hồ sinh học của con người lạ lắm. Hễ quý vị muốn thức 4 giờ để công phu sáng thì tự nhiên cái tâm quý vị lưu ý thức 4 giờ. Rồi khi ngủ tới 4 giờ tự khắc thức dậy khỏi cần để đồng hồ reo. Còn nếu quý vị đã dễ duôi, lười biếng, trong tâm đã không có ý muốn công phu thì đồng hồ có reo cách mấy quý vị cũng ngủ nướng đến chấy thối. Cho nên, bày đặt ra nguyên tắc này nọ thì dễ nhưng thực hiện nó thì khó. Cũng như chúng ta có thể thao thao bất tuyệt về giới luật của nhà Phật nhưng e rằng ta chưa giữ gìn giới luật cách nghiêm túc (còn tiếp). ●

Đạo sĩ và hư vô

Minh Đức - Triều Tâm Ảnh

Ta ngồi mãi giữa hư vô lòng núi
bỗng thấy chiều hắt hải dưới theo mây
khối thời gian rơi rào triền đá lặng
hiện tại nào mất hút ở đầu cây
đời đạo sĩ, con còng già bỏ lỗ
lên non cao còn sợ nước triều lên
bụi đầy áo, phũu hoài tay cũng mỏi
có nhiều khi ẩn dật cũng ưa phiêu
ta ghé bến đầu hìn tìm hạt lệ
rơi quanh mình rồi nổi chết xanh xao
hoa đốm bay đã rồi thì tròng mắt
còn bầu trời ai hái những vì sao!
đời đạo sĩ, con chim trên đỉnh núi
ngồi ca ngày nắng mới, giữa mù sương
chim rướm máu bởi hồn thơ u khuất
rớt xuống trần như lửa cháy là đường
ta bước xuống, đêm, và rừng trắng lạnh
khóm lau già run rẩy nước sương mưa
trộn thân thế ta chới từ vịnh hạnh
theo con đường lặng lẽ lữ ngàn xưa
chừ vô biên chỉ còn là hơi thở
và nụ cười bất diệt ở quanh đây
đời đạo sĩ, con còng già bỏ lỗ
hóa thân làm lau cỏ ở đồi tây!

Tĩnh Ngộ

Hạnh Ngọc

Mắt em là cả trời thơ,
Môi em mộng đỏ chực chờ nụ hôn.
Nhìn em lời ngắn – ngọc hồn,
Bóng hồng đã khuất lòng còn rấn rưng.
Tâm tình lữ - khách tha phương,
Đêm đêm vọng tưởng, chiều buồn hững hờ.
Buồn đời lời lại làm thơ,
Thả hồn theo cõi mộng mơ xa rời.
Một hôm nghe được những lời,
Giáo hóa của Phật lúc thời ngộ ra.
Tắm thân ngũ uẩn của ta,
Kết hợp những thứ thật là gớm ghê.
Đó là sự thật ê chề,
Xác thân giả tạm, chết về hư vô.
Tĩnh hồn tôi lại làm thơ,
Hưởng về cõi Phật, lên thờ từ tâm.
Không còn mơ bóng trăng rằm,
Những điều mộng tưởng sắc cảm hòa duyên.
Từ nay học đạo cần chuyên,
Thực hành chánh pháp gieo duyên Niết Bàn.

Mùa an cư kiết hạ năm Tân Mão

Bên Bờ Giác - Ngộ

Hạnh Ngọc

Thuyền **Từ** chở khách sang sông,
Bên kia bờ giác, dừng mong quay về.
Bên này đau khổ ê chề,
Thăng trầm chìm nổi ử ê côi lòng.
Bì ai tâm sự nấc nùng,
Nay mong dứt bỏ để cùng thuyền đi.
Bờ kia là cha – rá – mi,
Hỷ lạc khắp chốn, trí tuệ vẹn toàn.
Dã tương con nhẹ thân ràng,
Tâm lành hướng Thiện ngập tràn niềm vui.

15/09/2011

Đạo trường siêu thanh

Tỳ kheo Giác Chánh

Gió mây biến đổi lẽ thường
Cõi đời vạn vật "Vô thường" luật chung
Dù ai gắng sức rầy rềng
Nào đâu thoát khỏi khổ chung: sanh già...
Dầu giành giọt nước vừa sa
Tinh sương biến dạng chiều là bụi đông
Có nhà tăng sĩ Nguyên Không
Vân du hành cước chẳng lòng vương mang
Che thân có chiếc y ràng
Với bình bát nợ hành trang của Ngài
Nôi tuyên phẩm hạnh Như Lai
Bên trong Giới tịnh... bên ngoài bát y
Dù rằng giới luật hành từ
Nhưng không lập dị, chẳng khi người làm
Dù hàng giảng giải Pháp Âm
Nhưng không tự mãn, chẳng cầm rẽ ai
Chẳng phân biệt thừ trong ngoài
Đêm đêm tịnh mặc, ngày ngày thiền cư
Sống đời Thánh thiện vô tư
Hóa duyên lành bữa, ngụ nhờ lành đêm
Rao rao gió quện đời sim
Lâng lâng một nửa trắng liềm xa xa.

Khuyên con xuất gia

Minh Tâm

Tâm thành kính trọng Phật Tăng
Kiểu ra giáo lý Phật đà lưu truyền
Chúng con sống dưới cõi miền
Bao nhiêu nghiệp báo bao liên xung quanh
Chờ cho sơ hở nhiễm vào
Để cho ma chường lẩn vào tâm ta
Khuyên chung Phật tử gần xa
Nam mô niệm Phật, Phật sa cưu liên
Cầu cho tất cả cầu huyền
Một lòng kính Phật lưu truyền ngày sau
Minh tâm hiểu rõ bước sau
Vợ hiền Kim Phụng tâm cao hơn người
Công phu phải gắng điểm mười
Tâm sư học đạo mọi người noi theo
Cuộc đời khổ ải lao xao
Làm sao tránh khỏi cảnh đau cõi trần
Con ơi phải giữ lấy mình
Xuất gia học Phật sửa mình tốt hơn
Sư thầy Đại đức Thiện Minh
Xuất gia con trẻ thông minh tu hành
Bầu Quang Thánh tự an lành
Chư tôn đại đức giờ lành xuất gia
Thất niên bát nhật giờ ta
Thanh Lâm xuống tóc hóa ra sư thầy
Thiện Minh sư phụ bậc thầy

Pháp danh sáng tỏ Minh Nhân tuyệt rồi
Xuất gia tu học để đời
Chăm lo việc lớn độ đời bá gia
Khuyên sư phải nghĩ cao xa
Cho tròn chữ hiếu cầu gia được nhờ
Tu sau phải thấy bốn bờ
Dù cho hết kiếp vẫn chờ kiếp sau
Sư ơi phải gắng tu mau
Kiên trì giữ giới cho mau niết bàn
Minh Nhân tỏa sáng thiên đàng
Công phu tu luyện nhẹ nhàng cảnh liên
Tu sau gặp Phật gặp tiên
Tu cho xứng đáng Phật liên rước về
Tu mau đến hội gần kề
Long Hoa khai mở ngôi kề Như Lai
Đời này ô tạp quá thay
Pen rằng sắp trở Như Lai xuống trần.

Sư Bua và Sa di Lee - am

Nhớ lại tiền kiếp

Bác sĩ Giác Niệm - Hồ Hồng Phước biên dịch

Người viết lần đầu nghe kể về một chú sa di có thể nhớ kiếp trước của mình trong khi dự lễ hoả táng Hòa thượng Thiền sư Acharn Mun vào tháng 2/ 1950⁽¹⁾.

Chú sa di tên là Lee-am, người làng X, cũng sẽ đến dự lễ hoả táng. Sau đó, khi người viết gặp chú sa di, nói chuyện và hỏi về chuyện chú nhớ được kiếp trước của mình. Chú không trả lời ngay. Chú nói rằng mỗi lần kể cho ai nghe về chuyện này thì chú lại bị nóng sốt, nhưng vì kính nể người viết, chú đồng ý. Đây là những gì do chú kể lại:

“Trong kiếp sống trước, tôi sinh ra ở làng Kole-la, Ubon Rajathani (Đông Bắc Thái Lan). Ba tôi tên là ..., má tôi tên là Tôi tên là Bua.

Khi đó tôi là một thanh niên. Có một khất sĩ, Thiền sư Acharn Tong, cùng một số sư đệ tử đến dạy đạo cho dân làng. Nhiều dân làng tụ tập đều đặn mỗi đêm để nghe thuyết pháp. Tôi cũng nhân dịp tháp tùng theo. Sau một thời gian, đức tin của tôi phát triển nên tôi trở thành đệ tử của sư. Sau đó, tôi xin xuất gia và cùng với chư tăng đi tu trong rừng, thăm viếng các làng. Tôi tiếp tục du hành với sư cho đến khi kiếp sống đó chấm dứt.

Thiền sư Acharn Tong hướng dẫn chúng tôi An cư Kiết hạ⁽²⁾ tại làng Bahn Sam-Pong, Nakorn Pano, là nơi rừng rậm dày đặc, nơi dễ mắc bệnh nóng sốt, như bệnh sốt rét. Vào thời gian đó, trong vòng vài ngày có hai vị sư mắc bệnh sốt rét rừng, chết ngay trước mắt tôi. Rồi tới phiên tôi bị bệnh. Mỗi ngày tình trạng của tôi càng nặng thêm, cho tôi biết mình không thể nào vượt qua nổi. Sau cùng, tôi biết tôi phải chết vào ngày đó vì toàn thân tôi nóng như lửa đốt. Biết mình sắp chết, tôi tự nhắc mình hết sức chú niệm vào tâm, vì lo rằng tôi có thể để đuôi chệnh mảng vào lúc chết.

Khi cái chết đến, mọi thứ tàn lụi, nhưng bây giờ thì tâm rời khỏi xác. Y như là có một sư Bua khác bay ra khỏi sư Bua nằm chết trên chiếu. “Tôi” đứng



nhìn sư Bua chết, các sư và dân làng tới viếng thăm nhà sư quá cố. Tôi vẫn còn mặc y tràng hoàng, một vai đeo bát, còn vai kia mang dù lều (krot)⁽³⁾. Giống như là tôi sắp sửa đi làm du tăng khất sĩ để hành thiền, nhưng vào lúc đó tôi cảm thấy không muốn đi đâu. Tôi chỉ đứng đó, nhìn các sư và dân làng sắp xếp hoả táng xác của chính mình. Không ai ở đó nhận ra hoặc biết rằng sư Bua đã rời khỏi xác và đang đứng nhìn. Tôi không thử làm gì để gây sự chú ý, nhưng chỉ đứng đó chờ đợi, nhìn xác của chính mình cho tới lúc nó bị thiêu rụi hết. Tất cả gì còn lại là tro và than. Vào lúc này tôi bắt đầu nhận ra rằng mình đã chết thật sự.

Sau khi xác tôi đã thiêu xong, tôi nghĩ tốt nhất là rời khỏi nơi này – có ích lợi gì để ở lại đây nữa? Vì vậy tôi đi lên đường. Không ai biết được rằng có

một sư Bua mới đã du hành khắp thực lang thang; cũng giống y như là khi Sư Bua cũ đã từng đi, vì bất cứ nơi nào tôi tới đều có người bước ra chào đón. Họ cũng cúng dường thức ăn (trong bát của tôi) khi tôi tiếp tục đi, luôn luôn về hướng Đông. Tôi vẫn còn mang theo bát, lều dù, lang thang không định hướng.

Tôi đến một nơi có một hội trường rất lớn, không giống như bất cứ nhà hội nào mà tôi đã từng trông thấy trong thế giới loài người. Trong đó có rất nhiều đàn ông và phụ nữ, mặc đầu ăn mặc khác nhau, nhưng tất cả đều hiển lộ sự đau khổ vô cùng. Mọi người ai cũng có vẻ buồn rầu, chán nản, không có một nụ cười nào trên môi. Ở giữa hội trường có một cái bàn lớn với nhiều ghế - nhưng chúng không giống như những bàn ghế của loài người. Trên bàn có hai chồng sách - một chồng rất cao và chồng sách kia rất thấp. Có chừng ba mươi người làm việc ở đó, họ ăn mặc khác nhau. Mỗi nhân viên làm việc ở đây đều có cặp mắt sáng rực, trông dễ sợ, khiến cho mọi người đều tránh né mỗi khi người này nhìn đến ai. Dường như không một ai có thể chịu đựng nổi cái nhìn nghiêm khắc như vậy, và ai cũng có vẻ sợ hãi. Tôi là vị sư duy nhất ở đó, và tôi đến đây mà không có sự bắt buộc nào. Vì vậy tôi không sợ những nhân viên làm việc như những người khác.

Mọi người đều đứng, kể cả tôi, trong khi tôi lắng nghe điểm danh. Họ được gọi tên từng đợt và đưa ra ngoài từng nhóm. Mỗi nhóm chừng một trăm người - có khi nhiều hơn, có khi ít hơn - và chỉ có một nhân viên phụ trách. Mỗi người khi được gọi tới, luôn luôn có vẻ rất sợ người nhân viên phụ trách. Người nhân viên này cầm những vũ khí kỳ lạ, nguy hiểm.

Sau khi hầu như mọi người đều được gọi tên và dẫn đi, chỉ còn lại hai hoặc ba nhân viên, trong khi những người đã được gọi tên, chỉ có một bà khoảng sáu mươi tuổi còn ở lại, và hai người đàn ông và một người đàn bà chưa tới. Khi tất cả việc đưa người đi chấm dứt, người nhân viên cuối cùng gọi tên bà già, mời bà đi xuống cái hồ đang trước hội trường. Người này dịu dàng lễ phép nói, "Xin mời bà làm ơn đi xuống hồ. Trước hết cởi hết quần áo, đi bằng qua hồ và bước lên bờ hồ bên kia. Một chiếc xe trời (thiên xa) sẽ xuống đón bà và sẽ có một bộ đồ đẹp cho bà thay."

Bà bắt đầu khoan thai rời hội trường, giống như bà là một cận sự nữ (upasika) từ chánh điện bước ra. Còn người nhân viên thì đi theo bà để phụ giúp bà, giống như là một cận sự nam (upasaka) chờ giúp những khách đến viếng chùa. Khi bà đi tới hồ, bà cởi hết quần áo, đi bằng qua hồ sâu chừng một thước. Một thiên xa xuất hiện, từ trên trời bay xuống, bà được mời tới xe. Một bộ quần áo và nữ trang được mang ra. Khi bà đi tới xe, hai người tài xế khiêm tốn, cẩn thận giúp bà mặc quần áo và bà

trở nên một người đẹp như tiên nữ trên trời. Cái hồ này chứa đầy nước trời, cùng với các bông hoa trời nhiều màu sắc, thơm phức. Cái hồ đẹp quá, hấp dẫn đến nỗi ta có thể khen mãi không biết chán. Khi mọi việc sẵn sàng, chiếc xe bay vút lên trời, giống như là miếng bông gòn bay bổng lên theo cơn gió... Chiếc xe bay lên nhờ vào năng lượng "Thiện nghiệp quá khứ" của bà, không tiếng động, không cần bất cứ động cơ trần gian nào. Tôi đứng nhìn cho tới khi chiếc xe biến mất.

Sau khi chiếc thiên xa đưa bà lên cõi trời, nhớ lại những gì đã thấy, tôi tự hỏi tại sao họ điểm danh, dẫn đi từng đợt người với cử chỉ đe dọa, trong khi đối xử với bà này lại hết sức dịu dàng tao nhã, như là rất ngưỡng mộ bà. Vì vậy tôi hỏi họ về việc điểm danh, dẫn đi từng đám người, và về mục đích của hai chồng sách trên bàn.

Họ trả lời, "Chúng tôi kêu tên để biết ai đã tới và ai chưa tới. Họ được đưa đi từng đợt bởi vì nơi đến khác nhau tùy theo mức độ "gian ác" họ đã làm. Vài người giết cha giết mẹ, vài người giết trâu hoặc bò là loài thú đã đóng góp nhiều công sức giúp đỡ con người, và người giết các loài thú khác mà không có bất cứ lòng thương xót nào, có người cướp bóc, ăn cắp hoặc lường gạt người khác, có người ngoại tình hoặc dụ dỗ kẻ khác. Mỗi loại nghiệp phải được xử lý bằng quả thích đáng với nghiệp đó. Về hai chồng sách, chồng cao ghi tên những người ác, trong khi chồng thấp ghi tên những người đã làm điều thiện."

Tôi hỏi về những ai đã được gọi tên, nhưng vắng mặt. Chuyện gì sẽ xảy ra cho những người này? Họ trả lời rằng mặc dầu những người này chưa tới, không bao lâu họ sẽ tới. Dù hiền hay dữ, một khi tên đã được gọi, họ không thể không tới đây. "Còn bà phụ nữ và chiếc xe chở bà đi. Bà ấy đi đâu? Họ trả lời, "Bà đi tới cõi trời bởi vì bà này rất tốt, có nhiều phước báu, suốt đời bà rất rộng rãi, hay giúp đỡ, làm nhiều việc thiện, không bao giờ làm khổ ai. "Phước báu" của bà đã giúp bà lên cõi trời hạnh phúc."

"Còn tôi thì sao?" Tôi hỏi, "Tôi không nghe gọi tên. Tôi phải đi đâu?" Họ trả lời, "Tên ông chưa có ở đây, họ chưa gọi tới. Nếu ông muốn đi lên trời, hãy đi xuống hồ nơi bà phụ nữ đã đi, thiên xa sẽ xuống đón ông liền. Nếu ông muốn được tái sinh làm người, xin ông hãy đi ngược trở về đường cũ, ông sẽ tái sinh làm người." Tôi trả lời, "Tôi không muốn đi lên cõi trời mà cũng không muốn trở về cảnh người bởi vì tôi khát quá. Trước hết tôi phải đi tìm nước uống, rồi tôi sẽ tiếp tục đi". Họ nói, "Làm gì tiện cho ông cũng được."

Tôi chào từ giã, rời khỏi hội trường, đi về đường cũ, vai vẫn mang bát và lều dù. Tôi tiếp tục đi với ý định tìm nước uống. Tôi đi tới làng Bahn Nam Kum, nơi tôi sinh ra (trong kiếp sống này), gặp một phụ

nữ đang đi ra giếng ở ngoài đồng để lấy nước. Tôi hỏi xin một ít nước uống. Bà ấy nói, “Thưa Sư, Sư đi vào ở trong nhà kia chờ một chút, tôi sẽ lấy nước dâng cho Sư.” Tôi đi thẳng tới căn nhà, không xa giếng bao nhiêu. Sau khi tới nhà, ngồi xuống, tôi cảm thấy buồn ngủ nên quyết định nằm xuống chờ người phụ nữ đem nước giếng tới. Sau khi khỏe khoản tôi sẽ tiếp tục lên đường. Tuy nhiên tôi chỉ nằm ngủ trong giây lát. Thức dậy – tôi ở đâu? Tôi đã tái sinh lần nữa!

Ngay vào lúc mới sinh ra, tôi nhận ra mình mới tái sinh, nhưng không thể nào làm gì theo ý mình được, bởi vì thân thể quá yếu và đau đớn, nhức nhối khắp cả thân. Vào lúc mới sinh ra như một đứa bé sơ sinh, tôi vẫn còn nhớ rõ ràng mình là một vị tỳ khưu. Mặc dầu là một đứa bé, tôi vẫn có cảm giác là mình vẫn còn đang mang y, bát và lều dũ. Tôi vẫn nhớ mọi chuyện xảy ra trước kia – làng nơi mà tôi đã sinh ra, cha mẹ và bà con của tôi trong kiếp sống trước. Tôi nhớ tất cả, nhưng không thể nói nên lời.

Khi tôi bắt đầu nói, tôi dùng chữ đặc biệt dành cho một tỳ khưu, “Atamah” (Sư - tiếng xưng hô chỉ dành cho các sư), bởi vì tôi cảm thấy tôi còn là một tỳ khưu. Chữ đầu tiên tôi nói là “Atamah”, theo như cách tôi thực hành trong kiếp trước. Tôi cố gắng phát âm đúng giọng, rõ ràng. Khi ba má và bà con của tôi nghe tôi dùng chữ giống như là một tỳ khưu nói chuyện với các Phật tử, họ cấm tôi nói như vậy. Họ nói cho tôi biết tôi chỉ là một đứa con nít chứ không phải là một vị sư, và tôi không được nói “Atamah” vì thế gian không ai chấp nhận lối phát ngôn đó. Nhưng đứa trẻ tiếp tục nói như vậy. Ba má tôi rầy, “Con nhìn con coi! Còn nhỏ như vậy mà dùng tiếng xưng hô của một tỳ khưu là có tội.” Nghe vậy tôi sợ hãi và ân hận, cái cảm tưởng mình là một tỳ khưu phai lạt dần, chỉ còn lại thân thể của một đứa trẻ. Từ đó, tôi không xưng hô như trước.

Khi tôi lớn hơn, tôi mong muốn gặp lại cha mẹ và bà con của tôi trong kiếp trước. Tôi than vãn với ba má (hiện tại) là tôi muốn thăm nhà cũ. Nhưng ba má lại la rầy, nói rằng tôi chỉ tự mình gây rắc rối thôi. Tôi quyết định phải giải nghĩa chuyện gì xảy ra cho tôi. Vì vậy tôi kể lại kiếp trước của tôi – nhà cũ, xuất gia làm tỳ khưu, chết – và tôi thật sự muốn thăm ngôi nhà cũ của mình.

Sau khi nghe xong, biết con mình nói thật, ba má tôi đều khóc và cảm thấy hối hận vì đã luôn rầy la tôi lúc trước. Ba má tôi nói tôi hãy thứ lỗi cho hai người, và má tôi giải nghĩa rằng má tôi luôn luôn muốn chăm sóc con trai của mình, vì bà thương con quá.

Bà nói mặc dầu bà không ngăn cấm tôi đi thăm ngôi nhà cũ, nhưng nên đợi cho tới lúc tôi lớn hơn, và tôi nên coi bà (hiện tại) là bà mẹ thật sự của mình, người sẵn sàng hi sinh tính mạng của mình cho con. Nghe xong, tôi hết sức thông cảm với má tôi và thấy rằng mình phải bỏ qua ý muốn thăm nhà cũ vì điều đó làm má tôi quá khổ đau.

Nghe chú Sa di Lee-am kể xong, người viết mới hỏi có khi nào chú về làng xưa chưa? Chú trả lời chưa, và cũng chưa gặp lại Thiền sư Acharn Tong, nhưng chắc chắn chú sẽ nhớ nếu gặp lại Thiền sư. Người viết đưa chú đi gặp tất cả thiền sư hiện diện (tụ về dự lễ hoả tang Thiền sư Acharn Mun), hỏi chú vậy chú ai là Thiền sư Acharn Tong, và thử chú một cách cẩn thận. Chú nhận ra ngay Thiền sư Acharn Tong, mặc dù người viết giả bộ không biết Ngài là ai. Lúc đó, không thể nào có cơ hội cho Thiền Sư Acharn Tong và Sadi Lee-am gặp gỡ nhau vì ai nấy đều bận rộn. Người viết lấy làm tiếc đã mất một cơ hội hoàn hảo để chứng thực cho câu chuyện.

Tuy nhiên sau đó, cùng năm, người viết nhân gặp lại Thiền sư Acharn Tong, hỏi Ngài có từng ở tại làng Bahn Sam Pong (nơi sư Bua kể là nơi chết của sư). Ngài trả lời có, nơi đó có nhiều người bị sốt, ba vị sư chết, người chót là Sư Bua. Người viết mới kể cho Ngài nghe về chuyện Sa di Lee-am. Thiền sư Acharn Tong nhớ Sư Bua, nói rằng Sư đã thọ giới được ba năm khi Sư mất, thiền định của Sư rất tốt. Acharn Tong cũng nói rằng Ngài chưa từng gặp Sadi Lee-am và không biết thân hình của chú có những nét trước kia không. Người viết hỏi Ngài rằng Sư Bua đã chết được bao lâu rồi. Thiền sư Acharn Tong trả lời rằng chừng mười sáu năm. Sa di đã cho tôi biết cũng trong năm đó chú được mười lăm tuổi. ●

1. Trong lễ hỏa táng Thiền sư Acharn Mun ở Đông Bắc Thái Lan vào tháng hai năm 1950, có rất nhiều vị sư tu trong rừng (lâm tăng) tụ tập về để tỏ lòng kính trọng. Họ cắm lều giữa đám cây rừng, hành thiền, nghe thuyết pháp, dự pháp đàm, và giúp chuẩn bị nơi hỏa táng.

2. Cho ba tháng mùa mưa.

3. Một 'dù lều' treo lên như một cái mùng đồng thời cũng được dùng làm lều ở cho du tăng khất sĩ tu trong rừng.

B.N.

(Một tỳ khưu dịch lại từ tiếng Thái. Người viết ẩn danh. Dầu vậy, người dịch biết người viết có tên thật này và hoàn toàn tin là chuyện thật. Dịch nguyên văn, trừ bỏ vài đoạn lặp đi lặp lại).

Chúng tôi cảm ơn nhà xuất bản Buddhist Publishing Groupe đã cho phép dịch ra tiếng Việt và phổ biến.

* Trích báo Buddhism Now, Bộ V, Số 1, tháng hai 1993, trang 20-28.



KHÓI HƯƠNG

có thể gây hại sức khỏe

Bồ Đề sư tử tằm

Việc tiếp xúc với khói hương thường xuyên có thể gây ra những nguy cơ với sức khỏe.

Hương không thể thiếu trong các nghi lễ tôn giáo ở phương Đông mà chủ yếu là đạo Phật và tục thờ cúng gia tiên của một số dân tộc. Chúng làm tăng vẻ thiêng liêng của nghi lễ.

Gần đây trên thế giới cũng phát triển cách chữa bệnh gọi là hương học trị liệu (aromatherapy) trong đó có cả cách ngửi khói hương. Vì vậy các nhà khoa học Đan Mạch đã tiến hành một số nghiên cứu với mục đích tìm hiểu hương ảnh hưởng thế nào đến sức khỏe con người.

Kết quả cho thấy rằng một số loại hương phổ biến mùi rất thơm chẳng những không có lợi gì cho cơ thể mà ngược lại, rất có hại đối với sức khỏe, thông tin trên tờ MIGnews cho hay.

Các nhà khoa học cảnh báo nếu trong nhiều năm, tiếp xúc với khói hương một cách có hệ thống (ví dụ sống trong các đền chùa chẳng hạn) sẽ tăng rất rõ rệt nguy cơ mắc bệnh ung thư phổi và đường hô hấp trên.

Các nhà nghiên cứu cũng lưu ý rằng, trong trị liệu bằng hương thơm, một số tính chất người ta thường quảng cáo là có lợi như khói hương có thể làm tăng khả năng miễn dịch, giảm cảm giác đau, làm các vết thương mau lành cũng không đáng tin cậy và không phải là những đặc tính của hương.

Theo các nhà khoa học, sở dĩ hương độc hại là vì khi cháy trong khói hương chứa những chất gây ung thư thiên nhiên điển hình nguồn gốc hữu cơ như benzen, những hợp chất cacbonyl và những hợp chất hydrocacbon thơm đa vòng.●



Tìm hiểu luật thừa kế nhà đất

Luật sư Lâm Thị Mai trả lời

Câu hỏi 1: Năm 1985 nhà tôi có mua căn nhà trên diện tích đất 120m² bằng giấy tay. Năm 1999 đăng ký kê khai nhà đất với UBND xã với diện tích 36m². Hàng năm có kê khai nộp thuế nhà đất nhưng chỉ với 24m². Hiện nay, khi xác nhận nguồn gốc đất cho nhà tôi để giải tỏa đền bù, UBND xã chỉ xác nhận gia đình tôi sử dụng ổn định 36m² từ năm 1985 mặc dù những người sống lâu năm quanh nhà tôi không tranh chấp gì, đều xác nhận là diện tích đất của nhà tôi có đến 120m²; Ban bồi thường chỉ đồng ý bồi thường cho tôi với diện tích 24m², số diện tích còn lại không được bồi thường cũng như hỗ trợ, lý do là nhà tôi cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Nhờ luật sư tư vấn giúp việc xác nhận nguồn gốc của UBND xã như vậy có đúng không, việc xác nhận nguồn gốc phải căn cứ vào những giấy tờ gì; Ban bồi thường tính như vậy có đúng không? Rất mong luật sư quan tâm giúp đỡ!

(Phật tử chùa Bửu Long)

Trả lời: Trong trường hợp bạn nêu về lĩnh vực đất đai bồi thường: Khi Nhà nước thu hồi, đền bù phải theo diện tích thực tế mà người sử dụng đất đang sử dụng; việc xác định một người sử dụng đất để được cấp GCNQSDĐ theo luật đất đai đối với người sử dụng ổn định lâu dài là: không lấn chiếm, không tranh chấp, có thời gian sử dụng theo quy định của pháp luật... trong trường hợp bạn đã được cấp GCNQSDĐ theo quy định của luật đất đai, do đó, khi thu hồi, giải tỏa bạn được bồi thường theo luật định. Tuy nhiên, bạn không kê khai đúng theo thực tế hiện trạng đất đang sử dụng. Do đó, khi phát hiện bạn phải bị truy thu thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Nếu bạn không đồng ý việc đền bù trên, bạn có thể khiếu nại lên Chủ tịch UBND quận, huyện nơi có đất để được xem xét giải quyết; trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch, bạn có thể khởi kiện ra tòa án theo luật định.

Chúc bạn thành công.



Câu hỏi 2: Tôi nhờ tư vấn như sau: Ông ngoại tôi mất mà không để lại di chúc cho ai hết. Sau đó cậu tôi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông bà ngoại tôi. Vì cậu tôi nuôi dưỡng bà ngoại nên phần tài sản của bà ngoại cho lại cho cậu tôi. Mẹ tôi được thừa kế phần của ông ngoại tôi với diện tích 38m² trong tổng diện tích 180m². Giờ mẹ tôi đã yếu, muốn cho lại phần diện tích đất trên cho tôi thì có cần phải tách sổ ra mới cho tôi được không và nếu tách sổ mà với diện tích <50m² thì có tách sổ được không?

(Phật tử chùa Thiên Phước)

Trả lời: Nội dung của bạn liên quan đến quyền của người sử dụng đất đai:

Phần đất mà mẹ bạn tặng cho bạn là 38m², không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định, tuy nhiên, nếu mẹ bạn có các giấy tờ và căn cứ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu của mẹ bạn đối với phần đất 38m² đó thì việc mẹ bạn cho bạn là hoàn toàn hợp pháp. Xin tư vấn thêm là nếu bạn muốn tách sổ có thể thương lượng với cậu bạn để sang nhượng thêm 1 phần đất hiện thuộc quyền quản lý của cậu để cho mảnh đất của bạn đủ diện tích và địa giới tối thiểu được tách thửa <50m², tôi nghĩ bằng tình cảm người trong gia đình sẽ không quá khó khăn trong việc này. Cầu chúc bạn may mắn thành công và hạnh phúc.●

Lễ hội truyền thống Sene Đôn ta của Phật giáo Nam Tông Khmer

Theo chinhphu.vn

Chiều 20/9, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đã dự buổi họp mặt mừng Lễ hội Sene Đôn ta- lễ hội truyền thống lớn nhất trong năm của đồng bào dân tộc Khmer Nam bộ.

Lễ hội Sene Đôn ta từ lâu đã trở thành ngày lễ truyền thống đậm nét văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer, là dịp để đồng bào và chư tăng Phật giáo Nam tông Khmer tỏ lòng thành kính, tưởng niệm, báo hiếu đến vong linh ông bà, tổ tiên, những người có nhiều công đức đối với quê hương, đất nước. Kế thừa truyền thống dân tộc và phát huy truyền thống cách mạng, trong mùa Sene Đôn ta hàng năm, đồng bào Khmer đã gắn việc báo hiếu ông bà tổ tiên với việc tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tri ân công lao to lớn của các anh hùng liệt sĩ đã hi sinh vì sự nghiệp cách mạng.

Hằng năm từ ngày rằm đến 29 (hoặc 30) tháng Tám âm lịch, cộng đồng Khmer tổ chức dâng cơm đến chùa, dâng cơm tổ tiên ông bà, tổ chức cầu siêu và đón mừng lễ hội Sene Đôn Ta.

Phát biểu tại buổi lễ, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh thay mặt Chính phủ gửi lời chúc mừng đến các hòa thượng, thượng tọa, đại đức, chư tăng và toàn thể đồng bào Phật giáo Nam tông Khmer trong vùng.

Phó Thủ tướng cho biết, cùng với chủ trương đoàn kết tôn giáo, dân tộc, bảo tồn phát huy văn hóa các dân tộc Việt Nam, Đảng, Chính phủ những năm qua còn hết sức chăm lo cho đời sống kinh tế, văn hóa của đồng bào.

Từ đầu năm đến nay, chính quyền các địa phương ĐBSCL đã tạo thêm 400 ngàn việc làm cho người dân, trong đó có nhiều đồng bào Khmer. Toàn vùng đã được hỗ trợ hơn 88 ngàn căn nhà cho đồng bào thiếu số nghèo, đạt tỉ lệ 98,7%; hỗ trợ đất ở cho hơn 2.500 hộ, đất sản xuất cho hơn 2.700 hộ...

Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đề nghị các Bộ ban ngành, các địa phương tiếp tục triển khai những chủ trương thiết thực, chăm lo cho đời sống an sinh xã hội của đồng bào Khmer trên địa bàn.

"Tôi đề nghị các tỉnh, thành trong vùng tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ, giúp đỡ các hộ đồng bào Khmer nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, để đồng bào được



Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh trao quà cho đại diện hòa thượng, thượng tọa, đại đức, chư tăng. - Ảnh: Chinhphu.vn

hưởng trọn vẹn ngày lễ Sene Đôn ta trong không khí yên vui, đầm ấm", Phó Thủ tướng nhấn mạnh.

Bên cạnh đó, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh cũng lưu ý các địa phương cần làm tốt việc triển khai chính sách hợp lý với những người có uy tín trong cộng đồng đồng bào Khmer, tăng cường công tác đào tạo cán bộ người dân tộc, và đặc biệt quan tâm giải quyết kịp thời các vụ khiếu kiện, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của công dân có liên quan đến chính sách đời sống của đồng bào Khmer, để đồng bào ngày càng gắn bó, đồng lòng chung sức phát triển kinh tế - xã hội cùng địa phương và cả nước. ●



Chư Tăng tụng kinh và làm lễ thọ giới trong lễ Sene Đôn-ta của người Khmer

Nghệ An: Trọng thể tổ chức Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh lần I (Nhiệm kỳ 2011 - 2016)

Theo giacngo.vn

Sau đúng 30 năm thành lập Giáo hội, sáng ngày 23-9, Phật giáo Nghệ An chuyển mình bước sang trang mới bằng việc thành lập Ban Trị sự Tỉnh hội và tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ nhất tại thành phố Vinh.

Quang lâm chứng minh và tham dự Đại hội có chư tôn giáo phẩm lãnh đạo Trung ương Giáo hội. Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ, Đức Phó Pháp chủ - Hòa thượng Thích Thanh Sam cùng chư tôn đức HĐCM, HĐTS cùng gần 500 đại biểu chính thức và hàng trăm đại biểu khách mời đã về dự Đại hội được diễn ra tại Trung tâm Văn hóa Lao động tỉnh Nghệ An (TP. Vinh).

Về phía chính quyền có các ông Hà Văn Núi - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An, ông Bùi Hữu Dực - Vụ trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ, đại diện Ban Dân vận TƯ, Bộ Công an, ông Thái Văn Hằng - Phó chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An cùng lãnh đạo tỉnh Nghệ An, thành phố Vinh đã đến dự và chúc mừng Đại hội.

TT. Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Tổ chức đọc diễn văn khai mạc Đại hội. Thượng tọa nhiệt liệt chào mừng chư tôn đức và quý đại biểu đã đến chứng minh tham dự đại hội, đánh dấu bước chuyển mình của Phật giáo xứ Nghệ. Thượng tọa cho biết, Đại hội lần này là dịp công bố các quyết định của Giáo hội và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập Tỉnh hội Phật giáo Nghệ An. "Phật giáo xứ Nghệ có lịch sử hình thành và phát triển đến nay đã trải qua hàng ngàn năm lịch sử, có những giai đoạn phát triển hưng thịnh nhưng cũng có những giai đoạn lắng đọng, song mạng mạch Phật pháp luôn được xiển dương cho đến ngày nay", TT. Thích Thanh Nhiễu khẳng định.

TT. Thích Thọ Lạc - Phó ban tổ chức Đại hội đọc báo cáo tổng hợp tình hình Phật giáo Nghệ An và quá trình kiện toàn, tổ chức, thành lập Tỉnh hội Phật giáo Nghệ An. Thượng tọa đã khái quát quá trình du nhập và phát triển Phật giáo Nghệ An trong quá khứ và điểm qua quá trình vận động thành lập Tỉnh hội Phật giáo Nghệ An.



Tân Ban Trị sự ra mắt

Ông Phan Đức Sơn - Phó Chánh văn phòng UBND tỉnh Nghệ An thay mặt Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An đã công bố quyết định số 2256/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc chấp thuận thành lập Tỉnh hội Phật giáo Nghệ An. TT. Thích Gia Quang - Phó tổng thư ký kiêm Chánh văn phòng I TƯGH đã thay mặt Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội cũng công bố quyết định về việc thành lập Tỉnh hội Phật giáo Nghệ An. Sau đó ông Thái Văn Hằng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, HT. Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký HĐTS lần lượt trao quyết định và TT. Thích Thanh Nhiễu và TT. Thích Thọ Lạc tiếp nhận.

Ban tổ chức Đại hội công bố thành phần nhân sự Ban trị sự tỉnh hội nhiệm kỳ I gồm 10 thành viên do TT. Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch HĐTS làm Trưởng ban.

Sau đó, tân Ban trị sự Tỉnh hội Phật giáo Nghệ An đã ra mắt. TT. Thích Thanh Nhiễu đại diện Ban trị sự phát biểu tri ân Giáo hội và chính quyền các cấp. Thượng tọa cũng hứa trước Đại hội về việc tận tâm đưa Phật giáo Nghệ An đi lên một tầm cao mới.

Trước khi Đại hội khép lại, HT. Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký HĐTS thay mặt chư tôn giáo phẩm chứng minh ban đạo từ. Hòa thượng điểm qua quá trình vận động thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981. Sau 30 năm có 57 Tỉnh, Thành hội Phật giáo được thành lập. Đến hôm nay, đánh dấu sự hòa mình của Phật giáo Nghệ An trong dòng chảy chung của Phật giáo cả nước. Hòa thượng Phó Chủ tịch tán thán chư tôn đức Ban tổ chức Đại hội đã nỗ lực trong quá trình tổ chức Đại hội và vận động cho việc Tỉnh hội Phật giáo Nghệ An ra đời và mong rằng Tăng Ni, Phật tử Nghệ An đoàn kết, hòa hợp dưới ngôi nhà chung của Tỉnh hội để xương minh chánh pháp nơi xứ Nghệ.

Đại hội đã chính thức khép lại thành công sau khi thông qua Nghị quyết và trình bày cảm tạ của Ban tổ chức Đại hội. ●

An Giang: Mít tinh chào mừng 30 năm thành lập GHPGVN và khai giảng khóa bồi dưỡng trụ trì

Theo giaohoi-phatgiaovietnam.vn



Vào lúc 8 giờ ngày 3 tháng 10 năm 2011, tại chùa Bình An, phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh An Giang trọng thể tổ chức mít tinh chào mừng Đại lễ Kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo và khai giảng Khóa Bồi dưỡng trụ trì lần thứ 14.

Đến chứng minh và tham dự có HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN; HT. Thích Thiện Pháp – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 TWGH; HT. Thích Thiện Tánh – Ủy viên Kiểm soát HĐTS; HT. Thích Huệ Trí – Ủy viên Pháp chế HĐTS, Phó Văn phòng 2 TWGH; HT. Thích Huệ Tài – UV. HĐTS, Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh An Giang; chư Tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS trú xứ tại An Giang; chư Tôn giáo phẩm các tỉnh, thành tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long và Tp. Hồ Chí Minh; chư Tôn đức Tăng Ni, Cư sĩ thành viên Ban Trị sự, Ban Đại diện Phật giáo huyện, thị, thành phố; chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì các Tự viện và hàng ngàn Tăng Ni, Phật tử tham dự.

Khách mời có ông Nguyễn Văn Lượm – Thường vụ tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận; ông Võ Thanh Tâm – Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo; ông Trần Thanh Tộc – Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang; quý ông, bà đại diện các Sở, ban ngành tỉnh An Giang, Tp. Long Xuyên và phường Mỹ Bình sở tại.

Trong buổi lễ, HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS tuyên đọc Thông điệp của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

TT. Thích Thiện Thống – Ủy viên Thư ký HĐTS, Phó Văn phòng 2 TWGH trình bày báo cáo tổng kết những thành quả đạt được của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong 30 năm qua.

Trong dịp này, Hòa thượng Thích Trí Quảng, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Hòa thượng Thích Thiện Trí, Hòa thượng Thích Minh Thông, Hòa thượng Thích Giác Toàn, TT. Thích Giác Liêm thuyết giảng cho khóa Bồi dưỡng trụ trì của tỉnh An Giang. ●

Mặt trận phối hợp kỷ niệm 30 năm GHPGVN

Theo Đại đoàn kết

Ban Thường trực UBTTMTTQ Việt Nam vừa ban hành hướng dẫn MTTQ các cấp phối hợp tổ chức các hoạt động kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội (7-11-1981 – 7-11-2011).

Theo đó, Ban Thường trực UBTT MTTQ Việt Nam đề nghị Ban Thường trực Ủy ban MTTQ các tỉnh, thành phố chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương hướng dẫn, giúp đỡ Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm và Hội thảo nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hướng tới việc chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu Phật giáo các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đồng thời, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động nhân đạo từ thiện, xây dựng chùa tinh tiến, chùa văn hoá... thiết thực chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chào mừng 81 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam. Tổ chức đoàn đại biểu của Ủy ban MTTQ tỉnh, thành phố (trong đó có đại biểu đại diện các tôn giáo bạn ở địa phương cùng tham gia đoàn) đến thăm hỏi, chúc mừng Ban Trị sự Phật giáo của tỉnh, thành phố nhân dịp Đại lễ kỷ niệm nhằm tạo không khí chan hoà, cởi mở và tăng cường tình đoàn kết, thân ái giữa các tôn giáo ở địa phương. Phối hợp với Ban trị sự và các cơ quan chức năng ở địa phương xem xét, đề xuất những tập thể, cá nhân chức sắc, cư sĩ Phật giáo có nhiều đóng góp tiêu biểu cho việc thành lập Giáo hội, cho dân tộc, đạo pháp và các phong trào thi đua yêu nước, để đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp trong dịp Đại lễ kỷ niệm.

Phối hợp giới thiệu đại biểu chức sắc, tăng ni có nhiều đóng góp tiêu biểu trong các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động xã hội từ thiện tham dự Gặp mặt giao lưu gương Chức sắc, Phật tử điển hình tiên tiến do Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Đài truyền hình Việt Nam phối hợp tổ chức vào đầu tháng 11- 2011. Phối hợp và giúp Ban Trị sự Phật giáo của tỉnh, thành phố khảo sát các chùa di tích lịch sử, văn hoá ở địa phương để đề nghị các cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật. Giúp liên hệ với các cơ quan thông tấn, báo chí có kế hoạch đưa tin tuyên truyền biểu dương các thành tựu Phật sự và Thế sự của tập thể và các cá nhân chức sắc, Phật tử tiêu biểu thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong 30 năm qua đóng góp vào sự nghiệp hoằng dương chính pháp, củng cố tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phê phán, đấu tranh với các phần tử xấu, cơ hội trong và ngoài nước âm mưu chia rẽ Phật giáo, phá hoại sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc. ●

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 13

01	Gđ Như Minh - Diệu Phát	10 quyển
02	Gđ. Đình Kiều Oanh	15 quyển
03	Gđ. Mai Xuân Hiên	10 quyển
04	Gđ. Trần Thị Bảy	10 quyển
05	Gđ. Lê Thị Minh Tân - Nguyên Hương	10 quyển
06	Gđ. Nguyễn Việt Phương	10 quyển
07	Phật tử Chùa Phổ Minh	10 quyển
08	Gđ. Võ Quang Cảnh	15 quyển
09	Gđ. Phạm Xuân Trường	10 quyển
10	Gđ. Hiên Minh - Nguyên Đức	15 quyển
11	Gđ. Đặng Đức Tiệp	10 quyển
12	Gđ. Lâm Tuyết Sương - Ngọc Trung	25 quyển
13	Gđ. Ngô Thị Tuyền	10 quyển
14	Gđ. Nguyễn Thị Ngâu	10 quyển
15	Gđ. Trần Vũ Dũng	15 quyển
16	Gđ. Bác Sĩ Phạm Lê An	50 quyển
17	Gđ. Lê Thị Hải Đăng	05 quyển
18	Gđ. Võ Thị Vui	10 quyển
19	Như Hiên - Trần Thị Lang	10 quyển
20	Gđ. Nguyên Hương- Trần Thị Hoan	10 quyển
21	Gđ. Tịnh Quý - Nguyễn Thị Hường	10 quyển
22	Gđ. Trương Hoàng Thọ	25 quyển
23	Gđ. Trần Hoàng Gia An - Nguyên Tâm	05 quyển
24	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
25	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
26	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
27	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
28	Gđ Văng Phi Nga- Hà Thế Hưng	100 quyển
29	GĐ Hiên Khánh - Hoa Huệ	100 quyển
30	GĐ Phạm Hồng Trang	10 quyển

31	Trần Thị Phết	23 quyển
32	GĐ Minh Đức	15 quyển
33	Đặng Kim Liên	10 quyển
34	GĐ Lê Thị Chiêm (PD Viên Lễ)	25 quyển
35	Cô Hương	50 quyển
36	Quang Nhiên	10 quyển
37	Phùng Văn Nhân	10 quyển
38	Trần Công Thôn (PD Thiện Kiến)	10 quyển
39	GĐ chú Hội - cô Lài	20 quyển
40	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
41	Cô Thu	10 quyển
42	Bé Khôi	10 quyển
43	TN Diệu Liên	03 quyển
44	GĐ Mười Trang	10 quyển
45	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
46	Gđ. Nguyễn Thị Yến Linh	20 quyển
47	GĐ Phạm Minh Hùng	10 quyển
48	Trần Ngọc Tư	10 quyển
49	GĐ Đỗ Minh Trung Oanh Quyên	50 quyển
50	Gđ TN Quang Thủy	20 quyển
51	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển
52	GĐ Nguyễn Thị Định	50 quyển
53	Gđ Nguyễn Minh Nhơn (PD Thiện Nhơn)	25 quyển
54	Trần Cao Khánh (Happy)	10 quyển

giá: 20.000 đồng